

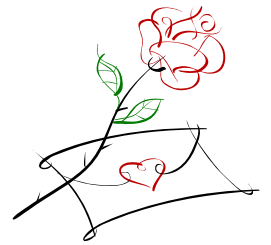
Cùng quý độc giả thân mến,

Sự có mặt của loài người chúng ta hôm nay trên hành tinh này, nên biết đó là một hệ quả của những vọng thức vô minh bất giác gây ra lúc nào ta không hay biết, tạm gọi là vô thi vô minh! Vì tạo nghiệp không đồng, nên báo thân của mỗi người đều có những điểm sai biệt nhau. Dù khác nhau trên hình hài thể chất, nhưng sự cảm thọ của những nỗi thống khổ đau xót trong tâm thì không khác nhau cho mấy. Đã có thân, tất nhiên, không ai tránh khỏi những khổ lụy buộc ràng, ngoại trừ các bậc Thánh nhân. Bởi sự ra đời của các Ngài là nhằm mục đích chuyển mê khai ngộ, phổ độ tất cả chúng sinh. Các Ngài vì nguyên lực độ sanh mà ra đời, chứ không phải vì nghiệp lực ra đời thọ khổ báo như chúng ta. Do đó, nên sự có mặt của các Ngài trên cõi đời này là tùy duyên hóa độ. Khi mãn duyên thì các Ngài thu thần nhập diệt. Các Ngài xem sự sanh tử như trò chơi, khác nào như hoa đóm giữa hư không. Sự đến đi của các Ngài rất là an nhiên tự tại. Sự thị hiện ra đời của đức Phật cũng thế.

Sự kiện lâm phạm của Ngài nhằm khai thông cho Nhơn loại một kỷ nguyên mới. Một kỷ nguyên rộng mở về bản chất giá trị của trí tuệ và tình thương. Hơn thế nữa, là giá trị bản giác cao tột tuyệt đối của con người. Giá trị đó không phải xây dựng bằng những yếu tố ngoại tại. Học thức, đẳng cấp, giàu sang, chủ nghĩa, địa vị, bạc vàng v.v... tất cả chỉ là những thứ giả trá tạm bợ luôn thay đổi bất thường. Không có một vật gì tồn tại mãi mãi theo thời gian và không gian. Chỉ có nguồn tuệ giác mới đích thực mang yếu tính chọn để siêu xuất thế gian. Đó chính là nguồn sống cao đẹp thiêng liêng vô giá mà chính đức Phật đã trải nghiệm thân chứng và Ngài đã chỉ bày lại cho tất cả chúng ta.

Loài người của chúng ta hôm nay có quá nhiều nỗi bức xúc đau khổ. Ngoài những thống khổ về bản thân như: sanh, già, bệnh, chết ra, con người còn phải hứng chịu không biết bao nhiêu điều khổ lụy đau thương chồng chất khác. Những trận thiên tai họa hại

Lá Thư Tòa Soạn



ngày càng xảy ra ác liệt hơn. Mỗi lần động đất hay sóng thần, bão lụt... sinh mạng con người bị tử vong không sao nói hết. Chúng ta thử nghĩ, trong thân nhân ruột thịt của chúng ta, chỉ có một người mất đi là đã có rất nhiều người đau khổ. Còn một trận thiên tai con số bị tử vong có khi lên đến hàng cả trăm ngàn người thiệt mạng. Thế thì, chúng ta thử tưởng tượng có biết bao nhiêu người phải gánh chịu nỗi đau khổ tang thương này?! Quả đúng như lời Phật dạy: “*Nước mắt của chúng sanh, nhiều hơn nước bể đại dương*”.

Đã thế, mà con người vẫn chưa chịu ý thức để cảm thông đoàn kết xây dựng thương yêu nhau hơn. Họ lại còn nhẫn tâm gây ra bao hận thù chia cách tàn sát lẫn nhau! Người làm khổ người, đồng loại giết chết đồng loại. Chúng ta thử hỏi hậu quả của nỗi thảm họa tang thương đầy khổ lụy này là do đâu? Phải chăng, tất cả cũng đều do ba thứ độc tố nguy hiểm: “**Tham, Sân, Si**” của con người mà ra?!

Do thấu hiểu được những nguyên nhân nội tại của con người, nên sau ngày thành đạo, đức Phật đã không ngừng giảng thuyết nhằm khai sáng những yếu tính: trí tuệ, từ bi, vị tha và bình đẳng cho con người. Đó là những thông điệp cực kỳ quan yếu mà đức Phật nhằm mang lại sự yêu thương, hòa bình, an lạc, hạnh phúc cho Nhơn sinh. Song rất tiếc, dù đã trải qua hơn hai mươi lăm thế kỷ, Nhơn loại cũng chưa thực sự học hiểu thấm nhuần những yếu tính đó để mang nó ra áp dụng. Chính vì thế, mà con người vẫn mãi chịu trầm luân đau khổ.

Như bao mùa Phật Đản đã qua, tòa soạn đặc san Phước Huệ lúc nào cũng kỳ vọng mong mỗi trong khả năng khiêm tốn của mình, muốn được thiết lập một nhịp cầu trao đổi chia sẻ kinh nghiệm học hỏi Phật pháp cùng

với quý độc giả Phật tử thân thương khắp nơi. Để cho nội dung tờ báo mỗi ngày mỗi có thêm chất lượng khởi sắc hơn, tòa soạn thiết tha ân cần kêu gọi sự nhiệt tâm đóng góp bài vở của quý thức giả Phật tử khắp nơi. Mục đích là để cho tờ báo ngày càng phát huy mạnh mẽ dồi dào trong tinh thần quảng bá Phật pháp sâu rộng, theo định hướng khế lý, khế cơ của đạo Phật.

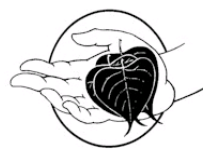
Nhân đây, tòa soạn cũng xin chân thành tri ân chư Tôn Đức Tăng Ni và quý ân nhân Phật tử đã từng đóng góp tịnh tài nuôi dưỡng cho tờ báo được sống còn. Và chúng tôi cũng không quên tri ân các bậc thức giả, độc giả đã từng đóng góp bài vở cho mỗi kỳ báo.

Nhân mùa Phật Đản lần thứ 2634, chúng ta hãy thành tâm hướng lòng cầu nguyện cho tình người rộng mở, cho tình huynh đệ đại đồng hãy thương yêu nhau hơn và hãy cùng

nhau kiến tạo một nền hòa bình thực sự vĩnh cửu bắt nguồn từ tâm thức của mỗi người. Chỉ có thế, thì sự cử hành tưởng niệm ngày Đản sinh của đức Phật mới thực sự có ý nghĩa và mới lợi ích thiết thực!

Kính chúc toàn thể quý độc giả Phật tử xa gần chào đón một mùa Phật Đản trong tinh thần hỷ xả bao dung, hài hòa và tha thứ, để mỗi người có một cuộc sống an lạc và tràn đầy hạnh phúc từ nơi bản thân, gia đình và xã hội.

Ban Biên Tập.



Tổ Đình Phước Huệ

Thiệp Mời

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2634

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản lần thứ 2634

được tổ chức tại Tổ Đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park NSW 2164

Điện thoại: (02) 9725 2324

vào lúc 10 giờ sáng, ngày Chủ Nhật 30/05/2010

Sự hiện diện của Quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỷ của Phật giáo đồ

Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc

Kính nguyện kiết tường

Trân trọng

Ban Tổ Chức





THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN 2634

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa Quý đồng hương, Phật tử,
Kính thưa Liệt quý vị.

Một lần nữa, chúng ta lại hân hoan trân kính đón mừng ngày đản sanh của đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni, đấng cha lành của muôn loài. Hiện tượng đức Phật đến với cuộc đời như là một sứ giả của tình thương, của hòa bình và của một trí năng siêu việt. Ngài ra đời trong bối cảnh của một xã hội Ấn Độ đầy nhiễu nhương rối loạn bất công. Giá trị nhân phẩm của con người đã bị chà đạp đến tận cùng, bởi những giai cấp quyền uy thống trị. Nỗi thống khổ uất hận của họ dâng cao ngập trời, nhưng họ không biết phải tỏ lộ than thở cùng ai!

Trước những hiện tượng đầy dẫy sự bất công đó, đức Phật ra đời như là một vị cứu tinh, mang đến cho họ một niềm tin vững mạnh trong chiều hướng giải cứu họ thoát khỏi ách thống trị, mà trong quá khứ, họ phải cam tâm âm thầm chịu đựng những tủ nhục đau thương tràn đầy oán hận. Thật vậy, đức Phật đã làm một cuộc cách mạng vô tiền khoáng hậu, Ngài đã phá tan mọi giai cấp bất công, đem lại cho người dân có một đời sống bình đẳng, ấm no, hạnh phúc. Quả thật, Ngài đã khai thông cho nhơn loại một sinh lộ mới. Một sinh lộ lấy trí huệ, từ bi, vị tha, bình đẳng làm phương châm trong tiến trình tu tập hướng đến chân trời giải thoát. Trong tinh thần hướng thượng giải thoát đó, suốt quá trình hoằng pháp lợi sinh, Ngài đã không ngừng kêu gọi mọi người hãy mở rộng trái tim, hãy thực sự thương yêu hòa kính và hãy cùng nhau quyết tâm xây dựng một nền hòa bình trọn vẹn và đúng nghĩa của nó. Có hướng đến như thế, thì nhơn loại mới có thể giải quyết những hận thù, những kỳ thị tranh chấp, những xung đột mâu thuẫn nội tại và ngoại tại. Đó là hướng tiến đích thực của một nền văn minh cao đẹp, mà điểm tựa của nó phải lấy tinh thần hỷ xả, bao dung và tha thứ làm tiền đề. Đó là một nghệ thuật sống đạt đến Chân, Thiện Mỹ, mà chính bản thân đức Phật đã trải nghiệm và thân chứng.

Loài người của chúng ta hôm nay, chúng ta có thể tự hào hãnh diện về một nền văn minh khoa học kỹ thuật tân tiến vượt bậc, khám phá ra những hành tinh khác, nhưng nhìn lại thân phận con người của chúng ta thì, vẫn còn phải chịu đựng quá nhiều hệ phược đau khổ. Những nỗi khổ đau này không phải do ai mang lại cho ta, mà chính do chúng ta tạo ra. Đó là một cộng nghiệp của loài người chúng ta hiện nay.

Người ta vẫn hô hào kêu gọi hòa bình, nhưng hòa bình đâu không thấy mà chỉ thấy toàn chiến tranh, hận thù, khủng bố tàn sát và những xung đột kỳ thị tranh chấp ngày càng bộc phát mãnh liệt hơn. Một nền hòa bình thực sự chỉ có thể thực hiện được, với điều kiện là con người phải thực sự làm một cuộc cách mạng toàn triệt hóa giải hết những “*Nội kết*” ở trong tâm thức của chính mình.

Bao lâu lòng người chưa thực sự an bình, thì bấy lâu con người vẫn không bao giờ an ổn, vì lòng tham vọng quyền lợi vẫn còn quá lớn trong tâm thức của con người. Hòa bình thực sự chỉ có, khi nào lòng tham vọng chiếm hữu quyền lực và tài sản của con người không còn. Đức Phật, sở dĩ ngày nay nhơn loại đều tôn kính quy hướng về Ngài là vì Ngài dám cương quyết từ bỏ mọi tham vọng đó. Ngài bỏ tất cả để rồi Ngài được lại tất cả. Còn chúng ta vì ham muốn tất cả, cuối cùng lại mất hết tất cả. Đó là một nghịch lý trong dòng sống giữa tham vọng và buông xả.

Ngoài những yếu lý mang tính thời đại xã hội có tánh cách khế cơ ra, đức Phật luôn nêu cao tôn chỉ và vạch bày rộng mở cho nhơn loại một con đường khế lý nhằm chấm dứt khổ đau. Một sự giáo dục thiết thân nhứt của con người ngang qua một phương trình Tam vô lậu học. Nghĩa là Giới học, Định học và Huệ học. Đó là ba môn học vô lậu thật vô cùng quan yếu và cũng rất là thực tiễn khả thi, nhằm xây dựng con người từ địa vị phàm phu đạt thành Thánh quả.

Ngoài con đường này ra, nhơn loại khó tìm một con đường nào khác mà có thể giải quyết những khúc mắc khổ đau nội tại. Đó là con đường chư Phật, Tổ đã đi qua và các Ngài đã kinh nghiệm thân chứng chỉ bày lại cho chúng ta. Chiến tranh hay hòa bình, đau khổ hay hạnh phúc, Niết bàn hay sanh tử, tất cả đều chính do con người tự tạo và quyết định lấy. Đức Phật chẳng qua chỉ là một ông Thầy chỉ đường cho chúng ta mà thôi. Nên Ngài còn có danh hiệu là vị Đạo Sư. Đi hay không, đó là quyền tự do chọn lựa quyết định của mỗi người. Mục tiêu đã vạch sẵn, con đường cũng đã chỉ bày, chỉ còn lại là phần chọn lựa quyết định của khách lữ hành mà thôi.

Thế giới của loài người chúng ta hiện nay, có quá nhiều những biến động đau khổ, từ nội tại đến ngoại tại. Nội tại, thì lòng người luôn luôn loạn động bất an. Ngoại tại, thì thiên tai, nhơn họa ác liệt dồn dập xảy đến hằng ngày. Quả chúng ta hiện đang sống trong một ngôi nhà lửa rực cháy thiêu đốt, như trong Phẩm Thí Dụ Kinh Pháp Hoa đã diễn tả. Thế mà những đứa con ngây thơ của ông trưởng giả, vẫn vui chơi đùa giỡn với nhau trong căn nhà hư mục và lửa đang cháy hừng hực dữ dội mà họ không hề hay biết. Thật là đáng thương xót tội nghiệp lắm thay! Ngẫm lại, thân phận và thế giới loài người của chúng ta hôm nay cũng thế!

Kỷ niệm mùa Phật Đản lần thứ 2634, noi gương đức Phật, chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực kiến tạo một nền hòa bình thực sự vĩnh cửu trong tâm thức của mỗi người. Có thế, thì chúng ta mới hóa giải hết mọi nội kết, mọi hận thù tranh chấp và mới thực sự mang lại cho thế giới loài người chúng ta một nền hòa bình an vui và hạnh phúc.

Cầu nguyện Phật lực gia hộ chư Tôn Đức Tăng, Ni trọn hưởng một mùa Phật Đản an lành tốt đẹp và Phật sự hanh thông, tùy tâm mãn nguyện.

Cầu nguyện chánh phủ và nhân dân Úc cùng quý đồng hương Phật tử luôn sống trong an bình, hầu để góp phần xây dựng phát triển nước Úc nói riêng và thế giới loài người nói chung, trong tinh thần yêu thương, đoàn kết, hài hòa và đạt nhiều thành quả tốt đẹp an vui lợi lạc.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Hòa Thượng Trưởng lão Thích Phước Huệ OAM.

Tông Trưởng Tổ Đình Phước Huệ

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2634



Kính bạch: Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni.

Kính thưa: Quý quan khách,

Kính thưa: Quý đồng hương, Phật tử.

Trong không khí trang nghiêm thành kính cử hành Đại lễ Phật Đản 2634, chúng tôi trân trọng kính chào mừng sự hiện diện của toàn thể liệt quý vị đã dành những thời giờ quý báu về đây tham dự và chia sẻ niềm vui với chúng tôi trong ngày trọng đại này.

Cách đây hơn 26 thế kỷ, khi Đức Shirdartha Gautama (khi thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni - Sakya Mourni) lâm phạm, Ngài bước đi trên bảy đóa sen hồng, hình ảnh này vẫn còn ngự trị trong lòng người con Phật được đặt trên nền tảng:

- Đức Phật là một con người có lịch sử, có sự thật, không phải huyền tưởng.
- Ngài đã từng tuyên bố: Tất cả chúng sanh đều là Phật sẽ thành.
- Đức Phật giảng phạm khai mở một kỷ nguyên Từ bi, Trí tuệ và Bình đẳng, Vị tha.
- Không luận màu da, chủng tộc, xứ sở, già, trẻ, lớn, bé tất cả đều có tâm bản nhiên giống nhau.

Hôm nay tất cả giá trị này đã lần lượt được soi sáng để mọi người không phân biệt quốc độ, màu da, chiêm nghiệm dựa trên sự tiến bộ của nhân loại. Không ai ngờ rằng sự trỗi vượt của khoa học đã trở thành người bạn đồng hành của Phật giáo, nhìn theo con mắt của các nhà khoa học lỗi lạc đã trở thành hiển nhiên không thể chối bỏ. Con người càng tiến bộ chừng nào thì ánh sáng đạo lý của Phật giáo do Ngài khai sáng càng cần thiết chừng nấy, vì ánh sáng này sẽ giúp cộng đồng nhân loại sinh sống trong hòa bình và thịnh vượng.

Thủ tướng Nehru Ấn Độ đã tô đậm quan điểm này khi ông tuyên bố:

" Trong thế giới giông tố và xung đột, hận thù và bạo lực, thông điệp của Đức Phật sáng chói như vàng thái dương rực rỡ. Có lẽ không bao giờ thông điệp của Ngài lại thiết yếu hơn trong thời đại của thế giới bom nguyên tử, kinh khí ngày nay. Hai ngàn sáu trăm năm qua đã tăng thêm sanh khí và chân lý của thông điệp này. Chúng ta hãy nhớ lại bức thông điệp bất diệt này và hãy cố gắng thi triển tư tưởng và hành động của chúng ta trong ánh sáng giáo lý của Ngài. Có thể chúng ta phải bình thản đương đầu cả đến với những khủng khiếp của thời đại nguyên tử và góp phần nhỏ trong việc khuyến khích suy tư đúng và hành động đúng" .

Để tránh hiểm họa do con người tạo ra, Đức Phật đã chỉ bày cho chúng ta thấy được sự tương quan giữa các pháp, giữa trái đất và các hành tinh, giữa các giải ngân hà với thiên hà, và sự liên đới không ngừng nghỉ của vạn pháp... lẫm kính Đại thừa Hoa Nghiêm kinh đã nêu bật tính chất tuyệt vời không ngăn mé và hội tụ từ trong tâm bản nhiên mà ra. Con người ngày nay đã xóa đi sự u tối về nhận thức nhờ sự phát triển của khoa học. Chính yếu tố đó mà trong nhãn quan của một người khác tôn giáo, Giám mục Milman đã phát biểu rằng: "Tôi càng ngày càng cảm thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gần gũi nhất trong tính cách và ảnh hưởng của Ngài, Ngài là đường lối, là chân lý và là lẽ sống."

Kính thưa Quý vị,

Chấp nhận sự thật là hành động cần được tuyên dương. Khi nào chúng ta buông bỏ được tính vị kỷ từ cá nhân đến quốc gia, lúc đó chúng ta sẽ thấu hiểu được bài học thể nào là từ bi và hòa đồng trong cách sống. Đời sống là một kho tàng nghệ thuật. Những nhà sáng tạo nghệ thuật là ở chỗ cùng đích không lưu dấu, ẩn tích của đau thương và cùng khổ. Muốn đạt được điều đó phải chăng tinh thần vô ngã đã trở thành điểm sáng giúp con người tràn ngập sáng tạo tính mà Đức Phật đã im lặng biểu thị qua nghệ thuật bước đi trên bảy đóa sen hồng và đôi tay nhân bản.

Một ngày không xa, khi tâm thức con người mở bày và rộng thoáng nhờ biết tiếp cận và hành xử đúng với giáo lý Đức Phật đã chỉ dạy; lúc đó con người, nhất là Phật tử sẽ thấy được rằng, lời trần tình của một học giả Hồi giáo chính là tiếng chuông thức tỉnh loài người nhằm san bằng những dị biệt, bởi lẽ: "Đức Phật không phải là của riêng người Phật Tử, Ngài là của toàn thể nhân loại. Giáo lý của Ngài thông dụng cho tất cả mọi người. Tất cả Tôn giáo khai sáng sau Ngài, đều đã mượn rất nhiều các tư tưởng hay của Ngài."

Kính thưa quý liệt vị!

Tương lai nhân loại sẽ đương đầu với nhiều thử thách lớn mang tính sinh tồn hay băng hoại từ những nghịch cảnh trời buộc. Những trời buộc này xuất phát từ tham, sân, si tam độc mà ra. Đây là những sợi dây vô hình đang lần hồi thắt chặt cộng đồng nhân loại. Do đó nhiệm vụ chung của chúng ta là đánh thức lương tri của những con người nhân bản, con người nhờ biết vận dụng sự hòa điệu bằng chính tâm niệm mà Đức Phật đã công bố, "không có sự khác biệt trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn."

Phật Đản đã cho ta cái nhìn giá trị đích thực xuyên qua nhân cách Đức Phật, chúng ta hãy lắng lòng cầu nguyện cho thế giới mãi mãi siết chặt sợi dây thân ái vị tha đó. Vì Phật giáo quan niệm rằng: Sự hiểu biết của con người có thể kiểm soát những hành động vô minh của mình và đồng thời có thể mang đến sự an lạc cho kẻ khác, chỉ khi đó chúng ta mới cung kính kỷ niệm ngày Khánh Đản của Ngài với tất cả ý nghĩa trong sáng cao đẹp, đồng thời xuất phát từ việc chấp nhận quan điểm của đời sống và xem sự sống là hiện lực, hiện hữu.

Chúng tôi kính chúc Chư Tôn Đức Tăng, Ni một mùa Phật Đản an lành, Phật sự hanh thông .

Kính chúc quý vị Đại Diện Chính Quyền các cấp, các Hội Đoàn, Đoàn Thể, Cộng Đồng các sắc tộc, Cộng Đồng Người Việt Tự Do, quý thân hào nhân sĩ một mùa Phật Đản, hạnh phúc, cảm thông và hòa hợp tình cảm giữa con người và con người với nhau.

Cầu chúc quý đồng hương, Phật tử luôn luôn đạt thành sở nguyện, như ý, an lạc, kiết tường.

Kính nguyện Tam Bảo gia hộ cho toàn thể liệt quý vị.

Thay mặt Giáo Hội, chúng tôi long trọng tuyên bố Khai mạc Đại lễ: Kính mừng Phật Đản lần thứ 2634.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thượng Tọa Thích Phước Tấn OAM.

Quyền Viện Trưởng Viện Hoàng Đạo

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan.



Vài nét về ý nghĩa

Tịnh
Đức

TẮM PHẬT

Nhớ lại, ngày xưa khi còn là một chú bé ngây thơ, hằng năm, tôi thường theo mẹ tôi đến chùa dự lễ Phật Đản vào ngày mừng tám tháng tư âm lịch. Hồi đó, ở quê các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Bắc Tông đều cử hành đại lễ Phật Đản vào ngày mừng tám, chứ không phải ngày rằm như hiện nay. Ngày nay, sở dĩ các chùa cử hành Đại Lễ Phật Đản thống nhất vào ngày rằm tháng tư âm lịch, là do sự quyết định chung của Hội Nghị Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới, tổ chức lần đầu tiên tại thủ đô Colombo Tích Lan, từ ngày 26 tháng 5 năm 1950 đến ngày 7 tháng 6 năm 1950. Từ đó trở đi, tất cả các chùa Phật giáo Bắc Tông đều tổ chức đại lễ Phật Đản vào ngày rằm tháng tư âm lịch hằng năm. Tuy nhiên, hiện nay có một số chùa ở thôn quê vẫn còn giữ lệ cúng tắm Phật vào ngày mừng 8 này.

Người Phật tử ở thôn quê họ chơn chất thật thà lắm. Họ đi chùa phần nhiều là theo tục lệ truyền thống ông bà nhiều hơn. Kỳ thật, ít có mấy ai thâm hiểu giáo lý Phật giáo sâu xa. Thậm chí, việc tụng niệm hay mặc áo tràng đối với họ cũng thật là xa lạ và ngỡ ngàng. Song có điều họ rất thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau. Trong xóm làng gia đình nào có hữu sự, thì những gia đình khác họ đều quan tâm và cùng nhau chung lo. Quả đúng với câu nói của người xưa: “*Nhất gia hữu sự bá gia ưu*”. Nghĩa là một nhà có việc, thì trăm nhà cùng lo. Đó là một tập tục rất hay, rất đẹp và rất cao quý của người dân quê.

Đến công việc chùa cũng thế. Khi chùa có việc, thì họ kéo nhau đến phụ giúp, gọi là

làm công quả. Dù cho có bận rộn việc nhà đến đâu, họ cũng cố gắng thu xếp để đến lo công việc cho chùa. Vì họ quan niệm, chùa là ngôi nhà chung của họ, mà mọi người đều phải có trách nhiệm chung lo. Khi giúp chùa, họ không bao giờ có ý tính toán nạnh hẹ so đo. Tùy theo khả năng sức khỏe mà họ làm. Nhất là quý bà quý cô, trước lễ chánh thức một ngày, họ kéo nhau về chùa rồi xúm xít nhau làm, kể việc này, người việc nọ để chuẩn bị đãi đằng cho ngày đại lễ. Họ cật lực làm việc trong tinh thần hài hòa cởi mở và tận tình giúp đỡ cho nhau. Họ nói chuyện vui cười với nhau một cách rất là thoải mái tự nhiên. Có sao nói vậy, họ không thích sống bề ngoài. Họ rất sợ tội lỗi và lúc nào họ cũng muốn chắt mót bổn thêm phúc đức. Đó là nét đặc thù chơn chất mộc mạc thật là dễ thương quý mến và rất quý kính của người dân quê.

Thông thường, trước thời khóa lễ chánh thức, thì có lễ tắm Phật. Người ta chuẩn bị rất chu đáo và rất trang nghiêm cho buổi lễ tắm Phật này. Một tượng Phật sơ sanh được đặt vào chính giữa thau nước. Nước mưa, họ lọc rất kỹ. Dĩ nhiên, trước đó người ta đã lau chùi tượng Phật rất kỹ lưỡng sạch sẽ. Một thau nước lớn để trên một cái bàn nhỏ. Cái bàn cũng được thiết trí rất xinh xắn trang hoàng. Người ta rải nhiều thứ bông trong thau nước. Những bông hoa đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng, nổi lều phều trên mặt nước. Những tràng hoa được kết thành đủ loại màu sắc tuyệt đẹp. Những tràng hoa này, người ta choàng lên thân hình tượng Phật sơ sanh, trông rất xinh lịch đẹp mắt. Đồng thời, bên cạnh thau nước lớn, người ta còn để hai cái gáo tròn nhỏ xinh đẹp để cho mọi người múc nước tắm Phật.

Đến giờ hành lễ, vị thầy trụ trì và một vài ông đạo (ở quê người ta thường gọi những vị mới vào chùa tu bằng ông đạo) lên chánh điện để làm lễ. Bồn đạo thì lên trước kẻ đứng, người ngồi. Bên nam thì đứng, bên nữ thì ngồi. Còn bọn trẻ như chúng tôi, thì ngồi đứng không yên, muốn đứng thì đứng, muốn ngồi thì ngồi, không ai thèm để ý đến. Chúng tôi còn chọc ghẹo khêu móc với nhau, giống như những con khỉ nháy nhót. Tuổi trẻ vì ham vui mà đi chùa, chớ nào có biết lễ lạy, tụng kinh bái sám gì đâu! Nhiều khi thấy mấy ông đạo cạo trọc đầu lảng o, bọn tôi còn trêu chọc cười đùa ngạo nghễ cho vui nữa. Thật nào có biết tội phước là gì! Tuổi trẻ thơ ngây cứ lấy sự vui đùa làm sở thích. Nghe nói đi chùa có nhiều chè xôi bánh trái, lại thêm có các cô thiếu nữ trẻ đẹp. Nghe thế, bọn chúng tôi rất vui thích đến chùa để được ăn chè xôi bánh trái và lại thêm có cơ hội để trêu chọc mấy ả cho vui. Tâm trạng đi chùa của bọn trẻ chúng tôi hồi đó chỉ biết có ngần ấy, thế thôi...

Điều mà tôi hơi lấy làm lạ, nhiều bà đi chùa lại có mang theo chai không để đựng nước. Kể cả mẹ tôi cũng thế. Có lần, tôi hỏi mẹ tôi, mẹ đi chùa mà mẹ đem theo chai không để làm gì? Mẹ tôi nói: Mẹ đem theo để lấy nước tắm Phật về cho mọi người trong nhà uống để được mạnh khỏe. Uống nước này có chư Phật, Bồ Tát gia hộ, nên suốt năm không có ai bệnh hoạn và có nhiều việc may mắn đến với mình nữa. Nghe mẹ nói, thì tôi chỉ biết vậy thôi. Chớ tôi đâu có biết nghĩ ngợi suy luận gì hơn. Mà giả như, tôi có lý luận về lý nhân quả báo ứng đi nữa, thì chắc gì bà nghe. Chẳng những không nghe thôi mà trái lại, bà còn la rầy tôi nữa.

Khi lớn lên, nhờ có chút duyên lành học hỏi Phật pháp, nhất là giáo lý Đại thừa, thì tôi mới thấy điều này quả thật là quá mê tín dị đoan. Nhưng đối với những người đó cũng như mẹ tôi thì họ rất là tin tưởng. Đó là một niềm tin rất đơn thuần chất phác và

không được điều hướng bởi lý trí. Người dân quê, nhất là phái nữ đại đa số đều có niềm tin như thế. Làm sao họ có thể hiểu và tin sâu vào lý nhân quả! Cho nên, ta cũng không lấy gì làm ngạc nhiên mà trách họ được. Thậm chí, như hiện nay, vẫn còn có một số Phật tử nữ sau khi làm lễ tắm Phật xong, họ vẫn lấy nước tắm Phật về nhà uống. Đó cũng là một niềm tin theo thói quen. Nếu uống nước đó mà hết bệnh, thì mỗi ngày ta mỗi tắm Phật để lấy nước uống. Thế là khỏi phải đi bác sĩ và khỏi phải tốn hao tiền mua thuốc.

Nếu bảo uống nước đó thì được may mắn, vì có Phật, Bồ Tát gia hộ như mẹ tôi nói, thì khi uống xong, tôi vào sông bài đánh bài thua sạch túi, vậy sao Phật Bồ Tát không gia hộ cho tôi hết tiền của thiên hạ. Hoặc tôi ra đường giựt đồ người ta, lúc đó bị cảnh sát bắt, sao Phật, Bồ Tát không gia hộ cho tôi khỏi bị cảnh sát bắt? Như vậy, uống thì uống mà nếu tôi làm việc bậy bạ phi pháp, thì tôi vẫn bị luật pháp trừng trị đích đáng. Còn nếu tôi không uống nước đó, mà tôi làm việc đàng hoàng, chánh đáng, không vi phạm luật pháp, thì thử hỏi có ai dám bắt bớ hành phạt tôi không? Điều buồn cười hơn nữa, là khi mẹ tôi đem nước tắm Phật về uống, thì cách mấy ngày sau, anh tôi bị bệnh. Như vậy, thì Phật và Bồ Tát không có linh thiêng gia hộ cho anh tôi rồi. Nói lên điều này, thì hơi khó nghe đối với những người mê tín, nhưng rất đúng với lý nhân quả Phật dạy. Thiết nghĩ, người Phật tử khi tin tưởng một điều gì, ta cần phải có sự sát nghiệm của lý trí. Không nên tin tưởng một cách mù quáng.

Như đã nói, nhờ có chút kiến thức học hỏi về Phật pháp, nên nay khi đọc tụng lại bài kệ tắm Phật, tôi mới thấy nghĩa lý của bài kệ thật quá thậm thâm vi diệu. Ngày xưa, tôi cũng đã từng tụng thuộc lòng bài kệ này như ăn cháo, nhưng thú thật, tụng thì tụng mà không hiểu mô tê chi cả. Bài kệ tắm Phật chỉ vốn vẹn có 12 câu bằng chữ Hán

Việt. Có lẽ, một phần vì chữ Hán Việt, nên khi tụng đọc ít có người hiểu được. Phần khác, vì nghĩa lý rất thâm huyền nên cũng thật khó hiểu. Nội dung bài kệ nêu ra hai phần rõ rệt: Bản môn và Tích môn hay còn gọi là Chơn đế và Tục đế.

Về phần bản môn, là nêu rõ lý pháp thân. Nói cách khác là chỉ rõ mỗi người đều sẵn có tánh Phật. Bản là gốc, là cái sẵn có không do tạo tác mà có. Đó là chỉ cho chơn như. Một thực thể không nằm trong phạm trù duyên sinh nhân quả. Vì nó vượt ngoài đối đãi nhị nguyên. Một thực thể không hình, không tướng, mà trong Kinh Bát Nhã gọi là “*Thật Tướng*”. Nghĩa là tướng “**Không**” của vạn pháp. Cho nên thực thể này không sinh không diệt. Phần này, chúng ta thấy rất rõ trong 8 câu đầu của bài kệ:

*“Ngã kim quán mộc chư Như Lai
Tịnh trí trang nghiêm công đức tự
Ngũ trước chúng sanh linh ly cấu
Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân
Già Da thành lý bất tăng sanh
Ta la thọ gian bất tăng diệt
Bất sanh bất diệt lão Cù Đàm
Viễn ly huyền tướng vô ngôn thuyết”*

Cần nói rõ, sở dĩ có buổi lễ tắm Phật này, là vì người ta dựa theo truyền thuyết cho rằng, khi đức Phật ra đời, cung trời Phạm Thiên có mưa thơm tắm Phật. Do nơi theo truyền thuyết đó, mà hằng năm trong ngày đại lễ Phật Đản, có cử hành nghi thức tắm Phật. Và nghi thức này đã trở thành một tục lệ truyền thống.

Đọc qua 8 câu trên, ta thấy hoàn toàn không có đề cập gì đến tắm ông Phật ra đời ở Ấn Độ cả. Mà tượng Phật sơ sanh chỉ là một biểu trưng nhằm thức nhắc người Phật tử chúng ta hãy xoay về nội tâm để mỗi người tự quán chiếu và dùng nước thanh tịnh để tắm cho ông Phật pháp thân của chính mình. Đã là Phật pháp thân thì làm gì

có hình tướng để chúng ta tắm rửa? Bởi Phật pháp thân vốn thanh tịnh sáng suốt, có cấu bợn gì đâu mà phải tắm? Đây quả là mang một ý nghĩa biểu trưng, tức nương “*Sự*” để hiển “*Lý*” hay ngay nơi “*Tướng*” mà nhận lại “*Tánh*”. Nương ngón tay để thấy mặt trăng.

Đó chẳng qua là chư Tổ khéo dùng phương tiện mượn hình ảnh tắm Phật để nói lên ý nghĩa siêu thoát. Vì mỗi người cần nên gội rửa những phiền não ô trược ở nơi tự tâm, hầu phát huy bản thể sáng suốt ở nơi tâm mình. Hai chữ “*Như Lai*” ở câu đầu của bài kệ, là chỉ cho thể tánh hay pháp thân bất sanh bất diệt. Chớ không phải là hình ảnh đức Phật ở bên ngoài. Nếu chỉ một bề hiểu tắm Phật ở bên ngoài, thì chúng ta bị dính kẹt ở nơi “*Sự*” mà không hiển được “*Lý*”. Đó là chúng ta mắc vào cái lỗi thiên kiến. Phật dạy “*Sự và Lý*” phải viên dung vô ngại.

Có xa lìa ngũ trược tức năm thứ ruồng mục suy tàn, thì chúng ta mới nhận được thể tánh, tức đồng chứng pháp thân. Nói một cách dễ hiểu hơn, khi nào phiền não không còn, thì chừng đó Phật tánh sẽ hiện bày. Mây tan thì trăng sáng, sóng dừng thì nước lặng. Điều quan trọng là làm cho mây tan và sóng dừng. Còn trăng và nước vốn sẵn có, không cần phải tìm cầu. Mây và sóng là những hiện tượng phù hư giả dối không thật. Vì chúng không thật nên tan biến bất thường. Vô minh phiền não cũng thế. Vì phiền não không có thật tánh, nên ta mới chuyển hóa chúng được. Trong Chứng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác có nói:

*Vô minh thực tánh tức Phật tánh
Ảo hóa không thân tức pháp thân.*

Đó là cái thấy bằng tuệ giác của người chứng đạo. Không phải cái thấy tầm thường như chúng ta. Cái thấy của chúng ta là cái thấy bằng nghiệp thức. Do đó, nên lúc nào chúng ta cũng bị kẹt mắc trên hữu

tướng. Vì dính mắc trên hữu tướng, nên không thấu suốt được vô tướng. Chỉ thấy vô minh mà không thấy được Phật tánh. Thực tế, thì vô minh và Phật tánh không hai. Nhưng bảo rằng một cũng không đúng. Đó là lý “Bất Nhị Pháp Môn” mà trong Kinh Duy Ma Cật đã nói. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Rời cái thân ảo hóa ngũ uẩn này, mà tìm cái pháp thân, thì làm sao có được? Ngay nơi cái thân ảo hóa này mà nhận ra cái không thân hay pháp thân. Lý này thật không phải dễ hiểu. Như toàn nước chính là sóng. Nhưng thực tế, thì sóng không phải là nước. Nhưng nếu rời nước thì làm gì có sóng? Khi sóng đang nổi lên, thì nước cũng không rời sóng. Cho nên mới nói toàn sóng chính là nước. Câu nói phiền não tức Bồ đề hay sanh tử tức Niết bàn là thế. Nói cách khác, phiền não dụ như bóng tối, bóng tối vốn không có thực thể, nên khi có ánh sáng thì bóng tối không còn. Vô minh hết thì tánh giác hiện bày.

Bốn câu kệ là nói lên cái lý bất sanh bất diệt. Sanh mà không thật sanh, diệt mà không thật diệt. Sanh diệt, diệt sanh giống như trò ảo hóa. Khác nào như hoa đốm giữa hư không. Hoa đốm vốn không có trong hư không, nhưng vì bị bệnh nhắm mắt mà thấy in tuồng như có hoa đốm. Cũng thế, pháp thân vốn không sanh, không diệt, tại vì mê lầm nên chúng ta mới thấy có sanh, có diệt. Đến chỗ cứu cánh tuyệt đối, thì không thể dùng ngôn ngữ để luận bàn. Có luận bàn ngôn thuyết thì đó chỉ là làm cái chuyện trò đùa hư huyền mà thôi. Đó là hết 8 câu nói về Bản môn hay Chơn đế.

Bốn câu kệ tiếp, nói về Tích môn :

*Kim triêu tứ nguyệt thập ngũ nhật
Tịnh Phạn vương cung sanh Tất Đạt
Cửu long phúng thủy thiên ngoại lai
Cử bộ liên hoa tùng địa phát.*

Tích môn là nói về những hiện tượng xảy

ra theo thể tục đế. Nghĩa là, đức Phật sanh ra nhằm ngày trăng tròn tháng tư ở trong cung vua Tịnh Phạn tên của Ngài là Tất Đạt Đa. Trong khi Phật ra đời có chín con rồng phun nước và chư thiên hiện đến tung hoa chào mừng. Khi đó, đức Phật đi bảy bước và mỗi bước đều có hoa sen từ đất hiện ra nở dưới chân Ngài. Đó là diễn tả những hiện tượng khi Phật ra đời. Tuy nhiên, trong phần tích môn này, ta lưu ý là hiện tượng Phật bước trên hoa sen. Tuy rằng đây là một truyền thuyết, nhưng nó mang một ý nghĩa tiêu biểu rất siêu thoát. Hoa sen có nhiều đặc tính, nhưng đặc tính tiêu biểu nhất, đó là mang yếu tính thanh tịnh. “*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*”. Đó là nói lên cái ý nghĩa cư trần bất nhiễm trần vậy.

Tóm lại, khi mức nước tắm Phật, ta nên giữ chánh niệm và quán chiếu thật sâu vào nội tâm. Để nhận diện từng tâm niệm dấy khởi của mình và mỗi một luồng nước thanh tịnh từ trên vai Phật tưới xuống, ta coi như trút bỏ những thứ phiền não cấu bợn rồi rã trong lòng, theo dòng nước thanh tịnh mà trôi chảy đi hết. Đó là những thứ phiền não tham lam, sân hận, tật đố, si mê, ngã mạn v.v... tất cả đều được chuyển hóa thành những dòng nước suối nguồn thanh tịnh, từ bi, trí huệ, vị tha, bình đẳng ...

Những dòng nước thanh tịnh này luân lưu theo dòng thời gian chảy xuyên suốt từ Phật truyền đạt đến chư Tổ và tới tất cả chúng ta. Đó là những dòng nước thanh tịnh để rửa sạch những ô nhiễm ngũ dục lục trần. Tâm Phật và tâm ta cùng hòa quang trong cùng một nhịp điệu phá tan những mê lầm từ vô lượng kiếp. Hãy nhìn vào tượng Phật sơ sanh đang hiện diện trước mắt ta, như thầm nhắc nhở ta phải luôn luôn sống trong tỉnh thức. Có hằng sống trong tỉnh thức thì đời ta mới có an lạc và giải thoát. Đó là ta khéo biết trở về nhận lại cái kho tàng quý báu (bảo sở) vô giá của ta. Mà lâu nay, vì si mê tăm tối, ta mãi đắm nhiễm theo duyên trần, rồi tạo ra bao nhiêu thứ

ngiệp ác, để rồi phải chịu trầm luân mãi trong vòng sanh tử khổ đau.

Nay đây, một duyên lành rất lớn là ta được mức nước thanh tịnh để tắm Phật. Phật bên ngoài cũng như ông Phật trong tâm ta. Mỗi muỗng nước ta tưới là ta quyết tẩy sạch trôi đi những nỗi phiền cấu bợn, hầu để cho ông Phật pháp thân của ta hiện bày. Đó là ý nghĩa Phật xuất thế. Cứ mỗi một niệm mê lầm là có một niệm giác chiếu soi. Vô minh ở đâu thì có Phật xuất thế ở đó. Hãy để cho ông Phật tự tâm ta ra đời trong mọi thời

gian và nơi chốn. Có thế, thì đời ta mới thực sự chấm dứt khổ đau. Và ta hãy cương quyết phát đại thệ nguyện:

*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*



Kính Mừng Ngày Phật Đản



*N*gày Phật Đản con đến chùa lễ Phật,
Lòng chí thành quỳ trước Đức Từ Bi.

*Đã bao đời con sống kiếp sân si,
Tạo nghiệp dữ phải đi theo ác đạo.
Ngày hôm nay con hướng về Tam Bảo,
Nguyện một lòng học đạo lo tu hành.
Trải nhiều đời con làm kiếp chúng sanh,
Cứ sanh tử trôi quanh trong lục đạo.
Hôm nay đây con được Ngài chỉ giáo,
Thoát vô minh phiền não sống an lành.
Theo gót Ngài cứu khổ các chúng sanh,
Dù có nát thân mình cũng không tiếc.
Hiện giờ đây tuy Ngài đã nhập diệt,
Nhưng lời Ngài chân thiết đầy tình thương.
Đạo của Ngài chiếu sáng khắp mười phương,
Chúng sanh khổ về nương lên giải thoát.
Đời vô thường sanh già rồi bệnh chết,
Vòng luân hồi mãi miết cứ luân trôi.
Bản tánh xưa giờ con đã mất rồi,
Cố tìm lại chỉ thấy trời mây trắng!
Ngài là đấng cha lành tâm bình đẳng,
Hiện xuống trần như nắng chiếu ban mai,*

*Phá màn đêm đen tối đã lâu dài,
Cho nhân loại sống đời không thù hận.
Lòng từ bi của Ngài thật vô tận,
Phẩm cách Ngài cao thượng không gì hơn.
Trí tuệ Ngài sâu rộng thật vô biên,
Lời Ngài dạy rất diệu huyền màu nhiệm.
Pháp của Ngài phá tan mọi tà kiến.
Đưa chúng sanh ra khỏi biển si mê.
Để từ đây thấy rõ được đường về,
Sớm tỉnh thức chán chê con đại mộng.
Ngài về đây mang tình thương hy vọng,
Cho mọi loài cuộc sống được an bình.
Không tham lam gây khổ sở đao binh,
Không nương cậy các thần linh, ma quỷ.
Hãy dứt bỏ cái ta đầy ích kỷ,
Phải tự mình có ý chí tiến lên!
Đừng để tâm vương bận mọi trần duyên,
Tự giải thoát hết nỗi phiền khổ lụy.*

Văn Thân

Quán Kinh Tứ Thiệp Số

Tập ký: Đường, Sa Môn Thiện Đạo
Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc



(tiếp theo)



5. Quán Ao nước (Bảo trì quán)

Kinh văn: Kể lại quán tưởng nước các ao báu. Ở cõi Cực lạc có tám ao nước bát công đức. Mỗi mỗi ao do bảy báu hợp thành. Các thứ báu này tánh chất nhu nhuyễn từ như ý châu vương sanh ra. Nước ao chia thành 14 chi, mỗi dòng chói lợi màu sắc bảy báu. Thành ao bằng vàng ròng, đáy ao trải các loại kim cương nhiều màu. Mỗi ao nước có sáu mươi ức hoa sen bảy báu, mỗi hoa sen tròn rộng 12 do tuần.

Nước ma ni trong ao chạy lên xuống theo cọng sen, luồn vào các cánh hoa phát ra tiếng nhiệm mầu. Âm thanh này diễn những pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã, các môn ba la mật, hoặc khen ngợi tướng tốt của chư Phật. Từ như ý châu vương lại tuôn ra ánh sáng hoàng kim rực rỡ, hóa thành các loài chim trăm báu. Tiếng chim dịu dàng hòa nhã cùng trỗi giọng ngợi khen pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Đây là môn quán tưởng Ao nước bát công đức, thuộc quán pháp thứ Năm.

Quán như thế gọi là chánh quán, nếu tưởng sai khác là tà quán.

Giải yếu: Từ Kể lại quán tưởng nước là đề cử tên pháp quán, tiếp nối quán trước mà có ra. Đây chỉ cho thấy cây báu tuy vi diệu, nếu không có nước cũng chưa gọi là tốt đẹp viên mãn. Có hai ý:

- Tuy có cây nhiều, nhưng không có ao, làm cho thế giới trống trải, thoáng mát, cũng không được gọi là đẹp.

- Vì trang nghiêm y báo nên cần tưởng những cái ao to lớn để quốc độ đẹp viên mãn.

Từ Cõi Cực lạc đến từ như ý châu vương sanh ra là chỉ số lượng của ao và giải rõ xuất xứ. Có năm ý:

- Chỉ quốc độ trở về.
- Ao có tên tám công đức.
- Mỗi hồ ao do bảy báu hợp thành, chính do ánh sáng báu chiếu suốt, chiếu đến nước tám công đức, đồng với màu của nhiều thứ báu, nên gọi nước báu.
- Chỉ các vật ấy tánh thể quý báu mềm mại.
- Nước trong tám ao đều từ trong như ý bảo châu tuôn ra, nên gọi là như ý thủy.

Nước này có tám thứ công đức:

- Trong sạch nhuần thấm, thuộc về sắc nhập.
- Không có mùi hôi, thuộc về hương nhập.
- Nhẹ.
- Mát.
- Mềm mại thuộc về xúc nhập.
- Ngon ngọt thuộc về vị nhập.
- Khi uống điều hòa thích hợp.
- Uống rồi không còn tai họa, thuộc về pháp nhập.

Đây là nghĩa chính của tám thứ công đức, trong Kinh Di Đà đã có nói.

Lại khen rằng:

An dưỡng quốc, Cực lạc trang nghiêm.

*Ao báu tám đức chảy khắp nơi,
Bốn phía bờ ao toàn bảy báu,
Màu nước sáng ngời chiếu bảo quang
Thể tánh mềm mại không cứng, nhám,
Bồ tát rải qua rải bảo hương,
Hương báu, mây báu thành lọng báu,
Lọng báu trên không che bảo tràng,
Bảo tràng trang nghiêm vây cung điện,
Linh báu trong điện kết thành lưới,
Lưới báu trổ nhạc chuyển ngàn lần,
Theo cơ khen ngợi lầu cung báu,
Mỗi một lầu cung có hội Phật,
Hằng sa Thánh chúng khéo tư duy
Nguyện người có duyên thường nhớ nghĩ,
Bỏ uế thân này sanh pháp đường.*

Từ Nước ao chia thành mười bốn chi đến kim cương làm cát dưới đáy là chỉ ở ao phân làm nhiều phần, nhưng xen lẫn nhau không loạn. Có ba ý:

- Nói rõ số ấy nhiều ít.
- Nói rõ mỗi bên bờ có màu vàng ròng.
- Nói ở dưới đáy ao cát toàn những màu của tạp báu tỏa ra. Nói kim cương là chỉ cái thể vô lậu của ao.

Từ Nước ma ni trong ao chạy lên xuống đến phát ra tiếng nhiệm mầu là chỉ nước có diệu dụng không thể nghĩ bàn. Có năm ý:

- Chỉ riêng tên ao.
- Chỉ trong ao hoa báu nhiều, ít.
- Chỉ lượng hoa lớn nhỏ.
- Chỉ nước báu ma ni chảy qua các hoa.
- Nước báu từ ao chảy ra, tìm các cây báu lên xuống không ngại, nên gọi là nước như ý.

Từ Tiếng ấy rất vi diệu đến tướng hảo của chư Phật chỉ nước có công đức không thể nghĩ bàn. Có hai ý:

- Chỉ rõ nước báu chảy giữa các hoa, các gợn sóng nhẹ vừa chạm nhau, liền phát ra tiếng mầu nhiệm, trong tiếng ấy đều nói pháp mầu.
- Chỉ nước báu trên bờ tìm đến cây lành, gốc rễ, hoa quả, ngọn lá, hoặc ở

trên, hoặc ở dưới, trong lúc chạm nhau, liền phát ra tiếng mầu nhiệm, trong mỗi tiếng đều diễn diệu pháp: Hoặc nói việc khổ của chúng sanh, biết Bồ tát khởi lòng đại bi, khuyên hướng dẫn người khác; hoặc nói các pháp người trời, hoặc nói các pháp nhị thừa, hoặc nói các pháp sơ địa, đẳng giác, hoặc nói các pháp Diệu giác ba thân.

Từ Như ý châu vương đến hết ý chỉ châu ma ni có nhiều thần đức. Có bốn ý:

- Chỉ châu ma ni phía trong tỏa ánh sáng vàng.
- Chỉ trong hào quang hóa làm loài chim trăm báu.
- Chỉ tiếng chim thanh nhã, nhạc trời cũng không sánh bằng.
- Chỉ chim báu liên hồi hết lời khen ngợi niệm Phật Pháp Tăng. Phật là Đạo Sư vô thượng của chúng sanh, dứt tà hướng chánh. Pháp là lương dược vô thượng của chúng sanh, có thể trừ bệnh độc phiền não, được pháp thân thanh tịnh. Tăng là phước điền vô thượng của chúng sanh, chỉ cần hết lòng dùng bốn việc cúng dường, khởi cần nhọc mệt, tự nhiên quả báo y quả năm thừa, tự nhiên theo ý niệm của mình mà đến. Châu báu ở ao, trước xuất sanh nước có tám vị, sau phát ra các thứ ánh sáng vàng, tuy không trực tiếp phá tối trừ mê, nhưng đến mỗi nơi đều làm Phật sự. Đó gọi là quán tưởng bảo trì.

(còn tiếp)



Phật Đản và Tu Tâm

CHÚC THANH



Thế trạng của tâm là sự sâu lắng, không vẩn đục. Tìm về bản chất của tâm chính là tìm về cội nguồn bản thân. Bản tâm vốn trong sáng, sáng hơn bất kỳ ánh sáng nào trên trần gian này. Có điều mọi người không nhận ra và chưa bắt gặp được ánh sáng tinh anh này nên thường khi đồng hóa suy nghĩ (ý thức) với tâm làm một. Vạn mỗi qui về một điều đơn giản: tu cái tâm là chính. Đâu cần phải so đo tránh xa chuyện này, không làm chuyện kia. Miễn sao có tâm tu là được rồi.

Lời nói đi ngang về tắt này cho thấy một sự khiêm khuyết trên bề mặt nhận thức về nghiệp. Ngoài ra còn đầy ý thức bay ra khỏi thân xác đậu trên mọi thế trạng và đong đưa theo cảm xúc vui, buồn, giận, ghét, thương, yêu... không cần câu trả lời cũng thấy được đâu là bến bờ của an lạc và không toại ý.

Sống giữa cuộc đời theo thi hào Nguyễn Du "chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài", hay "có tài mà cậy chi tài. Chữ tài liền với chữ tai một vần". Sức mạnh của cái đầu và sức mạnh của cái tâm xem ra biên độ có khác nhau. Khác nhau ở đây là cái tâm, biểu tượng của mầm mống thiện lành. Còn khối óc không được nuôi dưỡng bằng cái tâm thì cái tôi sẽ xuất hiện, đau thương, nhân quả từ đây mà sanh ra.

Thói quen trong cuộc sống cho dù xuất hiện ở dạng nào cũng cần quan sát một cách tinh tế, bằng không sẽ bị buộc ràng bởi ý thức. Sự vận hành của ý thức trên cuộc đời này theo Duy Thức Tam Thập Tụng đứng đầu về thiện cũng nó, đứng đầu về ác cũng nó (công vi thủ, tội vi khôi). Trên bề mặt thế giới tương đối, làm thân người là tích tập của nghiệp và duyên từ quá khứ xa xăm đến hiện tại. Khởi đi từ kiếp sống, con người đã mang

lấy nghiệp. Đã chín thành nghiệp thì không thể một sớm một chiều có thể hóa giải chúng. Nghiệp được ví như con dao bị rỉ sét lâu ngày. Muốn con dao được sáng và bén phải cần thường xuyên mài dũa. Không thể lâu lâu mang ra mài dũa một lần rồi lại cất vào hộp tủ. Quán sát vào sâu trong nội thân, kiểm nghiệm lại ý thức cho thấy rằng, rất thường con người sống thả trôi để mặc ý thức trôi nổi theo giòng đời, và hành động theo chủ quan của ý thức. Đến một thời điểm ý thức mạnh động như là thực trạng của cái tôi, lâu dần chúng biến thành thói quen và trói chặt nhân sinh theo vòng quay thời gian mà chính mình đã tự giam hãm mình trong lộ trình đó.

Sự thị hiện của Đức Phật cách đây hơn hai thiên niên kỷ đánh dấu một sự kiện về lịch sử: xóa bỏ bất công; xóa bỏ những manh động về giới tính; khai mở biển tình thương và trí tuệ trong mỗi nhân sinh; đau khổ là mẫu số chung mà con người cần phải khắc phục, vượt qua; và trên hết ai cũng có khả năng vươn tới bầu trời tự tại, an vui, giải thoát mọi sự ràng buộc trong luân hồi sáu nẻo...

Qua phẩm hạnh của Đức Thế Tôn mà nhân sinh nhận ra một mẫu hạnh nền tảng làm định chuẩn cho một hướng đi đích thật. Hướng đi đó không thể dựa vào niềm tin mà có thể dẫn dắt nhân sinh bay qua cánh đồng khổ lụy. Nếu con người xác định tái sinh là một tiến trình trong luân hồi, đối với xác thân tuy mong manh trong kiếp sống lại là một cơ hội quý báu để thấu suốt cội tâm theo nghĩa Duy thức học. Duy thức học chỉ cho chúng ta nhận ra yếu tính của vạn pháp duy tâm (tâm thức). Tự vạn pháp duy tâm đó mà

lập trình trên nền móng tu tập sao cho đạt đến lộ trình thăng hoa tâm linh.

Quan điểm của Lão Tử "Nhân chi sơ tánh bổn thiện". Con người khi sanh ra đã mang mầm mống thiện lành. Theo nhãn quan nhân quả, bạn có phúc duyên làm người chính là căn phần hay kết quả bạn đã gieo được hạt giống tốt trong quá khứ. Hạt giống đó có được phát triển trong hiện tại hay không là tùy ở cách sống mỗi người. Nhân tốt sẽ có quả tốt và nhân xấu sẽ gặt quả xấu. Có điều chữ "Thiện" là căn bản giúp con người qua đó tiến xa hơn trên lãnh vực tâm linh. Ngược lại, cho rằng chỉ cần làm việc thiện theo nghĩa tu tâm không làm ác thì điều này vẫn tốt nhưng chưa đủ theo tinh thần Phật Pháp hay tinh thần lời Phật dạy.

Trong Duy Thức Học định nghĩa "Nhân chi sơ tánh bổn vô ký". Con người khi sanh ra vốn không thiện mà cũng không ác. Hiểu theo nghĩa thế giới quan thì trẻ nhỏ chưa chín thành ý thức để nhận biết đúng, sai, thiện, ác. Phải trải qua quá trình học tập mới nhận rõ mọi vấn đề. Riêng tâm thức là nơi chứa nhóm các hạt giống tốt lẫn xấu, nó vẫn còn nằm in trong tàng thức. Chỉ đến khi gặp đủ duyên thì các hạt giống này mới hiện hành và từ đó tạo ra dây chuyền nhân quả.

Quán sát yếu tố về duyên để thấy sức mạnh nội tại của nó khi xúc chạm với ý thức tạo thành muôn vàn sự sai biệt. Một trong những sự sai biệt đó là cái nhân xấu ác làm cho con người ngày càng lún sâu vào nhân quả. Mắc xích này không quan sát kỹ chính là đầu mối của mọi vấn nạn. Đức Phật trong giây phút thiền định cuối cùng trước khi đắc đạo, Ngài thường quán lộ trình 12 nhân duyên, đứng đầu là vô minh. Phá vỡ được vô minh thì các mắc xích còn lại lần lượt được hóa giải. 12 nhân duyên trôi nổi theo thế giới hiện tượng và tiềm tại trong tâm hồn của mỗi con người. Dựa trên ý thức hiểu biết cho ra nét cảm xúc hiểu biết về đời người thả hồn theo điệu ru tu tâm quên mất sự mài luyện cái tâm theo đúng nghĩa trôi qua từng giây phút thì niềm

đau tin chắc sẽ còn bám sâu, bám chặt trong kiếp sống.



Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật nhấn mạnh một điểm then chốt: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành". Tình thương bao la như biển sáng của Ngài xuyên qua lời nói này. Trọng lượng của lời nói cho chúng ta một sức mạnh, vững vàng bước đi trên đôi chân của mình. Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi xin đừng hiểu lầm chỉ có mình ta thắp sáng để bước đi giữa cuộc đời đau thương này. Giả thiết Đức Phật là ngọn đèn, ngọn đuốc của tuệ giác. Chúng ta mỗi ngọn đèn ngọn đuốc của mình thắp vào để soi sáng cho bước đi vốn đã tăm tối trong vô lượng kiếp thì sự giao hòa giữa mình và Phật, giữa mình và các bậc Thầy tâm linh, giữa mình và vô lượng bạn lành đâu còn có biên độ của cái riêng để mà thẩm định, phải chăng cái tâm đã bay ra khỏi ngục tù thân xác và nhận ra tâm thức cá nhân, tâm thức vũ trụ chính là gạch nối bất phân ly.

Mài luyện thiện tâm là cơ bản cần có và nên có để làm đẹp cuộc đời. Nhưng mài dũa cái tâm nhằm phát triển nội tâm trong sáng là điều cần yếu của kiếp làm người. Cầu nguyện là một nét đẹp của tâm hồn. Song bản thân không nỗ lực để phá vỡ lực kềm của vô minh thì nỗi đau vẫn còn nguyên vẹn. Tiến trình tu tâm cần xác định rõ ràng chức năng của "Tâm" và "ý". Tâm là cội nguồn, là bản thể, chúng ta có tái sanh hằng triệu kiếp thì nó vốn là như vậy, Tâm không bao giờ thay đổi dựa vào cấu trúc của thân xác. Chẳng hạn trong sáng tĩnh lặng bình an là cội tâm. Thì ý thức chỉ là sự nương gá kết hợp cùng thân xác tứ đại và ngũ uẩn này hình thành nhiều đợt sóng cảm xúc khác nhau đi suốt kiếp sống làm người. Thế nên hiểu tâm là hiểu về bản tính trong sáng của nó. Hiểu về ý thức là hiểu về sự vọng động liên lý dẫn đến những hệ lụy về nghiệp. Trên tinh thần đó bước vào tiến trình tu tâm là dẫn dắt ý thức chuyên sâu vào sự trong sáng của tâm và an định trong sự trong sáng đó bao lâu thì

sự an lành xuất hiện theo cùng với cảnh trạng đó.

Tâm Từ giữa cảnh đời vốn quá nhiều giao động và bức xúc là một nét quý phái của con người. Nhờ từ tâm mà chúng ta giảm thiểu được sự phiền muộn, rối rắm, trần trọc hay khổ đau. "Đứng trước một khối óc vĩ đại tôi xin cúi đầu, nhưng đứng trước một con tim rộng mở tôi hoan hỷ quỳ xuống". Tâm Từ là động cơ quý báu để hiểu mình và hiểu người. Và cũng từ đó tâm tu mới rực sáng giữa thiên thu.

Để phát triển tu tâm một cách đúng mức, thiết nghĩ chúng ta cần rà soát lại căn bản của Ba Tự Tánh mà Luận thành Duy Thức đã phân giải:

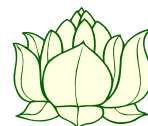
1. Biến kế sở chấp tự tánh: là tánh phân biệt, vọng tưởng tự tánh hay tự tánh giả lập.

*"Do các thứ vọng tưởng phân biệt
Mọi vật được tưởng tượng ra
Những thứ được hình thành do vọng tưởng
này
Đều không có tự tánh".*

Bản chất của sự vật là như vậy, nhưng khi đưa vào tầm suy tư, rất thường phạm phải những sai lầm. Căn bản của sai lầm là không nhận ra sự thật. Ví dụ đi trong đêm khuya đạp nhầm sợi giây tưởng là con rắn khiến cho tâm trí hoảng loạn, đó là kết quả của tưởng tượng. Nhiều sự kiện được tưởng tượng hóa trên nhiều bình diện khác nhau, lâu dần tâm thức bị điều kiện hóa, giam nhốt trong thành kiến, cực đoan đôi khi đưa đến cái xấu và ác, tựu chung đều là vọng tưởng giả lập. Chỉ cần nhận ra các thứ vọng tưởng trên trần gian này như mộng huyễn bọt bóng, như hoa đóm giữa hư không hay như một dọn nắng giữa sa mạc mà tưởng là nước... thì lập tức các tưởng tượng sai lầm sẽ chấm dứt.

2. Y tha khởi tự tánh còn gọi là duyên khởi tánh. Nghĩa là nương vào cái khác mà sinh khởi.

*"Tự tánh y tha khởi
Do phân biệt các duyên mà sinh
Viên thành thật nơi đó
Thường xa lìa tánh biến kế sở chấp"*



Trong y tha khởi có hai phần: Đục nhiễm và thanh tịnh. Phần đục nhiễm là do phân biệt các duyên mà sinh. Nó phát sinh từ sự phân chia, phân biệt chủ thể và đối tượng. Càng phân chia, phân biệt càng dễ bị bám chấp. Phần thanh tịnh là không còn phân biệt vi tế dù là phần phân biệt nhỏ nhất cũng không hiện hữu. Khi không còn thấy hoa đóm giữa hư không, bây giờ thấy là hư không, là không gian của bầu trời. Hiện thể của không gian là ví dụ để nắm bắt không gian của tâm thức. Chính là sự vắng lặng tràn đầy của viên thành thật tự tánh, nơi mà hoàn toàn không còn bóng dáng của vô minh, sai lầm và tưởng tượng.

3. Viên thành thật tánh còn gọi là tự tánh tuyệt đối. Chân như bình đẳng của tất cả các Pháp.

*"Viên thành thật nơi đó (nơi y tha khởi)
Thường xa lìa tánh biến kế sở chấp
Nên nó và y tha
Không khác không hẳn khác
Như tánh vô thường không khác không
chẳng khác với các pháp vô thường.
Thấy được tánh viên thành này mới thấy tánh
duyên khởi kia.*

Dựa vào 3 tánh này mà Đức Phật chỉ cho chúng ta nhận ra 3 loại vô tánh bao gồm:

- Tướng vô tánh: Nghĩa là mọi tướng trạng của các pháp cho đến tư duy đều không có tánh chân thật nên gọi là vô tánh.
- Sanh vô tánh: Mặc dù các pháp nương nhau mà hình thành nhưng tự bản chất chúng đều vô tánh. Tất cả do duyên kết hợp.
- Thắng nghĩa vô tánh: Tánh thường như vậy, nó không biến đổi, là chân lý tuyệt đối. Không sanh không diệt, không dơ không

sạch, không tăng không giảm, không đến không đi.

Tu tâm là một sự thắng hoa nội tại, sự thắng hoa đó có thể thẩm thấu qua thành Duy Thức Luận với tư duy đúng đắn:

"Những quan niệm về ngã và pháp đều không thật, chỉ là hư cấu.

Vì đó mà mọi hình tướng và phẩm tánh của hiện tượng sinh khởi.

Chúng đều nương vào sự biểu lộ và chuyển hóa của thức."

Con đường tu tâm là đồng nghĩa nhận ra nỗi đau của sanh, lão, bệnh, tử. Đức Phật trải qua hằng hà sa số kiếp là chúng sanh như chúng ta. Vui, buồn, giận, ghét, thương yêu... với thất tình, lục dục con người đã phải chịu đau khổ trong luân hồi vô tận. Tuệ giác của Đức Phật soi sáng nguồn gốc khổ đau, chỉ cho nhân sinh thấy được đâu là chân lý tối thượng. Phật Đản hay còn gọi là ngày thị hiện của Đấng Thế Tôn, ngày mang lại ánh sáng bình đẳng cho muôn loài, mở ra vận hội mới cho các giai cấp do lòng tham nhiễm của con người định đặt để thống trị.

Chúng ta ngày nay kính ngưỡng đến Ngài như một người con tỏ bày lòng hiếu thảo. Ngài không còn hiện tiền nhưng pháp thân của Ngài chưa một lần sanh diệt. Đối trước pháp thân vi diệu vĩnh hằng đó, chỉ có nhân cách hiếu thảo mới biểu lộ được toàn vẹn phẩm giá của một con người đứng giữa trời đất. Qua đó chúng ta thể hiện nhân cách cùng lời nguyện:

- Ngài chỉ thắng Phật tánh trong tâm mỗi người, xin nguyện mãi mãi làm sáng tỏ Phật tánh.

- Nỗi đau con người và vạn loại sinh linh do nguồn gốc vô minh tạo ra, xin nguyện mãi mãi phát triển trí tuệ.

- Với học hạnh tình thương, xin nguyện luôn luôn không bao giờ để cho Đại Bi Tâm bị

mai một.

- Nhờ nhận ra bản chất của Tâm con xin hứa không hời hợt, nông cạn trên hành trình mài luyện nội tâm.

- Bản chất của các pháp là không có tự tánh chân thật, con xin nguyện áp dụng văn, tư, tu theo lộ trình thắng nghĩa không tánh.

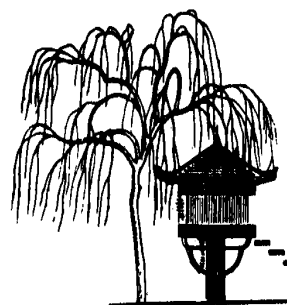
- Trong sự giới hạn của kiếp sống làm người con xin ghi khắc vào tâm không để thời gian qua đi trong ăn năn hối tiếc bằng thực hành mật pháp.

- Với tâm Phật là biển cả vô cùng con xin học hạnh như giòng sông bình thản trôi về đại dương vô lượng.

- Bảy bước đi của Ngài trên bảy đóa hoa sen, con xin nguyện là cánh quạt đưa hương thơm của sen lan tỏa trong không gian vô cùng và trong thời gian vô tận.

Phật Đản và Tu Tâm nói lên phẩm chất của một vị Phật và chúng sanh giữa cõi ta bà này. Con người biết tỉnh thức Tu Tâm chính là con người biết đưa tâm mình hòa vào tâm Phật, biết đưa tâm mình hòa vào tâm chúng sanh và từ đó mỗi giây phút tu tâm đâu khác là Phật Đản. Bạn ơi, Phật Đản và Tu Tâm không còn là hai thì bạn là ai giữa cuộc đời này.

Nhân ngày Phật Đản thành kính chúc lành đến mọi người trên hành tinh này vốn chất đầy quá nhiều tai ương họa hoạn.





Khám phá của Đức Phật

Đồng Minh

Nhiều người thường cho rằng đạo Phật là một tôn giáo. Theo định nghĩa của các loại từ điển thì tôn giáo là sự phục vụ và sùng bái Thượng đế hay diễn tả những hình thức tôn thờ phục tùng mệnh lệnh thần thánh trong cuộc sống. Nhưng nếu theo nghĩa này thì đạo Phật không phải là một tôn giáo, mà đạo Phật là đạo Phật, hay nói cách khác là con đường sáng đưa chúng sanh đến nơi giác ngộ, giải thoát mọi sự khổ đau của cuộc đời, bởi vì Đức Phật không chủ trương có một vị Thượng đế hay đấng Tạo hóa toàn năng cho những mệnh lệnh bắt buộc con người phải tuyệt đối tuân theo. Chính Đức Phật đã dạy: “Ta là Phật đã thành và tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành”. Vì vậy, Đức Phật đã không cho mình là vị Thượng đế. Ngài đã thừa nhận là một con người được sanh ra cách đây hơn 2,500 năm vào thời xưa ở Ấn Độ. Ngài là vị hoàng tử đã sớm từ bỏ vợ, con, ngai vàng, cung điện để dấn thân vào con đường tu hành khổ hạnh, lánh mình vào núi rừng tuyết lạnh suốt 11 năm dài ròng rã tìm đường cứu khổ cho nhân loại và đã hoàn thành sự giác ngộ dưới cội Bồ đề trải qua 49 ngày thiền định. Sau khi thành đạo, Ngài đi khắp xứ Ấn Độ thuyết pháp suốt 49 năm, độ đủ tất cả hạng người, từ bậc vua chúa cho đến kẻ ăn xin nghèo khổ. Ngài thuyết giảng hết tất cả những khám phá của Ngài về chơn lý vũ trụ và ý nghĩa thực tế đời sống con người. Do đó, Đức Phật là một thí dụ điển hình cho những gì mà con người có thể đạt thành khác xa với Thượng đế. Hình ảnh Đức Phật mà chúng ta nhìn thấy ở các chùa được xem như là một kỷ niệm hay một sự tưởng nhớ đến sự giác ngộ mà con người có thể đạt thành giống như đức Phật. Vì vậy, trước tiên, nó có ý nghĩa tôn kính hơn là sự thờ cúng, mặc dù sự thờ cúng không cấm đoán. Trong kinh Kim Cang, Đức Phật đã làm sáng tỏ ý nghĩa đó như sau: “Nếu kẻ nào dùng sắc tướng mà thấy ta, dùng âm thanh mà cầu ta, thì người ấy tu theo đạo tà và không bao giờ thấy được Như Lai.”

Tại sao Phật lại nói như vậy? Bởi vì sắc tướng và âm thanh là tướng sanh diệt, còn Như Lai hay Ta ở đây là pháp thân, Phật tánh không sanh diệt, nếu dùng cái tướng sanh diệt mà cầu Phật thì đó là đạo tà, không bao giờ thấy được pháp thân. Vậy muốn thấy được Như lai hay Pháp thân, thì trong lòng phải thanh tịnh.

Đức Phật đã khám phá được những gì khi Ngài đã hoàn thành sự giác ngộ? Để trả lời cho câu hỏi này, chúng ta thử lấy một thí dụ như sau: Một hôm, con ếch mẹ nhảy ra khỏi ao nước, dạo đi một vòng rồi trở lại bờ ao, nó muốn kể lại cho các ếch con ở dưới ao nghe những gì mà nó thấy biết, nhưng nó không thể nào làm cho những ếch con ở dưới nước hiểu được ánh nắng ấm áp và cơn gió nhẹ đáng yêu mà nó đang có. Nhưng ếch con sẽ bất chợt nhận ra những gì mẹ chúng muốn nói, khi chúng biết dùng đôi chân dài nhảy lên tận bờ ao và lúc ấy chính chúng mới cảm thấy được ánh nắng và làn gió nhẹ kia. Đức Phật đã tìm thấy ngôn ngữ loài người không đủ để diễn tả trạng thái giác ngộ, mỗi người phải tìm sự giác ngộ bằng chính những kinh nghiệm riêng của mình. Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là Đức Phật không nói gì hết, sự thật những lời dạy của Ngài rất phong phú bao la, không ai có thể hiểu hết được.

Đức Phật đã dạy chúng ta hai điều khám phá cơ bản:

Sự khám phá thứ nhất là thế giới loài người đang sống chỉ là một phần rất nhỏ của toàn thể vũ trụ và nó đã hoàn thành từ lâu, do sự lầm lẫn mà con người tiếp nhận những kiến thức lệch lạc rất thiếu sót.

Trước khi đi vào vấn đề triết lý cao siêu này, chúng ta thử hỏi có những thứ gì ở trong khoảng không gian trước mắt chúng ta không? Nếu chúng ta là những người sống cách đây hàng trăm thế kỷ trước, chúng ta đều trả lời là không, không có gì hết, nó chỉ trống rỗng. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta lại trả lời mỗi người một cách khác nhau: có người bảo có không

khí, hơi nước, khí oxy, khí hydro, nitro, khí cacbon, một em bé chừng 7, 8 tuổi cũng biết trả lời có làn sóng điện phát thanh, bởi vì khi em mở radio hay tivi, em nghe tiếng nói, nhà y học bảo có vi trùng, vi khuẩn và nhà vật lý học bảo có nguyên tử, điện tử, tia x, tia vũ trụ, tia cực tím và các khoa học gia khác cũng tỏ ra bối rối trước sự tiến bộ của loài người trong việc thám hiểm không gian. Như vậy, khoảng không gian ở trước mắt ta có nhiều thứ và nhiều sinh vật hoạt động, nhưng con mắt thường không bao giờ thấy hết được. Con mắt loài người không thấy được toàn thể vũ trụ và sự truyền thông đến chúng ta cũng không được đầy đủ lắm. Như khi nhìn vào con người phần nhiều chúng ta đều cho rằng thể xác con người rắn chắc, nhưng thực tế mà nói, nó chỉ là một tổ hợp bao gồm nước, khoáng chất: calcium, phosphore, sắt và các chất hơi khác. Nói cách khác, cơ thể con người chỉ là một khối nước bị ô nhiễm cao hơn là một thể xác rắn chắc. Thiền sư Vạn Hạnh đã nhận ra được lẽ đó, nên có làm kệ nói về thân người như sau:

*“Thân như bóng chớp chiều tà,
Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng rời...”
(Thích Mật Thể dịch)*

Hơn 2500 năm về trước Đức Phật gặp rất nhiều khó khăn trong việc thuyết phục con người tin rằng mắt họ không cho họ thấy được toàn thể vũ trụ và điều đó họ đã sai lầm. Ngày nay con người đã tiến bộ và khoa học gần đây đã cho phổ biến một sơ đồ quang phổ điện tử, theo sơ đồ này thì con mắt người chỉ thấy một phần nhỏ của vũ trụ, mà chúng ta gọi là vùng ánh sáng có thể thấy được. Con mắt chúng ta còn thua cả loài chim cú ban đêm và loài chim ưng ban ngày. Không những mắt chúng ta bị giới hạn, mà ngay các giác quan khác cũng thế. Theo sơ đồ tiếp nhận âm thanh, lỗ tai con người nghe còn thua cả loài chó và loài cá heo nữa. Một con chó có thể nghe được tần số âm thanh từ 15 ngàn chu kỳ trên mỗi giây đến 50 ngàn chu kỳ trên mỗi giây, loài cá heo có thể nghe được tần số âm thanh từ 300 chu kỳ trên mỗi giây đến 150 ngàn chu kỳ trên mỗi giây. Trong khi đó con người chỉ nghe được tần số âm thanh từ 20 chu kỳ trên mỗi giây đến 20 ngàn chu kỳ trên mỗi giây. Vậy, loài chó và loài cá heo có biên độ âm thanh nghe cao hơn

loài người, do đó mà các loài dã thú có cơ hội tốt sống lâu hơn loài người.

Các giác quan khác của con người cũng góp phần rất ít trong việc truyền thông, ngay cả khứu giác và vị giác cũng rất thấp đối với loài vật. Do đó, sự truyền thông hầu như bị lệch lạc và con người bị lầm lẫn kinh khủng. Có người lại hỏi: những điều gì đã tạo nên sự sai lầm đó? Đức Phật đã dạy nhiều thế kỷ trước, con người không có kiến thức về vũ trụ mà chúng ta có ngày nay. Tuy nhiên họ có thể sống lâu hơn và đời sống có nhiều hạnh phúc hơn chúng ta. Lập luận này có thể rất đúng, nhưng trước khi chấp nhận, chúng ta thử xét câu chuyện người mù sờ voi nổi tiếng ở Ấn Độ như sau: Xưa có một ông vua cho tụ tập lại một số người mù và họ không có ý niệm gì về con voi cả. Nhà vua bảo họ đứng xung quanh con voi và mỗi người sờ vào những phần khác nhau của con voi, rồi nhà vua nói với họ: đây là con voi và bây giờ hãy cho biết con voi giống như cái gì? Một người mù sờ vào sườn voi nói con voi giống như bức tường; một người khác ôm cái vòi voi rồi giựt mình sợ hãi nói nó giống như con rắn khổng lồ; một người khác sờ soạng đuôi voi rồi cãi lại: nó giống như cây chổi cùn; một người mù lùn nhất chỉ ôm được chân voi hét lớn: sai hết rồi, nó giống như thân cây to hay cột đình vậy.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy một điểm rất quan trọng là mỗi người chỉ nhận biết được một phần sự thật mà họ sờ được, chứ không thể toàn thể con voi và nếu để mỗi người khám xét hết các phần của con voi như nhau thì họ sẽ trả lời đúng như nhau chứ không sai. Hơn nữa, mỗi người mù lại đang nghĩ mình đang khám xét hết toàn thể con voi, nên sự tìm kiếm của họ trở nên sai, tất nhiên sự trả lời của họ sẽ không làm sao đúng hoàn toàn được và sự phản ứng như sợ hãi con rắn to cũng không chính xác mấy, cho nên giác quan chúng ta tiếp nhận một sự truyền thông lệch lạc, không đầy đủ, không chính xác, rất nguy hiểm.

Một ví dụ khác, con người không tránh được bệnh cúm, bởi vì họ không thấy được vi khuẩn đầy đặc ở trước mắt họ và họ cứ đi về phía trước để đồng hóa với chúng. Nhân loại tạo ra

những vấn đề chủng tộc do sự khác biệt màu da, không biết về những cơ bản mà chúng ta cùng có là 65% nước bị ô nhiễm. Con người tranh đấu lẫn nhau là do sự tranh giành quyền lợi giữa chủ quan tôi và khách quan anh, không biết rằng sự phân biệt giữa tôi và anh là một tư tưởng sai lầm mà các giác quan chúng ta tiếp nhận một kết quả truyền thông lệch lạc thiếu sót do sự phiến dịch chỉ huy của não bộ. Vì vậy, chúng ta không có cơ may để thay đổi đời sống và giải thoát được những nỗi khổ của chính mình, cũng như toàn thể nhân loại, kể cả định luật tử sinh, như thiền sư Viên Học đã nói:

*“Sáu thức khiến ta khổ tới ngày,
Vô minh mê muội mãi bao vây...”*

Nhưng có người lại hỏi: liệu con người có thể thấy được toàn thể vũ trụ không? Để trả lời cho câu hỏi này, chúng ta hãy tìm hiểu về sự khám phá thứ hai của Đức Phật.

Sự khám phá thứ hai là con người có khả năng nhìn thấy toàn thể vũ trụ một cách chính xác, do đó con người có thể giải thoát chính mình và tất cả mọi khổ đau, kể cả sự chết chóc mà kết quả không sai lạc. Đó là khi con người được hoàn toàn giác ngộ hay Phật tánh của con người có khả năng biết được toàn thể vũ trụ bao la như Phật đã trải qua. Con người vì bị màn vô minh che lấp Phật tánh sáng suốt, nên không thấy được toàn thể vũ trụ; một khi con người đã hoàn toàn giác ngộ, màn vô minh sai trái không còn, Phật tánh sáng suốt hiện ra, có thể khám phá toàn thể vũ trụ được dễ dàng. Vậy Phật tánh đó là gì? Phật tánh đúng nghĩa là trạng thái giác ngộ hoàn toàn, mà con người không thể nào dùng kiến thức để tìm hiểu hay ngôn ngữ để bàn cãi được, bởi vì nó không có tính tương đối, không có tướng sai biệt, chẳng phải có, chẳng phải không, như như bất động có thể ví như năng lượng bao trùm cả vũ trụ và con người chỉ có thể nhận ra được bằng những kinh nghiệm tu tập của riêng mình. Thiền sư Đạo Huệ có bài kệ nói về Phật tánh như sau:

*“Thân màu và thể nhiệm,
Không hợp chẳng chia phối.
Nếu ai muốn tách bạch,
Lò lửa bông hoa cười.”
(Ngô Tất Tố dịch)*

Theo bài kệ thì thiền sư cho rằng xác thân và Phật tánh rất màu nhiệm, không thể hợp lại và cũng không thể tách rời được. Nếu ai muốn tách ra thì giống như cành hoa nở trong lò lửa vậy. Lò lửa ở đây chỉ cho thân này bị sanh diệt, còn cành hoa thì chỉ cho Phật tánh bất sanh bất diệt. Dùng thân này tu hành, khi giác ngộ sẽ thấy được Phật tánh trong ta ngay.

Mặc dầu Phật tánh không tìm hiểu được, nhưng Đức Phật đã dạy chúng ta biết được ít nhiều về những nét cơ bản của nó. Đó là giải thoát sự ràng buộc mọi hệ lụy hàng ngày trong đời sống chúng ta và giải thoát sự giới hạn trong không gian và thời gian.

Phật tánh của con người không giới hạn trong không gian.

Chúng ta thử lấy một thí dụ về khả năng nghe của con người. Tai của con người có thể nghe một tiếng sấm nổ di động trong mây, xa nhất là vài dặm, nhiều thế kỷ trước, không ai nghi ngờ gì về sự giới hạn nghe này, ngày nay thì sự tin tưởng của chúng ta hoàn toàn khác nhau. Từ môn sinh vật học, chúng ta biết rằng: không có sự khác biệt cơ bản nào giữa lỗ tai con người và dụng cụ máy móc điện hay điện tử hiện nay. Vì vậy khi phát minh ra điện thoại và nhất là điện thoại di động thì khoảng cách nghe của con người được thay đổi và gia tăng lớn hơn. Chúng ta có thể nói, đó là do sự kết hợp giữa tai và điện thoại. Từ khi người Mỹ đầu tiên đặt chân lên mặt trăng thì khoảng cách nghe này được nói rộng chừng 1/4 triệu dặm, do sự ứng dụng các loại máy điện hay điện tử để nói rộng lỗ tai vật lý con người. Điều này biểu hiện là con người có thể nghe mà không bị giới hạn bởi khoảng cách, nó chỉ tùy thuộc vào loại dụng cụ sử dụng và cách sử dụng.

Phật tánh không bị giới hạn bởi thời gian.

Chúng ta biết rằng từ lâu trong giấc mộng, chúng ta có thể thấy và nói chuyện với vài người đã chết, nhưng chúng ta chỉ cho đó là một giấc mộng không có thực trong đời sống. Tuy nhiên, ngày nay, nhờ sự kích thích dòng điện vào các tế bào não bộ, con người có phản ứng hốt hoảng và không chỉ có thể nghe thấy

không cần đến mắt tai vật lý mà còn có thể bộc lộ những biến cố sống động đã xảy ra trong quá khứ. Hơn nữa, các tế bào não bộ hoạt động song song, cho nên một số biến cố có thể hiện ra cùng một lúc, như các bóng đèn điện ghép song song cùng sáng lên một lượt khi mạch điện được mở ra. Điều này đã giúp cho con người hiểu biết tiến gần hơn những gì mà Đức Phật đã diễn tả trong quá khứ, hiện tại và tương lai, có thể hiện ra trong cùng một lúc, do đó Phật tánh không có giới hạn thời gian.

Khoa học hiện đại đã góp phần rất lớn trong việc truyền thông làm sáng tỏ sự khám phá của Đức Phật mà Phật tánh con người không có giới hạn và nhờ đó con người có khả năng khám phá nhiều hơn về vũ trụ, không cần đến sự giúp đỡ của năm giác quan và não bộ. Hơn nữa, khoa học hiện đại đang trên đà phát triển, mọi lý thuyết và máy móc càng ngày càng trở nên tân tiến giúp con người dễ tiếp xúc và hiểu biết về vũ trụ. Như vậy, chúng ta càng tin tưởng mãnh liệt vào lời dạy của Đức Phật, nhưng trong tương lai, sự phát triển khoa học hiện đại có thể đưa con người đến gần trạng thái giác ngộ để mở ra Phật tánh của họ mà Đức Phật đã chứng ngộ xuyên qua thiền định không?

Chúng ta có thể nói có và không. Chúng ta nói có bởi vì kiến thức khoa học và sự phát triển kỹ thuật đã giúp cho con người hiểu biết nhiều hơn về vũ trụ. Ví dụ, ngày nay khoa học làm thí nghiệm dễ dàng hơn là chúng ta giải thích những khám phá của Đức Phật.. Như trong kinh, Phật dạy các đệ tử mỗi lần uống nước cần phải đọc thần chú để siêu độ chúng sanh trong nước, nếu không đọc thần chú thì phạm tội sát sanh, bởi vì Ngài dùng con mắt Phật nhìn thấy trong một bát nước mức ở sông Hằng có đến 84,000 vi trùng. (*Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng....*).

Trong thời Đức Phật chỉ có đệ tử Ngài tin làm theo, còn dân chúng thì không thể nào tin nổi. Nhưng ngày nay khoa học mức một bát nước ở sông Hằng đem về thí nghiệm sẽ thấy rõ các loại vi trùng dễ hơn là chúng ta giải thích lời dạy của Ngài vậy.

Chúng ta nói không bởi vì khoa học vẫn còn hoạt động trong phạm vi ràng buộc của trái đất mà con người đã nhận biết. Ví dụ: vận tốc giới hạn. Hiện nay không có vật gì di động nhanh hơn vận tốc ánh sáng 186 ngàn dặm trên mỗi giây và số zero tuyệt đối; không có vật nào trong vũ trụ có nhiệt độ lạnh hơn dưới 459⁰ F. Nhưng có một sự giới hạn khác mà chúng ta tin là nghiêm trọng hơn tất cả những giới hạn vật lý, đó là ý niệm chấp về cái ngã như một nhân tính hay chủ thể. Nó là trung tâm của mọi sinh hoạt khoa học, giống như các nhà thần học phải làm việc trong phạm vi ý niệm của Thượng đế, ngoại trừ khoa học phá vỡ được bức rào giới hạn đó.

Khoa học chỉ có thể giúp chúng ta hiểu biết những gì về một người giác ngộ như Đức Phật đã nói, nhưng nó không thể đưa chúng ta đến trạng thái giác ngộ được. Muốn được giác ngộ như Đức Phật, chúng ta cần phải thực hành những phương pháp của Phật dạy. Tuy nhiên, những sự trợ giúp kiến thức khoa học cũng giống như là sự trợ giúp của chiếc thuyền máy đưa con người đến bờ đại dương một cách dễ dàng hơn là nương tựa vào một chiếc thuyền buồm của hàng trăm năm về trước. Vậy những phương pháp nào mà Đức Phật đã dạy? Trong thực tế có rất nhiều phương pháp, nhưng phương pháp cơ bản là thiền định.

Thiền định có nghĩa tập trung vào một đối tượng duy nhất, không cho tán loạn để cho tâm thể được vắng lặng, tâm dụng được sáng tỏ trong việc quán sát và suy nghiệm chân lý. Trong kinh Kim Cang, Đức Phật đã dạy ông Tu Bồ Đề phải luôn quán sát mọi vật ở đời đều là giả tạm như giấc mộng, như bóng nước, như sương mai, như ánh chớp, như hoa đốm hư không, không thật có, nên không chấp tướng, do đó, không khởi tham, sân, si. Tham, sân, si đã không sanh thì không tạo ra ba nghiệp thân, khẩu, ý và tâm ta trở nên rỗng lặng như như bất động, thấy tánh thành Phật vậy:

*“Nhứt thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn, bào ảnh.
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.”*

Nghĩa là:

“Tất cả mọi vật có hình,

*Như bóng nước giả hay mình ngủ mơ.
Như sương, điện chớp bất ngờ,
Phải thường quán sát, trơ trơ cõi lòng.
(Đồng Minh dịch)*

Để kết luận, xin mượn lời nhận xét về Phật giáo của nhà khoa học Trung Hoa Uông Trí Biểu như sau: “Phật giáo không phải là một tôn giáo, vì tôn giáo chỉ chú trọng về tin mà chẳng chú trọng về giải, trái lại Phật giáo chú trọng về giải, không chú trọng về tin... Phật giáo vượt trên khoa học, vì là một bộ phận lý luận của Phật giáo có thể dùng khoa học giải

thích, nhưng còn những bộ phận khác đã vượt hẳn lãnh vực khoa học. Bởi vì đối tượng nghiên cứu của khoa học là sắc pháp và nhà khoa học chỉ biết sắc và sắc đối nhau, trong khi Phật giáo cho thấy tâm pháp và sắc pháp đối đãi nhau. Đó là: “*Tất cả các pháp, đều do tâm sanh; Tâm không chỗ sanh, Pháp không chỗ trụ...*”./.



Hương về Phật đài

Đồng Minh

Đã lâu rồi, tôi sống với Như Lai, trong
phổ quang minh trí.
Suốt thời gian tâm tôi thường lặng lẽ, yên
vui chẳng nào phiền.
Rồi một lần, tôi lội ngược lại thời gian,
Theo vô minh, tâm tôi đầy đen tối, trôi lăn
trong sáu đường.
Làm kiếp người ngắn ngủi bị khổ luôn,
Khi sanh ra, thân tôi đầy nhoe nhớp, tanh
hôi lại lỏa lồ!
Nhờ mẹ hiền nuôi dưỡng được lớn khôn,
Và cha thương ra công lo dạy dỗ cho tôi
được học hành.
Ngày vào đời, tôi tham đắm bả lợi danh,
Suốt ngày đêm tâm tôi tạo nghiệp ác; sát,
đạo, dâm, dối gạt người.
Đời vô thường giả tạm chẳng gì vui!
Nhưng tâm tôi luôn đeo đuổi ngược xuôi
với ái tình.
Ôi! Ái tình là sợi dây oan!
Nó vô hình, vô tướng cứ buộc ràng chặt lấy
tôi!
Bao nhiêu năm tôi sống ở cõi đời,
Mãi mê tình ái, làm giàu theo đuổi lợi
danh.
Suốt đời cứ chộp giựt lo cạnh tranh,

Vợ con sự nghiệp tôi cố giữ gìn mãi thôi.
Quyền cao chức trọng, đã vang bóng một
thời,
Đến khi tắt thở chết rồi, chỉ còn tay không.
Xác thân nằm ở ngoài đồng,
Hương tàn, khói lạnh, côn trùng kêu than!
Hồn thì phiêu bạt mây ngàn,
Nghiệp trần dấn dẫm đi lên đàng mà đầu
thai.
Luân hồi sáu nẻo chịu khổ hoài,
Thay hình đổi dạng trong bốn loài mãi thôi.
Tử sanh, sanh tử cái kiếp người,
Vô minh phiền não như bóng thời theo
chân.
Cuộc đời nào khác vầng trăng,
Khi tròn, khi khuyết cứ lăn giữa trời.
Kiếp người nào khác ánh sao rơi,
Có không, không có cuộc đời như nước
trôi,
Đường xưa chốn cũ đã quên rồi,
Tôi cố tìm lại chỉ thấy trời mây phủ thôi!
Bao giờ được thoát kiếp luân hồi,
Bao giờ tôi sẽ trở lại ở nơi xưa của mình.
Ba ngàn thế giới chúng sinh,
Vào ra ba cõi có biết mình là ai?
Thành tâm hướng về Phật đài,
Cầu cho tất cả mọi loài bình yên./.

Vài đề nghị về tổ chức Lễ Vesak



Thiện Tuệ

Chúng tôi được biết một vài nước tổ chức lễ Vesak không đúng ý nghĩa. Trung quốc và Thái Lan ngoài các món chay thì họ còn dọn các món ăn mặn, có khi có rượu nữa, để cho quan khách và Phật tử dùng. Trung quốc là nước cộng sản. Họ muốn làm gì thì làm vì họ đâu có tin giáo lý của Phật. Họ chỉ làm để quảng cáo và lừa bịp nhân dân và thế giới là có tự do tôn giáo nên họ dọn đám động vật không có tội vạ gì. Còn Thái lan là một nước theo đạo Phật, xem như quốc giáo, tại sao họ lại dọn các loại thịt cá v.v.. như thế là phạm tội sát sanh, một điều cấm đứng đầu trong ngũ giới. Họ không thể viện cớ là để cho quan khách dùng. Đúng lễ họ phải truyền bá giáo lý của Phật, trong đó có ăn chay (cấm sát sanh) thì họ lại làm trái lại. Chúng tôi nghĩ nên dọn toàn các món ăn chay cho chư Tăng Ni và những người đến dự lễ gồm các quan khách và Phật tử để giới thiệu giáo lý từ bi của Phật.

Nếu quan khách không dùng chay được vì một lý do gì thì họ có thể ra về sau buổi lễ để ra ngoài phố tìm vào các tiệm ăn mặn để dùng vì họ có quyền tự do chọn lựa theo sở thích.

Nếu họ dùng một bữa chay trong lễ hội này thì trước là để thay đổi khẩu vị, sau là biểu lộ lòng từ bi của họ đối với muôn loài thì cũng được một chút ít phước đức và chưa biết chừng, sau buổi lễ họ sẽ giác ngộ mà chuyển qua ăn chay.

Điều thứ hai, chúng tôi đề nghị các giáo hội Phật giáo nên nói rõ ích lợi của việc ăn chay và ra một tuyên ngôn kêu gọi Phật tử cũng như mọi người đều ăn chay, nhứt là để cứu quả địa cầu trước hiện tượng bị hâm nóng. Đây là một cơ hội tốt, hiếm có, trong năm chỉ có một lần, không nên bỏ qua.

Điều thứ ba, đối với các vị tu theo Nam tông, xin các Ngài nên bảo quần chúng và các tín đồ, từ nay các Ngài chỉ nhận phần cúng dường của họ nếu các thức ăn hoàn toàn chay và sẽ từ chối các thức ăn mặn. Khi đức Phật còn tại thế,

một hôm A Nan hỏi Phật rằng: Bạch Phật, tại sao trước kia Phật cho các đệ tử ăn ngũ tịnh nhục, mà nay Ngài lại cấm tuyệt ăn thịt cá.

Phật trả lời ngài A Nan:

Vì trình độ các ông trong buổi sơ cơ còn thấp kém, chưa có thể lãnh thọ giáo pháp đại thừa, thực hành đúng lý đặng, nên khi ta nói pháp Tiểu thừa phương tiện cho ông tạm dùng ngũ tịnh nhục. Đến nay, trình độ các ông đã cao, lãnh thọ được giáo lý đại thừa, nên ta cấm tuyệt ăn thịt cá. Còn ăn thứ ấy thì còn phạm giới sát sanh, nếu không trực tiếp sát thì cũng gián tiếp, làm mất hạt giống từ bi bình đẳng, không thể nào tu hành thành Phật được.

Ngoài ra Phật dạy: “Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, cứ tạo nhân tội ác, sát hại ăn thịt lẫn nhau nên bị ác quả, là sanh tử luân hồi mãi trong sáu đường”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Hễ giết một mạng thì phải trả lại một mạng, tâm giết hại chẳng dứt trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được”.

Và Phật còn dạy: “A Nan, những người ăn thịt dầu cho có đặng tâm trí khai ngộ, cũng thành quỷ Đại La sát, đến khi mãn quỷ La sát rồi quyết định phải trầm luân trong biển khổ sanh tử”.

Chúng tôi nghĩ tình hình Miến Điện, Thái Lan gần đây, và trước đó là Tích Lan, Campuchia v.v.. là nơi có các Thầy Nam Tông nhiều nhất, chúng tỏ luật quả báo rõ ràng. Nếu muốn cứu dân chúng các nước đó, tăng đoàn cần phải triệt để ăn chay, để tạo một cộng nghiệp tốt, thì lo gì không quốc thái dân an?

Lời nói thẳng có thể làm mất lòng, song vì nói chân lý thì đôi khi cũng không làm vui lòng mọi người. Có gì sơ xuất xin thành tâm sám hối và mong được tha thứ./.

(tiếp theo)

36. Ý nghĩa tướng lưỡi rộng dài.

Hỏi: Trong Kinh Di Đà có nói tướng lưỡi của Phật rộng dài che khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Xin hỏi: hiện tượng này như thế nào? Có đúng như vậy không?

Đáp: Hiện tượng đó, chỉ là ý nghĩa tiêu biểu tượng trưng thôi. Chớ không phải là có thật như vậy. Ý nói: Sở dĩ Phật được tướng lưỡi rộng dài như thế, do vì trải qua vô số kiếp, Phật chưa từng nói dối, nên mới được như vậy. Ngược lại, phàm phu chúng ta vì trải qua nhiều đời nói dối, nói thêu dệt, nói lời trau chuốt để gạt gẫm thiên hạ, mưu đồ trục lợi cho mình, nên kết quả, tướng lưỡi của chúng ta hiện nay dài không quá 3 tấc.

Trong Kinh nói: người nào ba đời không nói dối, thì lưỡi le ra đụng tới chót mũi. Kinh điển tả nêu ra như thế, nhằm mục đích khuyên chúng ta không nên nói dối, mà phải nói lời chân thật. Lời nói chân thật, kết quả nói ra ai cũng tin và nghe theo. Nếu như, chúng ta y theo kinh mà giải nghĩa, tướng lưỡi của Phật trùm khắp như vậy, thì làm sao Phật nói chuyện thuyết giảng. Cho nên nói: “Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan, ly kinh nhứt tự, tức đồng ma thuyết”. Qua lời nói này, chúng ta cần phải cẩn trọng trong khi giảng giải kinh điển Phật giáo.

37. Chư Thiên dâng hoa cúng dường.

Hỏi: Trong kinh điển tả, khi Đức Phật thuyết pháp có các chư thiên đến tung hoa cúng dường. Xin hỏi: chư thiên từ cõi nào đến? và hoa từ đâu mà có?

Đáp: Nếu bảo chư Thiên từ cõi nào đến, thật sự chúng tôi không biết. Chỉ thấy trong kinh nói là chư Thiên ở các cõi Trời, như cõi Đục gồm có 6 cõi Trời: *Tứ thiên vương*

100 Câu hỏi Phật pháp

PHƯỚC THÁI

thiên, Dao lợi thiên, Dạ ma thiên, Đâu suất thiên, Hóa lạc thiên và Tha hóa tự tại thiên. Nhưng thực tế, thì chúng ta không thấy. Mà không thấy, thì làm sao nói được.

Tuy nhiên, theo chỗ chúng tôi hiểu, thì chư Thiên cũng từ nơi con người mà ra, chớ không có ở đâu xa. Tại sao chúng tôi dám nói như thế? Bởi vì, chúng ta thử nghiệm xét kỹ lại coi: Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác... những vị này từ đâu mà có? Có phải các ngài từ cõi nào xa xôi đến đây không? Hay tất cả cũng chỉ là con người? Đã là con người, thì các ngài cũng có một đời sống: ăn, mặc, ở bình thường như chúng ta. Chẳng qua các Ngài khác hơn chúng ta là ở chỗ trình độ giác ngộ của các Ngài hơn chúng ta mà thôi. Xét nhân địa tu hành và quả vị đạt được của những vị này mỗi mỗi đều có sai khác. Căn cứ trên nhân và quả mà các Ngài có những tên gọi khác nhau. Nhưng tựu trung cũng là con người và sống ở cõi này.

Chư Thiên cũng thế. Những vị này cũng là con người, nhưng khác hơn con người thường là ở chỗ, những vị này do thực hành Thập Thiện mà kết quả được thụ hưởng phước báo an vui hơn những người giữ 5 giới và những người không biết tu hành giữ giới. Nên gọi những vị này là Trời. Như vậy, thì chúng ta thấy nó rất thực tế trong sự tu hành. Tất cả đều căn cứ trên quả vị đạt được mà có những tên gọi khác nhau đó thôi. Đây là theo chỗ nghiên cứu hiểu biết của chúng tôi. Dĩ nhiên, mỗi người có những lý giải và nhận xét hiểu biết khác nhau.

Nhưng theo tôi, lý giải nào cũng phải phù hợp và phải dựa trên thực tế. Vì đạo Phật là đạo thực tế, không viển vông mơ hồ, huyền hoặc. Nếu bảo rằng, chư Thiên ở các cõi khác đến, cõi đó ở đâu? Và hình thù của họ ra sao? Nhân địa tu hành của họ, chỉ là tu mười điều lành thôi. Nếu họ từ các cõi khác đến, tất nhiên họ phải có thần thông. Thần thông của họ phải nhanh hơn gấp mấy ngàn lần phi thuyền hiện nay.

Các khoa học gia dùng phi thuyền khám phá các hành tinh khác, bay lượn khắp trong không gian, cho đến nay cũng chưa tìm thấy một vị Trời nào cả. Như vậy, hiện tại có người, họ cố gắng giữ đúng mười điều lành, nhưng họ nào có thần thông đâu. Những vị xuất gia tu hành hiện nay, dĩ nhiên các ngài này tu hành phải vượt hơn mười điều lành, nhưng thực tế, ta chưa từng thấy vị nào có thần thông biết bay từ nơi này đến nơi kia. Thần thông của những vị này là máy bay, thì có. Chư Thiên không phải từ cõi khác đến, thì làm gì có hoa từ cõi khác.

Tóm lại, qua những luận cứ trên, theo tôi quả quyết, trong kinh nói chư Thiên cũng chính là con người mà thôi. Nhưng con người giữ tròn Thập Thiện, nên được phước báo an vui hơn những người thường khác. Và hoa họ dùng để cúng dường Phật, cũng chính là những đóa hoa ở trên mặt đất này. Chỉ có thể thôi.

38. Ý nghĩa danh hiệu Đại Thế Chí và sự động đất.

Hỏi: *Danh hiệu Đại Thế Chí có ý nghĩa gì? Và trong kinh có nói: Khi Phật ra đời đại địa rung động. Vậy xin hỏi: hiện tượng quả đất rung động này có giống với hiện tượng động đất hiện nay không?*

Đáp: Danh hiệu Đại Thế Chí là tiêu biểu cho người có một trí huệ siêu việt và một ý chí, nghị lực phi thường. Ngài là một vị Bồ tát hỷ cận bên đức Phật Di Đà. Căn cứ

theo tượng Tam Thánh (Di Đà, Quán Âm, Thế Chí) thì Ngài đứng bên hữu và Bồ tát Quán Âm đứng bên tả. Ngài tiêu biểu cho đại trí huệ. Bồ tát Quán Âm tiêu biểu đại từ bi. Bi và trí phải song vận. Cả hai không thể thiếu một trong sự tu hành, cũng như khi ra giáo hóa. Thế nên Bồ tát Đại Thế Chí và Bồ tát Quán Âm không tách rời nhau.

Ngài luôn dùng trí huệ soi sáng để hóa độ chúng sanh ở cõi đời uế trược này. Vì trí huệ có công năng phá tan mọi si mê. Hình ảnh của Ngài nói lên một sức mạnh trí huệ phi thường mà người tu hành cần phải có. Nhờ có trí huệ chỉ đạo nên mới dẹp trừ hết vô minh phiền não.

Có như thế, thì hành giả tu hành mới mau được giải thoát. Nên mỗi khi niệm đến danh hiệu Ngài, chúng ta nhớ đến trí huệ sáng ngời và ý chí kiên cường dũng mãnh của Ngài. chúng ta quyết noi gương Ngài và kiên quyết vượt thắng mọi chướng duyên thử thách trên bước đường tu học. Có thế, thì mới xứng đáng niệm danh hiệu Ngài. Và chúng ta mới có được lợi ích.

Còn nói Phật ra đời, cả đại địa đều chấn động, đây cũng là một sự tiêu biểu mà thôi. Thường khi có một vị Thánh nhơn ra đời, thì có những hiện tượng khác thường. Điều này nói lên một sự kỳ đặc mà người thường không bao giờ có. Sự chấn động đó không phải là như động đất hiện nay. Nếu cả đại địa đều động đất như hiện nay, thì cả nhơn loại làm sao sống sót. Như vậy, Phật ra đời có ích lợi gì cho nhơn loại đâu? Chẳng những không đem đến sự lợi ích cho nhơn loại, mà còn hủy diệt nhơn loại nữa. Như thế, sao gọi là Phật được?

Hiện tượng động đất hiện nay là một hiện tượng tự nhiên của thiên nhiên. Đó là dấu hiệu cho chúng ta biết quả địa cầu đã đến hồi nứt rạn và đi lần đến tan hoại.

39. Thờ Phật Thích Ca mà chào nhau A Di Đà.

Hỏi: *Tại sao ở cõi này, đại đa số đều thờ Phật Thích Ca, mà Phật tử gặp nhau, thì lại chào nhau bằng câu Phật hiệu A Di Đà Phật mà không niệm Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật?*

Đáp: Vì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo chủ ở cõi Ta Bà này, nên người ta tôn thờ Ngài là để nhớ đến công ơn giáo hóa lớn lao của Ngài. Nhờ sự chỉ giáo của Ngài mà người ta noi theo tu hành nên được giải thoát. Do đó, hầu hết các chùa Phật giáo Bắc Tông cũng như Nam Tông đều kính trọng tôn thờ Ngài. Còn về danh hiệu của Ngài, người ta chỉ niệm vào những dịp lễ lộc hoặc vào những thời khóa lễ tụng niệm. Chớ người ta không niệm danh hiệu Ngài khi gặp và chào nhau. Bởi lẽ, Phật giáo có nhiều Tông phái, nhưng chỉ có những người tu theo Tịnh độ tông mới chào nhau bằng câu Phật hiệu A Di Đà mà thôi. Còn các Tông phái khác, thì không có.

Sở dĩ những liên hữu Phật tử khi gặp và chào nhau như thế, mục đích là để họ thức nhắc cho nhau về một vị Giáo Chủ mà họ đang hướng lòng về mong mỏi gặp Ngài. Đây là một cách chào nhau vừa lịch sự trang trọng mà cũng vừa thức nhắc cho nhau đừng quên câu hiệu Phật. Vì người tu Tịnh Độ, lấy câu trì danh Phật hiệu: “Nam Mô A Di Đà Phật” làm phương châm hành trì. Bất luận thời gian và nơi chốn nào, hành giả cũng phải lưu tâm nhớ niệm. Có thế, thì mới mong đạt thành ý nguyện vãng sanh về Cực lạc. Do đó, nên việc thức nhắc cho nhau bằng cách chấp tay xá chào và cả hai đồng niệm câu A Di Đà Phật, thật là hợp lý và hữu ích.

40. Làm sao cho mẹ con khỏi tội.

Hỏi: *Vào những ngày thọ Bát, con nhờ con của con chở giùm, thì thấy nó không vui.*

Con kêu xe taxi đi, khi đến chùa thọ Bát tu học, thì con cảm thấy rất buồn. Vậy xin hỏi làm sao cho hai mẹ con đều không mang tội?

Đáp: Nếu Phật tử buồn vì nhờ con chở đến chùa mà nó không vui lòng giúp cho, thì tôi thành thật khuyên Phật tử không nên buồn. Vì Phật tử nhờ mà nó không chở, đôi khi nó có những lý do riêng của nó. Phật tử nên chịu khó tìm hiểu mà cảm thông với tuổi trẻ ở xứ này. Nếu nó không chở, Phật tử kêu taxi đi, thì có gì đâu phải buồn và cũng không có gì là mang tội cả.

Nếu Phật tử buồn, thì chỉ thêm thiệt thòi cho mình trong ngày thọ Bát tu học mà thôi. Mục đích Phật tử đến chùa tu học là để cho tâm được an tĩnh vui vẻ. Chớ nếu như mang tâm sự buồn phiền thì đâu có lợi ích gì! Cho nên, khi nào mình nhờ con mà nó vui vẻ giúp chở giùm, thì đó là đứa con có hiếu và rất tốt. Vì nó ý thức bổn phận làm con, biết yêu thương tôn kính và đây cũng là dịp tốt để chúng nó báo ân phần nào cho cha mẹ. Còn nếu nó không chở, thì mình nên tự xét, biết đâu vì mình thiếu phước, nên không thể nhờ con được.

Xét như thế, thì mình lại cố gắng tu nhiều hơn. Phật tử nên tìm hiểu: vì sao nó không chở mình? Phật tử có làm gì nó buồn không? Hay là tại vì nó làm việc gì đó mệt nhọc, hoặc thức khuya học hành hay cuối tuần tiệc tùng với bạn bè, nên nó cảm thấy mệt mỏi cần phải ngủ thêm cho đủ sức khỏe. Như thế, thì Phật tử nên thương và cảm thông nhiều hơn, chớ đừng có thái độ trách móc hay la rầy làm mình mất vui mà chúng nó cũng mất vui. Đã mất vui, thì việc đi chùa của Phật tử thật sự không được lợi ích.

Tốt hơn hết, là Phật tử nên khéo léo linh động mà xử sự sao cho việc đi chùa của mình và trong gia đình đều được hòa thuận an vui, như thế, mới xứng đáng là một Phật tử hiểu đạo tu hành và mới cảm hóa được

gia đình. Bằng ngược lại, thì sẽ gây thêm sự phiền não cho mình và cho gia đình mà thôi.

Không nên vì một việc nhỏ nhoi như thế, mà làm cho gia đình mất đi hòa khí. Nhứt là tình mẹ con phải bị sút mẻ. Đôi khi chúng nó còn chê cười mình là chỉ biết đi chùa thôi, chớ thật sự không biết tu hành gì cả. Vì người biết tu là phải luôn sửa đổi tâm tánh, làm thế nào cho phiền não tham, sân, si... càng ngày càng mỏng dần, thì điều đó mới hay và mới thực sự là người biết tu hành.

Tóm lại, nếu phật tử nhờ nó mà nó không chớ, phật tử buồn giận nó, thì lòng phật tử

bất an. Như vậy, thì chính mình càng thêm phiền não, sự tu hành không được tiến bộ. Còn con của phật tử không phải có tội với Phật mà chỉ có lỗi là làm cho phật tử không vui. Như vậy, tốt hơn hết là mẹ con nên hiểu và thông cảm, thương yêu giúp đỡ cho nhau, thì thật là tốt đẹp biết mấy. Và như thế, thì việc tu hành hay đi chùa của phật tử cũng như bốn phận làm con trả hiếu phần nào cho cha mẹ, cả hai đều được lợi ích thiết thực vậy.

Kính chúc Phật tử nên cố gắng an nhẫn tu hành.

(còn tiếp)

Một ngày thọ Bát

(Riêng kính tặng các liên hữu thọ bát ngày thứ bảy)

Thứ bảy thọ bát quang minh
Tụng kinh niệm Phật đậm tình bạn sen.
Đời người gió thổi trước đèn
Vô thường nhanh chóng sang hèn như nhau.
Kính hành bạn trước, tôi sau
Cùng nhau niệm Phật buồn rầu tiêu tan.
Ai ơi! Gieo giống Tây phang
Gắng công tu niệm dọn đàng về Tây.
Cùng nhau tu học sum vầy
Bạn chuông, tôi mỡ có thầy giảng kinh.
Nổi trôi nhiều kiếp điêu linh
Sáu đường lên xuống vọng tình chấp nê.
Quang Minh nắng ấm ta về
Tìm nơi an ổn một bề sửa trau.
Tiền rường bạc bể sang giàu
Thiên tai hoạn họa ôi nào còn đâu!
Đời người thắm thoát qua mau
Điểm sương tóc bạc da màu đổi thay.
Tu hơn tích đức thẳng ngay
Nghiêm trì tịnh giới liên đài phẩm cao.
Bạn sen tình nghĩa ngọt ngào

Hành đường, nấu nướng dạt dào tình thâm.
Oai nghi đi đứng ngời năm
Một câu Phật hiệu niệm thầm trong tâm.
Dạn dày sương gió bao năm
Khổ sâu lệ chảy khóc thầm những đêm.
Quang Minh tu học êm đềm
Một ngày thứ bảy khó tìm đâu ra.
Một câu Phật hiệu Di Đà
Vọng tình tan biến thật là diệu thâm.
Vọng niệm dấy khởi chớ lằm
Sáng soi nhận diện âm thầm chớ quên.
Gắng công niệm Phật cho bền
Tu trì công quả bước lên đài vàng.
Đêm ngày tu học tâm an
Căn lành thêm lớn bạc vàng khó mua.
Dù cho trọng tuổi già nua
Trẻ già quyết chí về chùa dự tu.
Việc đời rồi rắm lu bu
Về chùa thọ bát hết ưu phiền hà.
Chị em không phải ruột rà
Về đây tu học thật là còn hơn.
Một lòng quyết chí keo sơn
Thật hành chữ “Xả” khỏi hờn về sau.
Mấy lời xin nguyện cho nhau
Một ngày thọ bát khổ đau không còn.

Thanh Trì



Đường bay của con Thiên Nga



*As the peacock, azure-necked, never rivals flight of Swans,
Bikkhu Khantipalo Translated from Muni Sutta*

Thầy Minh An và tôi chắc cũng phải có duyên thầy trò trong một tiền kiếp nào đó. Hai mươi mấy năm về trước khi còn ở Sydney, mỗi lần chùa Phước Huệ tổ chức các Đại lễ thì chúng tôi thường gặp thầy trong bộ y vàng của phái Nam tông. Lần nào bóng thầy xuất hiện thì tôi cũng lại nghe tiếng thì thảo bên tai cùng một câu nói quen thuộc là: “Ồ! Ông Tây tu theo đạo Phật của mình.” Bẵng đi một thời gian không thấy thầy xuất hiện ở chùa Wat BuddhaDharma; nơi mà thầy đã có một thời làm vị Sư cả.

Tình cờ vào một ngày đẹp trời năm 2009 vừa qua, tôi thấy bóng dáng cao lêu khêu của thầy lại xuất hiện bên bóng tròn đầy của thầy Phước Tấn ở chùa Quang Minh tại Melbourne. Rồi Tâm Kiên, Rachael và tôi được nghe thầy kể lại một phần quãng đời tu khổ hạnh của thầy tại Thái Lan. Thế là tôi được hầu chuyện cùng thầy khi có dịp đến chùa Quang Minh. Thầy Minh An chính là vị Sư Cả Khantipalo tại chùa Wat BuddhaDharma. Pháp danh Minh An là do thầy Phước Tấn trao cho thầy trong kỳ thọ giới cụ túc lần thứ nhì tại chùa Quang Minh. Thế danh của thầy là Laurence.

Một hôm ngồi nghỉ chân trước tầng xá, thầy đến và trao cho tôi một cuốn tập ghi chép đã ngã màu vàng úa. Thầy cho biết đây là bản kinh Mâu Ni bằng tiếng Anh do thầy dịch từ kinh Pali và đây là bài kệ thứ 221 mà thầy đặc ý nhứt. Trong đó đức Phật đã dạy rằng:

***As Sage secluded meditating in the wood
As the peacock, azure-necked, never rivals
flight of Swans,
So householders are no match for forest sage
who meditates***

Tôi không hiểu đây có phải là bài kệ thứ 15 mà Hòa Thượng Nhất Hạnh dịch và nói trong

kỳ pháp thoại kiết đông tháng 12 năm 2009 hay không ? Nhưng tôi xin trích ra đây để quý vị tường lãm:

*Con chim công cổ xanh khi bay lên không gian
không thể nào sánh được với con thiên nga.
Người thế tục vương bận trong cuộc đời không
thể nào so sánh được với người xuất sĩ đang
ngồi thiền định một mình trên núi.*

Tôi không rõ thầy Minh An có ý gì khi trao cho tôi bản dịch này nhưng một điều mà tôi cảm nhận nơi đây là: Ngày nay, chắc ta không tìm được những vị chân tu trong những cánh rừng sâu nữa, nhưng ngược lại ta có một kho tàng vô giá là quý thầy ở chung quanh chúng ta. Cố gắng học một hạnh của một vị thầy nào đó, thì lớp bụi tam độc trong tâm ta chắc cũng có ngày lần lần sẽ phai nhạt đi.

Tôi thấy thấm thía ý nghĩa phần bản dịch về bài kệ 221 của thầy Minh An trong Kinh Mâu Ni. Tự nhiên tôi nhớ lại mẩu chuyện riêng tư của gia đình tôi là: Ông Bác Sáu của tôi đã không để Ba tôi thừa kế ngôi chùa do ông sáng lập. Rõ ràng là đức Thế Tôn đã trả lời được cái thắc mắc của Ba tôi trong mấy chục năm trời khi người còn sống: “..Con chim công cổ xanh bay là đà dưới mặt đất, không thể nào sánh cho bằng với đường bay của con thiên nga trên bầu trời cao rộng...” Ba tôi còn có thể làm được con công cổ xanh vì người đã từng thọ giới Sa di tại ngôi chùa này trong ba năm trời và suốt cuộc đời Ba, ngày hai buổi sáng chiều công phu, tụng kinh, niệm Phật. Chứ riêng tôi chắc là tôi chỉ làm được con vịt bầu đi lạch bạch dưới mặt đất để nổi đuôi con chim công mà thôi. Làm sao tôi sánh bằng Ba được !

Tôi chắc Ông Bác Sáu và Ba chưa từng đọc qua một bài kệ nào cả trong kinh Mâu Ni, nhưng đôi khi ngồi kể lại chuyện xưa ba cũng thường nhắc lại rằng: “ Ông Bác Sáu nói Chùa là nơi thờ phượng ba ngôi tam bảo. Không có

đủ ba viên ngọc quý đó thì không gọi là chùa được. Đã không làm thì thôi, mà đã làm phải làm cho đúng phép. Làm không khéo thì mang tội nặng lắm.”

Chưa lần nào mà tôi cảm thấy lúng túng trong việc chọn lựa vị thầy mà mình đến để nghe pháp trong ngày như lần Đại Hội Tôn giáo Thế giới năm 2009 này. Cuối cùng thì tôi quyết định chọn đề tài hơn là chọn thầy.

“*Chuyển Pháp luân*”. Một đề tài lý thú mà thầy Phước Tấn cùng với ba giảng viên khác là: bà Camelia Darmawan người Nam Dương, thầy Tiến sĩ Jinwot Lee người Triều Tiên và thầy Yoshiharu Tomatsu nhà sư Nhật Bản. Trong phần này cô Mỹ Lý giữ vai trò giới thiệu và đúc kết chương trình. Đề tài này được trình bày vào ngày 04/12/09 tại phòng giảng số 103. Ở đây, quý giảng viên đã cho thấy những diễn tiến của công việc xiển dương Phật giáo tại nơi mình cư ngụ. Tôi cảm phục bà Camelia với những cố gắng và nỗ lực của bà trong việc chấn hưng Phật giáo tại một xứ sở mà Hồi giáo đã chiếm đại đa số. Từ những việc làm xã hội và từ thiện bà cùng nhóm Phật tử tại đây đã chứng tỏ cho ta thấy được nơi nào có chánh pháp nơi đó niềm tin được phát triển. Phần thầy Jinwot, những công việc của nhóm Phật giáo Triều Tiên cũng không kém phần công gai nhưng đầy thích thú với những thành quả mà thầy cùng các đạo hữu đã đạt được. Riêng phần thầy Phước Tấn, thầy cho thấy được rằng cho dù tông phái nào đi nữa thì mục đích tối hậu vẫn là đưa con người đạt đến chỗ nhứt tâm bất loạn để đi đến bờ giải thoát.

Bằng vào lịch sử của Phật giáo cho thấy tổ Huệ Viễn, tổ Thiền Đạo cũng chính là những vị thiền sư. Cũng như bản thân thầy Phước Tấn, trong những năm đầu thọ giới Sa di chính ra thầy thuộc Tông Thiền Thai bên Thiền Tông; giờ thì thầy lại là trụ trì của một chùa theo Tịnh Độ. Thầy còn cho biết thêm là việc hội nhập nền văn hóa tây phương đã mở ra đường hướng mới trong việc hoằng pháp của thầy tại xứ Úc này. Câu hỏi mà tôi thích nhứt là: Hầu hết các tôn giáo đều thờ trời, vậy thì đạo Phật của chúng ta có thờ trời hay không? Và như thế thì ta giải thích như thế nào về những việc xảy ra trong đời sống hằng ngày của chúng ta? Luật

nhân quả do thầy Yoshiharu Tomatsu giải thích; thuyết Tánh không do bà Camelia Darmawan và thầy Jinwot Lee đưa ra cùng với Lý duyên khởi mà thầy Phước Tấn đề ra làm hài lòng các dự thính viên có mặt trong ngày.

Kim Cang thừa hay Mật Tông có Đức Đạt Lai Lạt Ma và các vị Pháp Vương; Thiền Tông có Hòa Thượng Thanh Từ, Hòa Thượng Nhất Hạnh v...v...; Tịnh độ Tông có Hòa Thượng Trí Tịnh, Hòa Thượng Tịnh Không v...v...; mỗi bậc cao tăng đạo hạnh thâm sâu đã chấn hưng và xiển dương Phật giáo theo những phương cách tuy có khác nhau, nhưng tựu trung là quý ngài cũng đã phô diễn được nét đẹp tuyệt vời trên đường bay của con thiên nga trong bầu trời cao rộng.

Tuy không phải là những bậc cao tăng như các vị trên, nhưng quý thầy ngày hôm nay cũng đã là tấm gương cho chúng tôi soi chung vì quý thầy đã góp phần hi sinh cuộc đời mình trong việc phụng sự cho mọi người vì lý tưởng, vì đạo pháp. Nó cũng tạo được nét đẹp của người tu sĩ trong lối sống đầy vị tha và bác ái.

Tôi xin mượn lời Đức Phật dạy trong bài kệ thứ 14 do chính Hòa Thượng Nhất Hạnh dịch từ Kinh Mâu Ni để làm đoạn kết cho bài viết này.

Người cư sĩ vướng vào vợ con, phải chăm sóc lo lắng, thiếu điều kiện bảo vệ sự sống cho mọi loài, khó sống tiết chế và thiếu dục; người xuất sĩ trái lại, nhờ cắt ái từ thân, sống thanh thoi, có cơ hội giúp đời và bảo vệ sinh mạng cho mọi loài, sống tiết chế và thiếu dục một cách dễ dàng.

Đây là bài kệ thứ 220 do thầy Minh An dịch, tôi cũng xin được trích ra đây:

Householder having wife : the not-mine-maker of strict practices their ways of living not the same.

House-livers unstrained from taking others' lives; but the sage always guards the lives of other being.

Diệu Thông.

Bài này tôi đã từng viết bằng Hán văn nhưng vì tôi rất thích nội dung đây, nên tôi muốn viết lại bằng tiếng Việt. Ngoài mục đích tạo cơ hội cho tôi luyện tập Việt ngữ, tôi rất hy vọng chia sẻ một triết lý sống mà tôi đã học được từ một người phụ nữ nội trợ rất tâm thường.

Thường có câu : “Học để minh lý”. Nhưng có phải là học càng nhiều thì triết lý càng sâu không? Tôi cho rằng chưa chắc! Nhất là về triết lý của đời sống. Và có phải chăng triết lý đời sống là gộp nhặt từ những phong sương tuế nguyệt mà chúng ta đã từng trải qua không? Có thể đúng và cũng có thể không đúng. Vì ta cần phải có một trí huệ minh mẫn để ngộ ra triết lý trong đời, nếu không, ta sẽ bị những cát đá mà ta đã từng vấp ngã đưa đẩy vào một hẻm cùng đường, không tìm ra được ngã sáng.

Nói đến triết lý vòng tròn, tôi lại phải bắt đầu kể chuyện...

Tôi sinh ra từ một gia tộc rất đông đảo. Chú, bác, cô, dì, cậu mợ, bên nội bên ngoại không biết bao nhiêu mà kể! Lại thêm trải qua mấy đời chiến tranh, gia tộc đã phân tán rải rác khắp nơi trên thế giới. Đến ngày nay, có rất nhiều bà cô và chú ruột đã được liên lạc, nhưng tôi chưa hề gặp mặt. Người phụ nữ nội trợ mà tôi đang đề cập chính là thím Tám của tôi. Chú Tám thì tôi đã từng gặp hai ba lần bên Hồng Kông, nhưng thím Tám thì chưa từng gặp, nên nhân dịp đến Queensland, tôi lặn lội đến thăm gia đình chú. Tôi đã từng nghe nói chú thím này không con cái, lại không thích giao thiệp, từ khi về Queensland dưỡng già, hai người như đã ẩn cư, không còn liên lạc với ai cả. Nhưng khi tôi đến gặp, thì mới biết vợ chồng chú là người chậm nhiệt, lạnh nhạt lúc đầu, nhưng một khi quen thuộc rồi, hai người lại hết sức nhiệt tình. Nhất là thím, lúc đầu ít nói, nhưng sau thì thao thao bất tuyệt.



Trong một đêm trò chuyện, thím hỏi: “Tuổi tác con không còn nhỏ, sao không nghĩ đến sanh con để cái? Đừng để đến phút chót rồi hối hận!... Thím nói chưa dứt lời, thì tôi đã òa lên khóc nức nở, nước mắt không sao cầm được... vì đây là một vết thương nội tâm của tôi. Tôi bắt đầu thổ lộ tâm sự và kể lại những lịch trình mà tôi đã trải qua, trong đó bao gồm những phương pháp nhân tạo như IVF (*In vitro fertilization*). Tuy rằng tôi không thường về chùa và cũng không gần Thầy, Cô để học hỏi giáo lý, nhưng tôi thường tự cho là người cứng rắn và hiểu đạo, một người sẵn sàng chấp nhận định nghiệp của mình. Dĩ nhiên, tôi thừa hiểu câu: vợ chồng là oan gia, con cái là nợ nần. Đời sống của tôi sẽ không được thanh thoi như hiện tại nếu tôi đã thành công sinh được một nam hay một nữ... nhưng không hiểu sao, tôi lại cảm thấy rất ngậm ngùi xót xa khi biết mình không thể làm được một người mẹ của đứa con tự mình sinh ra. Đây là một mất mát, một thiếu sót trong đời sống, mà tôi sẽ mang tận đáy lòng, cho đến hơi thở cuối cùng của tôi.

Thím tôi rất nhẫn nại ngồi nghe lời tâm sự của tôi, và tôi cũng biết không có người nào có thể hiểu tôi nhiều hơn trong giờ phút này, vì chính thím cũng là một người bất dục như tôi. Đêm rất dài, tôi không biết đã khóc bao lâu?! Khi tôi được bình tĩnh lại, thì thím tôi nói: “Đời sống của ta như một vòng tròn, nếu vòng tròn đó quá hoàn chỉnh và tròn trịa, thì đầu và đuôi của vòng tròn sẽ dính lại, tức là sinh mạng ta sẽ kết thúc. Nếu vòng không được tròn, thì một vòng khác sẽ bắt đầu, miên miên bất tuyệt.”

Thím bắt đầu nêu ra một tỷ dụ: công chúa Diana của nước Anh. Diana đã sống một đời sống có thể nói là gần như thập toàn thập mỹ. Nói về sắc đẹp, nàng không thua tứ đại mỹ nhân Dương Quý Phi của nhà Đường ngày xưa. Nói đến danh vọng, thì tiếng tăm của nàng đã phủ che cả một hoàng gia Anh quốc, trong đó bao gồm nữ hoàng Elizabeth II. Nhưng Diana không được một đời sống toàn vẹn, vì nàng không được tình yêu, dù là tình yêu của Hoàng tử Charles hay là tình yêu rải rác của những người tình của nàng... Đây chính là một sự thiếu sót trong đời sống công chúa của nàng. Đến khi nàng rời khỏi hoàng gia, thì nàng mới tìm được một người yêu thật sự, người này yêu nàng tha thiết. Trong lúc hai người đang rộn rịp chuẩn bị thành hôn, tai nạn xảy ra... đây là lúc kết thúc của một vòng tròn!

Tôi rất hứng hờ khi nghe được một triết lý cao xa phát xuất từ một người phụ nữ nội trợ tầm thường này. Đúng là “nhân bất khả mạo tướng”: người bị hỏi đầu chưa chắc đã là người nhiều suy tư; người học cao chưa chắc đã là người có trí huệ; người đầy phong độ chưa chắc đã là một khiêm khiêm quân tử... nhưng ngược lại, người hằng ngày mà chúng ta không hề lưu ý, rất có thể là một nhà hiền triết và rất có thể là một bậc thầy chỉ dẫn những bước đường đi cho chúng ta.

Không ngờ một buổi trò chuyện bình thường giữa hai thím cháu trong gia đình, đã làm tôi thay đổi sự nhận định và tư tưởng của tôi. Tôi là một người rất đeo đuổi chủ nghĩa toàn mỹ (a perfectionist). Nhưng hỏi ời, trên đời có mấy khi là hoàn hảo, người đeo đuổi chủ nghĩa này chỉ là đeo đuổi một hình bóng phi thực tế. Nếu chúng ta có thể chấp nhận những gì thiếu sót và không hoàn hảo trong đời và đồng thời có thể tìm ra được cái đẹp của sự dở dang đó, thì chúng ta sẽ sống một đời sống an vui hơn.

03/04/2010

Th



Chánh Năng

Phật Đản

*Ngày Phật Đản một dạ vui mừng,
Cúi đầu đánh lễ lòng đầy hân hoan.
Mai đây thế giới an nhàn
Mọi loài sanh chúng hoan ca thanh bình
Hào quang Đức Phật quang minh,
Sáng soi đuốc tuệ dẫn đường chúng sanh.*

Hoa Tâm

*Hoa tâm rạng rỡ trong lòng
Xẻ sang tươi thắm người người quanh ta;
Hương thơm tỏa khắp Ta bà
Hòa trong vũ trụ sáng ngời trăng sao./.
“Trong mỗi người chúng ta ai ai cũng có
đóa hoa tâm ở tận cõi lòng”*

Quê Hương Gấm Vóc

*Việt Nam gấm vóc đẹp xinh,
Hình cong chữ S dọc theo Thái Bình;
Đâu đâu cũng rực rỡ ánh bình minh.
Giống dòng Âu Lạc:
Thành công đây đó khắp cùng năm châu.
Một mai đất nước hợp tình
Góp phần tài đức Việt Nam sáng ngời./.
“Với ước vọng đất nước Việt Nam mãi
mãi phồn vinh và thanh bình”.*



ĐẠI HỘI LẦN THỨ 2 BAN CHẤP HÀNH HỘI ĐỒNG TĂNG GIÀ PHẬT GIÁO THẾ GIỚI NHIỆM KỲ 8 tại HỒNG KÔNG ngày 13, 14, 15 /03/ 10

I) Vài nét về Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới

Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới là một tổ chức Phật Giáo phi chính phủ được thành lập từ năm 1966 tại Colombo, thủ đô Tích Lan (Srilanka) do quyết định của quý Đại biểu Phật Giáo chính thức đến từ Nam Việt Nam, Mã Lai Á, Hồng Kông, Nepal, Cam Pu Chia, Nam Hàn, Tích Lan, Pakistan, Ấn Độ, Singapor, Thái lan, Anh quốc, Lào & đoàn đại biểu đặc biệt của Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14.

Mục đích & Tôn chỉ của HĐTGP GTG:

- * Phát triển & đổi mới những tổ chức Tăng Già trên bình diện Thế Giới
 - * Giúp đỡ chư Tăng trong công cuộc truyền bá Phật Pháp trên khắp thế giới
 - * Đề cao sự hài hòa & những mối quan hệ giữa những truyền thống Phật Giáo khác nhau.
 - * Mở rộng việc giảng dạy về lòng Từ Bi của Đức Phật nhằm phát triển nền hòa bình Thế giới.
- Tên gọi chính thức của tổ chức là “World Buddhist Sangha Council”, viết tắt WBSC.

Biểu tượng hay lá cờ của tổ chức WBSC: nền là hình quả địa cầu, ở giữa là lá cờ Phật Giáo và ngay trung tâm là hình bánh xe Pháp luân.
Theo Hiến Chương của WBSC, bất cứ cá nhân chư Tăng, Ni hoặc tổ chức Phật Giáo, Chùa, Tự Viện đang được điều hành bởi chư Tăng đều có thể trở thành thành viên của WBSC nếu chấp thuận các điều lệ được nêu trong Hiến Chương .

Thông thường từ 4 đến 5 năm (hoặc ngắn hơn tùy tình hình cần thiết), sẽ có một Đại Hội Khoáng Đại nhằm thảo luận về những chuyên đề Phật Giáo Thế Giới và bầu chọn một Ban Chấp Hành mới.

Giữa 2 kỳ Đại Hội Khoáng Đại sẽ có những Đại hội của Ban Chấp Hành nhằm góp ý hay đưa ra những quyết định kịp thời cho hoạt động của tổ chức. Những kỳ Đại Hội này thông thường được tổ chức từ 1 đến 2 năm một lần.

Cả ĐHKĐ và ĐH BCH đều được linh động tổ chức ở các quốc gia có thành viên.

Từ ngày thành lập đến nay, WBSC đã có tất cả 8 lần ĐHKĐ & 20 lần ĐH BCH vào các thời gian & nơi chốn như sau:

Đại Hội	Thời gian	Địa điểm
ĐH Khoáng Đại lần 1	Tháng 5 / 1966	Colombo, Sri Lanka (Tích Lan)
ĐH Khoáng Đại lần 2	Tháng 6 / 1969	Saigon, Vietnam
ĐH Khoáng Đại lần 3	1-7 / 12 / 1981	Taipei, Taiwan (Đài Loan)
ĐH BCH lần 1	17-18 / 3 / 1982	Taipei, Taiwan (Đài Loan)
ĐH BCH lần 2	9-10 / 4 / 1983	Hong Kong
ĐH Bất thường	28 / 10 / 1983	Taipei, TaiWan (Đài Loan)
ĐH BCH lần 3	29-30 / 3 / 1984	Penang, Malaysia (Mã Lai Á)
ĐH BCH lần 4	8-9 / 1 / 1985	Taipei, Taiwan (Đài Loan)
ĐH bất thường	10 / 9 / 1985	Taipei, Taiwan (Đài Loan)
ĐH BCH lần 2	14-15 / 11 / 1987	New York, USA
ĐH BCH lần 3	7-9 / 11 / 1988	Bali, Indonesia (Nam Dương)
ĐH Khoáng Đại lần 5	28 / 10- 2 / 11/1989	Taipei/Kaohsiung, Taiwan
ĐH BCH lần 1	13-17 / 4 / 1991	Hanover, Germany (Đức quốc)
ĐH BCH lần 2	22-24 / 11 / 1993	Taipei/Kaohsiung, Taiwan
ĐH BCH lần 3	8-13 / 5 / 1995	Hong Kong
ĐH Khoáng Đại lần 6	8-12 / 11 / 1995	Penang, Malaysia (Mã lai Á)
ĐH BCH lần 1	23-25 / 4 / 1997	Manila, Philippines (Phi Luật Tân)

ĐH BCH lần 2	17-23 / 4 / 1999	Colombo, Sri Lanka (Tích lan)
ĐH Khoáng Đại lần 7	10-16 / 11 / 2000	Taipei /Kaohsiung/ Taiwan
ĐH BCH lần 1	9-12 / 11 / 2001	Sydney, Australia (Úc Đại Lợi)
ĐH BCH lần 2	23-24 / 11 / 2002	Singapore (Tân Gia Ba)
ĐH Khoáng Đại bất thường	24-27 /11 / 2002	Singapore (Tân Gia Ba)
ĐH BCH lần 3	17-22 / 12 / 2003	Indonesia (Nam Dương)
ĐH Khoáng Đại lần 8	6-11, / 12 / 2005	Kuala Lumpur, Malaysia (Mã Lai Á)
ĐH BCH lần 1	5-9 / 1 / 2008	Kaohsiung, Taiwan (Đài Loan)
ĐH BCH lần 2	11-16 / 3 /2010	Hong Kong

Theo trên, miền Nam Việt Nam cũng đã có 1 lần vinh hạnh tổ chức ĐH Khoáng Đại lần 2 vào tháng 6/ 1969 & Hoà Thượng Thích Tâm Châu cũng chính là chủ tịch đầu tiên của Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới lúc bấy giờ. Chùa Phước Huệ, Sydney, Úc Đại Lợi cũng đã rất vinh hạnh khi đứng ra tổ chức ĐH BCH lần thứ 1 của nhiệm kỳ 7 vào tháng 11/ 2001.

II) Đại Hội Ban Chấp Hành HĐTGP GTG lần thứ 2, nhiệm Kỳ 7 tại Hồng Kông

Nhận lời mời của Ban tổ chức và được sự ủy nhiệm của Hòa Thượng Trưởng lão Thích Phước Huệ, Trưởng lão trong Hội đồng Trưởng lão đã được Đại hội khoáng đại lần thứ 6 bầu vào ngày 11/11/1995 tại Penan Malaysia vừa qua, Thượng Tọa Thích Phước Tấn đã hướng dẫn phái đoàn Tăng, Ni và Phật tử thuộc chùa Phước Huệ/ Sydney & chùa Quang Minh/ Melbourne đến Hồng Kông tham dự ĐH BCH HĐTGP GTG trong các ngày 13, 14 & 15/ 03/ 2010.

Phái đoàn đã được BTC tiếp đón ân cần, niềm nở tại phi trường quốc tế Hồng Kông trước khi đưa về khách sạn.

ĐH đã được khai mạc trọng thể vào 9g sáng ngày 13/3/2010 với sự tham dự của Chư Tôn Đức Tăng Ni đến từ nhiều quốc gia trên thế giới: Ấn Độ, Tích Lan, Úc, Anh , Hoa Kỳ, Canada, Miến Điện, Thái Lan, Hồng Kông, Singapore, Đài Loan, Nam Hàn, Singapore....

Chư Tăng trong BCH HĐTGP GTG cùng quý Tăng, Ni trong vai trò quan sát viên đã có 3 buổi họp chính xoay quanh các vấn đề sau:

1) Báo cáo của Tổng thư ký và các ủy viên BCH về những công tác Phật sự trong năm 08-09.

2) Hội ý về nơi chốn & thời gian tổ chức ĐH Khoáng Đại lần thứ 9.

3) Thảo luận về ngày Đại Lễ Phật Giáo Quốc Tế /Vesak Day (Bao gồm 3 lễ chính: Phật Đản Sinh, Phật Thành Đạo & Phật nhập Niết Bàn) năm 2011 cũng là thời điểm Đức Phật Thích Ca thành Đạo lần thứ 2600 - thời điểm rất quan trọng đối với toàn thể tín đồ Phật Giáo- Do đó ĐH cần có những kiến nghị & hoạt động tích cực nhằm cho toàn thế giới được có 1 ngày nghỉ lễ chính thức trong ngày Đức Phật Đản Sanh chứ không chỉ đơn thuần là tổ chức lễ kỷ niệm.

Trong thời gian tiến hành ĐH, quý Tăng, Ni & Phật tử các nơi đã được BTC hướng dẫn tham quan một số danh lam thắng cảnh, các chùa & tham quan thành phố Macau.

Toàn thể Chư Tăng, Ni cùng các quan sát viên cũng rất hân hạnh được tham dự những buổi tiệc chay vô cùng trang trọng do Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Hồng Kông và các chùa khoản đãi.

ĐH đã bế mạc vào trưa ngày 15/3/2010 tại phòng khánh tiết khách sạn Skycity Marriott, nơi đã diễn ra 3 ngày ĐH vừa qua.

Đặc biệt trong bữa cơm tối trước khi chia tay, quý Tăng Ni cùng tất cả các thành viên tham dự đã có những thời khắc thật đầm ấm với phần góp vui văn nghệ của các phái đoàn đại biểu; sau cùng vẫn là bài hát chung , rất quen thuộc: “OM MANI PADMI HUM” được cất lên từ 1 vị Tăng đến từ Đài Loan.

Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Thế Giới đã hoàn mãn trong niềm hoan hỉ chung của chư Tăng, Ni cùng các thành viên tham dự.

Ban Tin Tức.



Hồng Kông, Macao, Đài Loan

Những gì còn lại sau chuyến tham quan

Được sự cho phép của Hòa Thượng Trưởng Lão Thích Phước Huệ và sau nhiều ngày chuẩn bị chu đáo, vất vả của ban tổ chức, phái đoàn chư Tăng, Ni, Phật tử của 2 chùa Phước Huệ & Quang Minh đã lên đường đến Hồng Kông tham dự Đại Hội lần 2 Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 8 của Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới (WBSC: World Buddhist Sangha Council) từ ngày 11/3 – 16/3/2010

Trưởng Đoàn: Thượng Tọa Thích Phước Tấn
Trưởng Ban Tổ chức: Đại Đức Thích Phước Viên

Phó Ban Tổ chức: Đạo hữu Tâm Lộc.

Cùng quý Sư cô & Phật tử.

(Đặc biệt có sự tham dự của Sư cô Thích Phước Hỷ, đang tu học ở Đài Loan, mà trong suốt hành trình, chúng tôi đã quây rầy Sư cô liên tục trong vai trò thông dịch).

Toàn thể thành viên của Đoàn là 26 vị.

Nhân chuyến đi này, phái đoàn đã kết hợp tham quan Đài Loan mà chủ yếu là viếng thăm các ngôi chùa danh tiếng trên đảo quốc này. Chính vì vậy mà ban tổ chức và nhất là đạo hữu Tâm Lộc đã tốn rất nhiều thời gian, công sức cho việc tìm hiểu một cách tường tận, chu đáo để tổ chức chuyến đi thật hoàn hảo.

Vì vậy, sau những ngày Đại Hội tại Hồng Kông, Đoàn chúng tôi đã tiếp tục lên đường tham quan Đài Loan thêm một tuần nữa!

Điều may mắn cho chúng tôi là Ban Tổ chức Đại Hội tại Hồng Kông đã rất ưu ái về nơi ăn chốn ở cũng như đưa chúng tôi đi thăm những

địa danh Phật Giáo nổi tiếng trên phần đất Hồng Kông và lại có nguyên một ngày - trước khi Đại hội khai mạc – viếng thăm Macao, thành phố nổi tiếng của Châu Á, chỉ cách Hồng Kông một vùng biển hẹp.

Do vậy mà cùng trong chuyến đi này, chúng tôi đã được tham quan Hồng Kông, Macao và Đài Loan.

Có biết bao những bài học bổ ích, những tấm gương đẹp, những chuyện vui... trong gần hai tuần của chuyến đi mà tôi tin rằng khó mà các thành viên trong Đoàn có thể quên được. Trong khuôn khổ bài viết này, do thời gian cá nhân hạn hẹp, tôi chỉ muốn ghi lại vài địa danh khá ấn tượng mà chúng tôi đã đi qua cũng như những tình cảm rất đáng trân quý mà bản thân tôi đã được học từ quý Thầy, quý Sư Cô và quý Phật tử trong chuyến tham quan vừa qua.

1) Ngày đầu khó quên (11/3/2010)

Tôi đến phi trường Sydney chỉ mới 6g sáng, những tưởng mình là người đến sớm nhất vì chuyến bay đi Hồng Kông của chúng tôi sẽ cất cánh lúc 8g35; nhưng tôi đã lầm vì quý thành viên của Đoàn đã làm xong thủ tục lên máy bay, tôi là người sau cùng!

Mặc dầu suốt đêm qua không mấy ai ngủ được ngon giấc vì phải lục đục sắp xếp hành lý, rồi thao thức vì những ngày “ngao du sơn thủy” sắp tới, nhưng trông sắc diện ai nấy đều tươi tắn, vui vẻ cho dù một chút lạnh của ngày đầu

Thu đang len lỏi vào thành phố mấy hôm nay. Vừa ra khỏi phi trường Hồng Kông, chúng tôi đã được đón chào niềm nở, ân cần bởi quý Thầy trong Ban Tổ chức và quý thiện nguyện viên nhiệt tình trong sắc áo vàng nổi bật giữa đám đông huyền ảo ngoài phi trường. Với nụ cười rạng rỡ trên môi, các anh chị thiện nguyện viên đã tranh lấy hành lý trên tay chúng tôi để đưa ra xe trong lúc vị Tăng trong Ban Tổ chức nhanh chóng mời Đoàn chụp chung một tấm hình lưu niệm đầu tiên sau tấm băng rôn màu đỏ có hàng chữ vàng : “Chào mừng những vị khách quý của Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới”. Lòng tôi tràn ngập niềm vui và hình như gần 10 tiếng đồng hồ ngồi trên máy bay đã không là gì khi trên khuôn mặt của quý Thầy, quý Sư cô và tất cả anh chị em trong Đoàn như đều sáng hẳn lên với những nụ cười rất tươi! Hồng Kông đang chờ đợi chúng tôi ngoài kia!

Sau khi làm thủ tục nhận phòng tại khách sạn, Ban Tổ chức đã chu đáo chuẩn bị cho mỗi khách mời một hộp thức ăn và một chai nước cho dù chỉ còn chưa đầy 2 giờ nữa là chúng tôi được mời dùng cơm tối ngay tại khách sạn.

Khách sạn 5 sao, phòng ốc sang trọng; tôi thả mình khoan khoái trên chiếc ghế bành cạnh cửa sổ, nhìn xuống một vịnh nhỏ với hơn trăm chiếc du thuyền đang soi bóng trong làn nước xanh trong vắt. Tầm mắt của tôi đã bị chặn lại bởi những dãy núi xanh thẳm, viền quanh mép nước như càng làm tăng thêm những nét đẹp hình học của các cao ốc màu hồng, đứng kề nhau như những chiếc hộp khổng lồ cùng hướng lên trời cao. Tôi nhủ thầm: “Chào Hồng Kông, lần đầu tiên ta đến thăm mi!”

II) Macao một ngày ghé qua (12/3/2010)

Rời khách sạn từ 6g30 sáng, chúng tôi được xe bus của Ban Tổ chức đưa đến bến phà trung tâm Hồng Kông để đi Macao bằng tàu cao tốc.

Vốn là một thuộc địa cũ của Bồ Đào Nha từ năm 1862, Macao đã trở thành khu hành chính đặc biệt của Trung Quốc vào 20/12/1999. Diện tích chỉ chừng 21km² bao gồm bán đảo Áo Môn nối với Trung quốc và hai đảo nhỏ Taipa và Coloan nằm trên duyên hải phía

Đông-Nam của Trung quốc.

Dân số Macao không vượt quá nửa triệu người.

Nền kinh tế của đặc khu hành chính này chủ yếu dựa vào hoạt động dịch vụ mà chủ yếu là kinh doanh sòng bạc, du lịch và tài chính. Do đó các ngành hàng không, mua sắm cũng phát triển theo.

Du khách đến thăm Macao đều phải làm thủ tục xuất nhập khẩu kể cả dân đến từ Trung quốc. Các cửa khẩu vào Macao lúc nào cũng đông nghịt người ra, vào.

Những điểm tham quan nổi tiếng, ngoài các khu sòng bạc và mua sắm ra, thì “Pháo đài cổ Bồ Đào Nha”, “Di tích nhà thờ Thánh Paul”, “Tượng Mẹ Nam Hải” và “Cầu Taipa” là những nơi mà hầu hết các du khách đến Macao đều ghé thăm.

Ban Tổ chức đã đưa chúng tôi tham quan di tích “Nhà thờ Thánh Paul”, “Pháo đài Mount Fort”, “Quảng trường Maritime” cùng khu mua sắm với sòng bài lớn nhất Macao.

Pháo đài Mount Fort

Trên đỉnh đồi cao nhất của thành phố Macao, pháo đài có tên gọi nguyên thủy là “Mount Fort”, một bộ phận kiến trúc liên hoàn bao gồm nhà thờ Thánh Paul, trường trung cấp và pháo đài.

Được xây dựng từ năm 1616 nhằm ngăn chặn sự tấn công của cướp biển vào khu vực của giáo hội Thiên Chúa Giáo và rồi sau này trở thành pháo đài quân sự duy nhất của quân đội Bồ Đào Nha tại Macao.

Pháo đài có hình vuông với bốn lô cốt chính ở bốn góc. Ngoài ra còn có những khẩu đại bác được đặt dọc theo bốn mặt của pháo đài nhằm củng cố thêm sức mạnh của khu vực nhà thờ lúc bấy giờ. Cho dù những khẩu đại bác không còn hoạt động nữa nhưng chúng vẫn được lưu giữ đến ngày nay và được xem như một di tích lịch sử của Macao.

Những trại lính, kho hàng, bể chứa...là những kiến trúc chính của pháo đài. Nơi đây cũng có một ngôi tháp nhỏ thờ Chúa Jesus.

Năm 1838, lửa đã thiêu rụi tất cả những công trình kiến trúc vốn có của pháo đài kể cả ngôi trường trung cấp và nhà thờ Thánh Paul. Ngày

nay, chúng ta chỉ còn nhìn thấy mặt trước ngôi giáo đường trong toàn bộ khu vực di tích Thánh Paul.

Vào năm 1965, một doanh trại một tầng theo kiểu miền Nam Âu Châu đã được chuyển đổi thành Nhà Khí Tượng tại Macao. Phía bên phải của tòa nhà có treo cái chuông cổ do một chuyên gia làm từ súng đại bác nấu chảy.

Ngày nay, pháo đài Mount Fort được sử dụng như một địa điểm tham quan chính của thành phố mà bên dưới là Viện Bảo tàng lịch sử Macao.

Phong cảnh chung quanh pháo đài thật sự quyến rũ. Đứng trên nóc pháo đài, du khách có thể nhìn thấy toàn cảnh Macao rất tuyệt vời. Chính điều này đã làm cho Pháo Đài cổ “Mount Fort” có một sức hấp dẫn đương nhiên đối với cả du khách lẫn dân địa phương.

Nhà thờ Thánh Paul

Đứng trên triền đồi cạnh pháo đài Mount Fort, ngày nay, nhà thờ Thánh Paul chỉ còn lưu lại mặt tiền và những bậc cấp bằng đá phía trước. Được xây dựng đầu tiên vào năm 1580, bị cháy năm 1595 và 1601.

Tuy nhiên sau mỗi lần cháy, đều được xây dựng lại 1602, hoàn tất 1637; trở thành nhà thờ Thiên Chúa Giáo lớn nhất miền Đông Châu Á lúc bấy giờ. Bất hạnh thay, cơn bão năm 1835 đã tàn phá ngôi thánh đường này lần thứ 3 trong thời điểm hoàng kim nhất của chính nó.

Trong thời điểm lịch sử đó, nhà thờ đã được xây dựng bởi những tảng đá trắng, có mái vòm vĩ đại với 3 đại sảnh nguy nga tráng lệ.

Mặt tiền nhà thờ được xây bằng đá hoa cương in đậm nét nghệ thuật Ba Rốc trong đường nét kiến trúc nhưng vẫn mang nét đặc trưng của phương Đông, mặt tiền còn lưu lại cho thấy có năm tầng từ dưới lên: Tầng dưới cùng có năm trụ sắt và ba cửa vào với những hình chạm khắc ngay trên đá. Tầng thứ hai có ba cửa sổ với mười cột trụ được chạm khắc theo phong cách Hi Lạp. Giữa các trụ là tượng những vị Thánh trong lịch sử Thiên Chúa Giáo. Tầng này thể hiện xã hội của Chúa Jesus và những hoạt động truyền giáo.

Ngoài ra, phần còn lại của hầu hết bức tường là những chạm khắc về hình ảnh các thiên



thần, ma quỷ, thập tự giá, những chiếc tàu buồm của Bồ Đào Nha...

Chóp hình tam giác trên cùng là tổng hợp của những tầng dưới, phản ánh ba ngôi Cha, Con, Thánh Thần. Trên chóp của bức tường còn sót lại của nhà thờ Thánh Paul là cây thập tự giá.

Di tích này được phục chế trong suốt thời gian từ 1990-1995.

Giá trị đáng lưu ý là những tảng đá ngoài bìa của tầng 3 & 4 là loại đá đặc biệt của Trung quốc. Cũng có những họa tiết, khắc chạm của hoa cúc và hoa anh đào giống như của người Trung quốc trong những tặng phẩm. Mặt tiền còn lại của nhà thờ Thánh Paul chính là một sự thừa nhận kết hợp hài hòa giữa hai nền văn hóa Đông - Tây.

Có thể nói một ngày ở Macao là một ngày của thế giới chen chúc, bụi bặm, ô nhiễm, ồn ào của vô vàn du khách và dân địa phương trên đường phố, bến tàu, cửa khẩu, khu mua bán... Những khu nhà cao tầng, rất nhỏ, rất cũ; những đường phố rất hẹp mà xe chỉ có thể chạy một chiều rất phổ biến tại đây! Các dãy phố với những cửa hàng nhỏ, mang đậm nét Á Đông nằm cạnh những gian hàng thời trang đồ sộ mang phong cách Tây phương gần như là một biểu tượng đặc trưng của Macao.

Đoàn chúng tôi cũng bị cuốn vào vòng xoáy chung - rất gấp rút - mà các nhân viên du lịch cũng như các thiện nguyện viên phải chấp nhận.

Có lẽ các thành viên trong Đoàn đều có suy nghĩ chung là chúng ta đã may mắn được sống ở nước Úc tuyệt vời với không gian bao la và

môi trường trong lành hơn gấp trăm lần thành phố này.

III) Hồng Kông, những ngôi chùa và những tấm y vàng hiền hòa

Cũng là một đặc khu hành chính tự trị thuộc Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Hồng Kông vốn là thuộc địa cũ của Vương Quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland từ năm 1842. Chủ quyền thành phố này đã được chuyển giao lại cho Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa vào năm 1997.

Là một quần đảo với hơn 260 đảo, nằm về phía Đông của đồng bằng châu thổ sông Châu Giang, giáp với tỉnh Quảng Đông và thuộc vùng bờ biển Đông-Nam Trung Quốc. Thành phố chủ yếu phát triển trên các đảo Hồng Kông, Lan Đầu, bán đảo Cửu Long và Tân Giới.

Với diện tích 1.103km² và dân số khoảng hơn 7 triệu người, Hồng Kông được xem là cửa ngõ và là thành phố giàu có nhất Trung Quốc, là trung tâm mua bán sầm uất nhất thế giới hiện nay. Nền kinh tế phát triển chủ yếu dựa trên các ngành dịch vụ như hàng không, xuất nhập khẩu, du lịch, thương nghiệp... và cũng rất nổi tiếng với ngành điện ảnh với những thành công vang dội của các tài tử cũng như các phim ăn khách.

Cũng như Macao, Hồng Kông phát triển song song hai nền văn hóa Á-Âu. Các trung tâm mua bán, các tiệm ăn với những bảng hiệu bằng chữ Anh và chữ Hoa xen nhau trên khắp nẻo phố phường.

Phần lớn du khách đến Hồng Kông đều thích đi mua sắm, thưởng thức các món ăn Âu - Á, đặc biệt là quên cả giờ giấc với những khu chợ đêm!



TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ *Kính mừng Phật Đản 2634*

Chúng tôi đã lưu lại Hồng Kông trọn vẹn năm ngày (không kể ngày đi thăm Macao) trong sự ưu ái của Ban Tổ chức Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới mà thông qua hệ thống tổ chức thiện nguyện viên hoạt động tận tụy, hết lòng.

Lễ khai mạc Đại Hội, Lễ An Vị Phật tại chùa Diệu Pháp, buổi tiệc chay do Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Hồng Kông khoản đãi là những thời điểm khó quên trong ký ức chúng tôi với hơn 200 vị Tăng-Ni trang trọng trong những chiếc y vàng truyền thống.

Ngoài ra, chúng tôi cũng rất may mắn được viếng thăm Tượng Phật Thích Ca bằng đồng lớn nhất Hồng Kông và ngôi chùa Chi Lin vô cùng xinh đẹp.

Lễ khai mạc Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới (13/3/2010)

Hòa cùng tất cả các Đoàn Tăng-Ni và Phật tử đến từ khắp nơi trên thế giới, Đoàn chúng tôi đã có mặt tại khách sạn Sky Marriot trước 9g sáng ngày 13/3/2010 để dự lễ khai mạc Đại Hội Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới lần thứ 2, nhiệm kỳ 8.

Y áo chỉnh tề, theo sau quý Tăng-Ni của Đoàn, chúng tôi đã được Ban Tổ chức đón chào một cách long trọng giữa 2 hàng thiện nguyện viên đứng từ ngoài đường cho đến tận phòng họp. Trên lễ đài, ngay chính giữa là một bàn thờ không lớn lắm được bài trí cân đối với những đĩa trái cây, những bình hoa tươi rực rỡ, hương đèn...và chính giữa là bức tượng Đức Phật A Di Đà đang hiền từ nhìn xuống.

Trên tấm phông màu vàng phía sau bàn thờ là biểu tượng của Tổ chức Tăng Già Phật Giáo Thế Giới với bánh xe chuyển pháp luân trên nền lá cờ Phật giáo và quả địa cầu. Bên trái là những hàng chữ Tàu & bên phải được ghi bằng chữ Anh mang nội dung:

Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới Lễ Khai Mạc Đại Hội Ban Chấp Hành lần thứ 2 nhiệm kỳ 8

Do Hội Đồng Tôn Giáo Phật Giáo Hồng Kông phụ trách.

Trước lễ đài, hơn 200 Tăng-Ni trong y áo truyền thống của các Tông phái đã được Ban Tổ chức (BTC) sắp xếp chỗ ngồi ở những dãy ghế trên, phía sau là các Phật tử của các Đoàn. Đặc biệt có sự tham dự của quý Thầy Việt Nam đến từ Canada, Anh, Hoa Kỳ & Đức.

Dọc theo 2 bức tường chính là những lá cờ Phật Giáo bằng giấy được dùng như một sự trang trí khiến cho phòng Hội càng tăng phần rực rỡ hơn lên.

Đúng 9 giờ, chư Tăng trong Ban Chấp Hành tiến vào khán đài giữa 2 hàng cờ ngũ sắc do các em học sinh trung học đảm trách. Toàn thể chư Tăng – Ni và Phật tử đều đứng dậy chào đón rất cung kính.

Một chương trình văn nghệ đặc sắc do các em học sinh trung học địa phương đã mở đầu phần Lễ Khai Mạc.

Sau đó là các báo cáo của Ban Tổ Chức về quá trình chuẩn bị Đại hội, diễn văn của Đại Lão Hòa Thượng Liễu Trung, Chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới. Buổi lễ đã kết thúc lúc 11g và Thầy - trò chúng tôi đã cùng ghi lại thời khắc này bằng 1 tấm hình lưu niệm ngay trước khán đài.

Riêng tôi, trong suốt thời gian buổi lễ diễn ra, nhìn những tâm y vàng của chư Tăng-Ni, những khuôn mặt phúc đức của quý Ngài với những nét chủng tộc khác nhau ...lòng tôi như sống lại những ngày làm việc miệt mài tại chùa Phước Huệ/ Sydney trong kỳ Đại hội được tổ chức vào năm 2001. Vẫn những dáng dấp quen thuộc, vẫn những nụ cười hiền hòa



cùng những nếp y mềm mại...trông quý Ngài vẫn như 9 năm về trước. Tôi cảm thấy mình thật may mắn được tham gia đóng góp chút công sức, được gặp gỡ, được sống cùng môi trường với những con người lấy Pháp Phật làm kim chỉ Nam cho cuộc sống.

Tiệc chay do Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Hồng Kông khoản đãi (12/3/2010)

Sau một ngày “quay cuồng” trong nhịp thở của Macao, chúng tôi trở lại Hồng Kông trong cảm giác mệt nhoài với y phục của “Tây ba lô”! (Ngoại trừ quý Thầy & quý Sư Cô trong Đoàn thì lúc nào cũng điem tinh trong y áo trang trọng). Các thiện nguyện viên đã đưa chúng tôi đến thẳng “Trung Tâm Hội Nghị & Triển Lãm Hồng Kông” để dự bữa cơm tối đặc biệt do Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Hồng Kông khoản đãi.

Bước lên thêm đại sảnh, tôi như choáng ngợp với khung cảnh sang trọng, với ánh đèn muôn màu rực rỡ, với cung cách lịch sự và trang phục đặc biệt của các nhân viên phục vụ nơi đây!

Chúng tôi bước vào phòng tiệc đúng lúc lời Kinh tiếng Hoa vang lên trong rừng áo vàng rực sáng bắt đầu cho một cuộc hội ngộ của chư Tăng- Ni và Phật tử của Tổ chức Tăng Già Phật Giáo Thế Giới.

Bữa tiệc chay được đặt tên là: “Dạ yến dành cho Chư Sơn Trưởng Lão Cao Tăng Đại Đức” cho nên hàng Phật tử chúng tôi chỉ là “hạng ăn theo” mà thôi!

Ngay trước sân khấu là 1 bàn tiệc hình bầu dục rất lớn với hơn 20 chỗ ngồi dành cho các bậc Đại Trưởng Lão trong Hội Đồng Tăng Già

Phật Giáo Thế Giới. Khoản lớn giữa bàn là 1 thảm hoa thu nhỏ với muôn màu muôn sắc! Màu y vàng xen kẻ vài tấm áo nâu, lam, hầu như tràn ngập cả phòng “Dạ yến”, số Phật tử chỉ chiếm chừng 10%.

Chúng tôi đã được thưởng thức 1 thực đơn gồm 10 món khác nhau với sự chuẩn bị hết sức công phu & tỉ mỉ. Tất cả đều được trưng bày thật đẹp mắt mà lần đầu tiên tôi được tham dự. Cũng xin được viết lại để hầu chuyện cho vui cùng quý bạn đọc về nội dung thực đơn hôm ấy:

*Từ hoằng thệ nguyện
Phước huệ song tu
Liên khai cửu phẩm
Pháp thủy trường lưu
Kim chi ngọc diệp
Pháp hỉ sung mãn
Chúng duyên tương tụ
Chánh pháp cửu trụ
Viên mãn bồ đề
Lục độ la mật.*

Một chương trình văn nghệ rất đặc sắc cũng đã được biểu diễn song song với thời gian dạ tiệc diễn ra.

Trở về khách sạn đã quá khuya sau 1 ngày dài với chương trình đầy ắp những điều mới lạ. Chúng tôi đã có một giấc ngủ rất say thay cho kế hoạch « Phở đêm Hồng Kông » mà các thành viên « ăn theo » của Đoàn đã nhen nhúm mấy hôm nay.

Lễ An Vị Phật tại chùa Diệu Pháp (14/3/2010)



Ngôi chùa vừa mới được khánh thành ngày hôm trước, thì ngay hôm sau toàn thể chư Tăng-Ni & Phật tử tham dự ĐHBCH HĐTGPGTG đều được mời tham dự lễ An Vị Phật. Khi chúng tôi đến chùa vào lúc 9g sáng thì hàng trăm khách thập phương đã tụ về đây, xếp hàng rồng rắn trước sân thượng của chánh điện để được vào lễ lạy.

Chúng tôi được ưu tiên vào trước để trực tiếp tham dự Lễ An Vị do chính Chư Tăng của HĐTGPGTG cùng các Đại lão Hòa Thượng từ khắp nơi trên thế giới về đây hành lễ.

Ở vị trí chính giữa và cao nhất trên bệ thờ trong chánh điện là Tôn Tượng Đức Thích Ca Mâu Ni được thếp vàng ở trong tư thế ngồi; hai bên là hai đại đệ tử của Ngài cùng đứng chấp tay trước ngực.

Bên góc phải là tượng Đức Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát & góc trái là tượng Đức Phổ Hiền Bồ Tát. Dưới chân các Tôn tượng đều được trang trí bằng những giỏ hoa phong lan đang nở rộ với các sắc trắng, hồng, tím, vàng... cùng những đĩa trái cây tươi muôn màu muôn vẻ.

Trong y áo đại lễ, chư Tôn Đức Tăng Ni hình như vị nào cũng sáng hần lên; đặc biệt là quý Sư Cô của chùa Phước Huệ- đang ngồi ở hàng đầu tiên bên phía dành cho quý Ni – trông vị nào cũng đầy cả niềm hỉ lạc!

Buổi lễ thật sự bắt đầu khi quý Đại Lão Hòa Thượng, chư Tăng đại diện cho các nước... cùng tiến vào khu vực lễ đài chính diện của Tôn Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni.

Tiếp theo là các em học sinh Phật tử đứng dọc theo 2 bên, cạnh quý Thầy; mỗi em đều bưng 1



khay nhỏ trên có sẵn bút lông, khăn nhỏ & những chiếc gương soi hình tròn.

Trong quá trình hành lễ, mỗi vị Tăng đều dùng 1 chiếc khăn, 1 chiếc gương và 1 cây bút lông và cùng hướng nhìn

lên Tôn Tượng Thích ca Mâu Ni, cùng đưa khăn lên lau, cùng viết và cùng dùng gương soi vào khoảng không gian phía trước theo hướng nhìn của mình. Trong lúc thực hành những động tác này một cách vô cùng tôn kính, các Thầy luân phiên nhau tụng những bài Kinh bằng tiếng Hoa, tiếng Pali, tiếng Tây Tạng, tiếng Việt & tiếng Hàn.

Về sau, khi xong lễ, quý Phật tử bốn phương đều rất hoan hỉ khi được nhận những vật phẩm bút, gương, khăn từ tay quý Thầy với niềm hi vọng mang về cho mình những may mắn, phúc lộc từ buổi lễ An Vị Phật này.

Có lẽ cũng cùng suy nghĩ như vậy nên chùa Diệu Pháp, trong những món quà tặng cho các Phật tử tham dự ĐH, ngoài những quà lưu niệm khác, còn có thêm 1 hộp với đầy đủ bút lông, khăn & gương soi như một tặng phẩm đáng nhớ cho buổi lễ an vị Phật tại 1 ngôi chùa mà đã vinh hạnh có được sự chú nguyện của quý bậc « Chư Sơn Trưởng Lão Cao Tăng Đại Đức » đến từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Tu viện Chi Lin, bức tranh cổ giữa lòng phố Hồng Kông hiện đại (14/3/2010)

Sau những lần ngồi xe “xuôi ngược” trên những đảo chính của Hồng Kông trong 3 ngày, tôi đã nhủ thầm với chính mình: “Xứ này có mời cũng không ở!” bởi sự huyền ảo, bụi bặm, chật hẹp với toàn cao ốc che chắn tầm nhìn, không gian hầu như thiếu hẳn màu xanh của hoa cỏ; khó mà nhìn thấy được một công viên với đàn trẻ nô đùa trên đó! cũng không dễ gì tìm được những ngôi nhà trệt với vườn cây trái bao quanh!

Nhưng cho đến hôm nay, thay vì được thăm Thiền Viện Wong Tai Sin, BTC đã đưa chúng tôi đến viếng cảnh chùa Sư Nữ Chi Lin trên bán đảo Kowloon. Thật bất ngờ cho tất cả mọi người, giữa lòng phố thị huyền ảo lại đang dấu kín một ngôi chùa Sư Nữ với những khu vườn xanh mát, đẹp tuyệt vời như những bức tranh xưa trong truyền thống hội họa của người dân Trung Hoa!

Trên đỉnh đồi mang tên “Kim Cương”, chùa Chi Lin như một báu vật được che dấu trong lòng phố thị Hồng Kông. Vào năm 1930, một nhóm quý Ni Sư đã đến đây bắt đầu cho một cuộc sống ẩn dật, tu trì. Mãi đến năm 2000, chùa được xây dựng theo lối kiến trúc của thời nhà Đường (618-907 trước Công nguyên). Chùa được kiến tạo hoàn toàn bằng gỗ, ngay cả những chỗ kết nối giữa trụ, đòn tay, mái... đều bằng gỗ! Không hề có kim loại, không hề có lấy 1 cây đinh cho toàn bộ công trình này! Bởi thế cho nên đến thời điểm này, Chi Lin là ngôi chùa bằng gỗ - được xây dựng theo phương pháp thủ công, không máy móc hiện đại - lớn nhất thế giới hiện nay.

Trải rộng trên vùng đất 33.000m², chùa Chi Lin có tất cả 16 gian đại sảnh lớn nhỏ khác nhau với một hồ sen lớn tạo nên 1 sự hấp dẫn du khách ngay từ cái nhìn đầu tiên!

Chúng tôi theo chân người hướng dẫn của chùa để được nghe giới thiệu thật chi tiết về từng cấu trúc xây dựng, nguồn gốc của những tảng đá, xuất xứ và đời sống của những loài cây rất đặc biệt quanh chùa.

Phải nói là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy một ngôi chùa khang trang, bề thế và đẹp từ những chậu cây cảnh bé tí trên hành lang đến những góc tiểu cảnh dọc theo lối đi; từ những tảng đá đến những gốc cây, những khu rừng Á nhiệt đới, Ôn đới thu nhỏ cho đến ngút ngàn từng bách, đại thụ buông lơ lửng bên cầu, soi mình trong làn nước trong vắt của dòng suối êm đềm; hoặc vươn thẳng lên, che chở cho những mái chùa uốn lượn mềm mại trong không gian tĩnh lặng đến vô cùng quý báu của 1 Hồng Kông sôi động.

Với số lượng du khách quá đông tôi cho là điều rất tiếc đối với những ai yêu mến, thích đắm mình và thật sự mong muốn thưởng thức



cảm giác thanh bình, êm ả, thơm ngát mùi hương thiên nhiên từ cỏ cây, hoa lá. Chính du khách đã phá tan sự yên tĩnh của ngôi chùa! Nhưng nếu không được viếng thăm chùa Chi Lin (hoặc những thắng tích tương tự) thì có lẽ tôi sẽ có cảm giác không được hít thở không khí trong lành của xứ sở Hồng Kông!

Chùa PoLin và Tượng Đại Phật trong màn sương sớm (15/3/2010)

Vẫn còn là mùa Xuân của Bắc bán cầu với 1 chút se lạnh, chúng tôi rời xa phố phường Hồng Kông tấp nập, đầy tiếng động với nhịp sống rộn rã về với Đại Phật, với Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni tại ngôi chùa mang tên Polin trên hải đảo Lantau - nơi được chính quyền tự trị Hồng Kông hạn chế việc đô thị hóa để giữ gìn & phát triển vẻ đẹp thiên nhiên trên toàn lãnh thổ - Polin (Bửu Liên Tự), thật là một cái tên xa lạ đối với du khách quốc tế cho dù rất nhiều người đã đặt chân đến đây để chiêm bái tượng “Đại Phật”!

Thoạt tiên, vào năm 1906, có 3 vị sư đến viếng nơi này & quyết định lập một nơi tu hành với tên gọi đơn sơ “Ngôi Lều Lớn”. Mãi đến năm 1924, chùa được đổi tên là Polin trong ý nghĩa “Nơi nuôi dưỡng những đóa Sen tuyệt vời”.

Trong chánh điện của chùa, có 3 tượng Phật bằng đồng biểu trưng cho Quá Khứ, Hiện tại & Tương Lai. Nhưng nổi bật hơn cả là bức tượng Đại Phật Thích Ca Mâu Ni cũng được chế tác bằng đồng, tọa lạc trên đỉnh đồi trước chùa mà du khách, do thời gian hạn hẹp, chỉ đến lễ lạy rồi về. Đây chính là lý do tên Polin không được biết đến bằng bức tượng “Đại Phật” danh tiếng toàn cầu!

Tượng được khởi công xây dựng vào năm 1983 & hoàn tất năm 1993 với khoản 220 tấn

đồng, cao 34m - tượng Phật ngồi có chiều cao lớn nhất thế giới –

Phía dưới đài sen là 3 phòng triển lãm, trưng bày các sơ đồ, họa phẩm & kinh sách liên quan đến cuộc đời của Đức Phật. Tại đây, có 1 chiếc chuông lớn được vận hành theo sự điều khiển của một máy tính: trong suốt 1 ngày, chuông sẽ ngân lên 108 lần nhằm xóa tan tất cả phiền não của cuộc sống.

Vẻ đẹp sáng ngời trên bức tượng chính là những đường cong, là ánh mắt, là làn môi, là sự dịu dàng của bàn tay đưa lên ban phát niềm phúc lạc cho chúng sanh. Tất cả những nét đẹp trên đã tạo nên niềm cảm xúc đầy yêu thương và kính trọng cho tất cả những ai đến đây chiêm bái.

Với độ cao hơn 500m vào một sớm mùa Xuân trên cao nguyên, chúng tôi thật sự ỉu rũ vì ngàn mây xám dăng đầy bầu trời, liên tục che khuất bức tượng “Đại Phật”, không thể nào chụp ảnh cũng như chiêm ngưỡng tường tận nét đẹp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni qua bàn tay khéo léo của những nghệ nhân đúc tượng.

Ngược nhìn 268 bậc thang dẫn lên Phật đài, cho dù chân rất đau nhưng tôi cũng thâm niệm danh hiệu Ngài và quyết tâm...thong thả leo lên! Cũng có nhiều bác cao tuổi không chút ngại ngần, vừa đi vừa lần tràng hạt với tất cả tâm thành hiện ra trên từng khuôn mặt.

Gần trưa, sau khi được hướng dẫn thăm các phòng trưng bày bên trong tượng, chúng tôi đã được toại nguyện để cùng nhau chiêm bái vẻ đẹp tuyệt vời của pho tượng cũng như ghi lại những hình ảnh kỷ niệm cho lần ghé thăm.

Rất tiếc cho cá nhân tôi và cũng do sự nhầm lẫn của những người hướng dẫn về thời gian tham quan, tôi đã không được viếng thăm ngôi chùa như rất nhiều vị trong Đoàn - ngôi chùa mà nếu kết hợp với toàn cảnh trí chung quanh thì đã được tôn vinh là: **nơi tổng hợp cao nhất những nét đẹp thiên nhiên & văn hóa truyền thống của đảo quốc Hồng Kông**

Cao Thanh Dung.

(Mời xem tiếp phần 2: ‘Đài Loan, hành trình vòng quanh đất nước Phật Giáo hiền hòa’ trong số báo Vu Lan 2010).

Chú thích: Một số chi tiết trong bài viết trên đây được trích từ website: ‘en.wikipedia.org’./.

Lâu lắm rồi tôi không có viết, nhất là viết Việt văn. Hôm trước tôi dùng ‘Google’ tìm số phone của chùa Phước Huệ. Nói ra rất xấu hổ, tôi đã không còn nhớ đánh vần chữ ‘Phước’. Tôi viết thành ‘Phouc’. Tôi là gốc người Hoa, Việt văn không phải tiếng mẹ đẻ, cho nên học Việt ngữ đối với tôi là một chuyện khó. Có khả năng nói và viết một ngoại ngữ không phải dễ! Tôi rất sợ tôi bị mất đi khả năng này. Đây là một lý do tại sao hôm nay tôi cảm hứng viết bài Việt văn này.

Câu chuyện của một ly nước chỉ là một chuyện nhỏ mọn xảy ra trong gia đình. Chuyện xảy ra như sau ...

Có một lần tôi kêu Michael sẵn tay trong nhà bếp rót cho tôi một ly nước. Ngày thường tôi rất ít uống nước, tôi còn nói đùa là hôm nay chắc trời mưa, Ah Yin thêm nước. Nhưng khi tôi thấy ly nước, tôi rất bức mình. Tại vì đó chỉ là nửa ly nước, không phải một ly. Tôi bắt đầu cẩn thận, cau có ... Nếu anh chàng này đi rót lại cho đầy ly thì hết chuyện, nhưng chàng ta đem cây thước ra đo. Nói rằng đây là hai phần ba ly, chứ không phải nửa ly, cẩn thận tôi khó chịu... như vậy chiến tranh bắt đầu...

Nếu nói ra cho người ta nghe, người mất thể sẽ là tôi. Tại vì có người rót nước cho uống là một phúc báo rồi, còn kiếm chuyện gây gổ làm gì? Khó phục thị! Nhưng có ai lại biết ‘đá đóng ba trượng, phi nhất nhứt chi hạn’, tức là nước đông lạnh thành ba trượng đá, trời không phải chỉ lạnh có một ngày’. Thật ra tôi không phải là người khó chịu. Làm việc trọn vẹn là tính của tôi. Một ly nước là một ly nước, không thể nào là hai phần ba ly. Khi tôi đi học, tôi không tự yêu cầu lấy 100 điểm, nhưng ít nhất cũng phải 80. Tôi không phải là một học sinh lấy đủ điểm lên lớp là thôi. Nhưng anh chàng Michael này lại có tính nghệ sĩ. Không thích học hành, chỉ thích vẽ. Đối với chàng ta, lấy được bằng đại học

Một ly nước



là đủ rồi, đứng hạng nhất cũng vậy thôi! Khi tôi lái xe, tôi thường quan sát lane nào chạy nhanh hơn. Lý luận căn bản của một người lái xe là lane nào nhanh thì theo lane đó. Nhưng đối với anh chàng Michael, đến nơi trễ vài phút, hay đến trước vài phút không có khác biệt? (there is no rush). Một lần anh ta nói: ‘Người ta ai cũng cho rằng: lái xe tại Sydney rất là khó, nhưng tôi muốn biến sự khó khăn này thành một hứng thú. Lái tà tà, chung qui cũng tới thôi’ (we’ll get there sooner or later). Đối với anh ta, không ai có thể hạ kết luận một bức tranh, một bức họa đẹp hay không đẹp. Giữa xấu và đẹp, cách biệt chỉ là một phần một ly. Xấu và đẹp chỉ là một cảm giác của người thưởng thức họa mà thôi. Trong tự điển của anh ta, không có màu trắng hay màu đen. Trắng hoặc đen chỉ là tùy theo cảm giác của mọi người. Thật ra, đó cũng là giáo lý của một ly nước. Nếu cho rằng đó là một ly thì nó là một ly; nếu nói cho chính đáng hơn, anh ta không thể nào rót ra một ly nước, tại vì ly nước đầy rồi, nước sẽ tràn ra, không làm sao hứng ra được.

Đêm về, tôi lại mất ngủ. Nhưng anh Michael này thì đang ngủ say mê. Tôi không khi nào thấy anh ta mất ngủ, nằm xuống chỉ ba phút là nhập mộng. Đây là một khác biệt lớn giữa người sống một đời đầy giáo lý và không giáo lý!

03/03/2010
Ah Yin





Theo chân các vị

Thiền Trì Thức

Tịnh Đạt

Trong Kinh Pháp Cú, bài kệ thứ 208, Đức Phật có dạy rằng: “Người hiền trí, người đa văn, người nhẫn nhục là các bậc thánh giả, là chỗ nương tựa tốt nhất cho mọi người. Được theo các vị thiện tri thức ấy khác nào như mặt trăng theo đường tịnh đạo.”

Kính bạch Đức Thế Tôn, nương theo lời dạy của Ngài, chúng con gần bốn mươi người hiện có mặt trong phòng giảng số 218, trong ngày cuối cùng của Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới đã tìm được bốn vị thiện tri thức, để thực hành phần nghi thức tụng niệm mở đầu cho ngày hôm nay.

Tôi vào phòng vừa đúng lúc thầy Phước Tấn vị chủ lễ giới thiệu chư Tăng Ni hướng dẫn phần nghi thức tụng niệm cho buổi sáng này. Vị đại diện cho Phật giáo Nam Tông là Sư cả Vijitha Thero người Tích Lan. Một vị đại diện cho phái Kim Cang thừa là vị thầy Tendar người Tây Tạng. Ni sư Yue Yal tại chùa Phổ Hoàng Sơn thuộc Phật giáo Đại Thừa Tịnh độ. Người cuối cùng là thầy Phước Tấn cũng theo phái Tịnh độ. Theo chương trình thì thầy Phước Tấn chỉ được quyền sử dụng 5 phút đầu tiên để giới thiệu. Mỗi vị tăng ni theo từng hệ phái chỉ được dùng 10 phút để tụng bản kinh thuộc ngôn ngữ và hệ phái mình.

Đây là lần thứ nhì tôi được dự khóa lễ buổi sáng. Lần đầu tiên do thầy Jinwot Lee là giáo sư Tiên sĩ tại Triều Tiên làm chủ lễ. Đó là phần hướng dẫn phương cách tọa thiền, cũng đây những khách tham dự.

Không gian trầm xuống với lời kinh cầu bằng tiếng Pali của vị Sư cả Vijitha người Tích Lan. Hạnh phúc tràn ngập trong gian phòng, chúng

tôi có cảm giác Sư đã đưa mình đến Bồ Đề Đạo tràng để được chiêm bái Đức Giáo chủ của chúng ta. Khởi lòng thanh tịnh qua tiếng ngân nga trầm bổng của vị thầy Tendar người Tây Tạng. Trong tâm thanh tịnh này chúng tôi được hướng dẫn rõ ràng hơn bằng đoạn Kinh Phổ Môn được dịch ra bằng tiếng Anh do Ni Sư Yue Yal tại chùa Phổ Hoàng Sơn đọc. Một điều phải công nhận rằng nguồn văn hoá Việt Nam nhất là về mặt tôn giáo chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Trung Hoa. Chính vì thế mà những bản kinh và nghi thức tịnh độ không có gì khác nhau. Như bên Ni Sư tụng Phổ Môn thì thầy Phước Tấn tụng chú Đại Bi, rồi cùng hồi hướng công đức. Như vậy là cả hai bên đều ca tán lòng từ của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát. Với thầy Phước Tấn thì cuối cùng bao giờ cũng phải là bài Bát Nhã Tâm Kinh.

Đây là lần đầu tiên tôi được phép tụng chung với hai thầy Phước Tấn và Phước Hoan mà không có sự chỉ đạo của ban nghi lễ trong đạo tràng.

Thầy trò chúng tôi là người tụng kinh sau cùng, nhưng ai cũng biết rằng giọng thầy Phước Tấn đượm đầy hương vị ngọt ngào, mát dịu. Thế nên sau buổi tụng kinh thì có người dành câu hỏi cho thầy: “Xin thầy cho biết là thầy đã dùng ngôn ngữ nào trong bài kinh vừa tụng?” Câu trả lời giản dị của thầy làm tôi hãnh diện: “Bản kinh nguyên thủy là tiếng Phạn, người Trung Hoa âm thành tiếng Trung Hoa; rồi người Việt Nam âm lại thành bản kinh này, vậy nó chính là tiếng Việt.”

Tôi là đứa hay thắc mắc, cuối giờ lên thầy đến hỏi nhỏ người khách: “Có gì đặc biệt trong bản kinh mà khiến ông đặt câu hỏi cho thầy tôi?” Vị khách mỉm cười đáp: “Thầy cô có giọng

đọc kinh truyền cảm quá, khiến tôi xúc động, nên muốn tìm xem nó thuộc loại ngôn ngữ nào, vậy thôi.” Ôi! vậy ra mình cũng được thơm lây. Thấy chưa! Theo chân thiện tri thức thì bao giờ cũng được phần.

Mười phút sau cùng là những giây phút thiền quán. Hệ phái Nam tông rất nổi tiếng về môn này, vì thế mà theo sự sắp đặt, Sư cả Vijitha Thero hướng dẫn chúng tôi thiền và quán hơi thở.

Với căn cơ thấp lè tè như tôi, mười phút quả chưa đủ để làm việc gì cả, tôi vẫn còn chưa an thì Sư cho biết giờ tọa thiền đã hết, nhưng cái hương vị của thiền quán mà Sư vừa hướng dẫn, dường như vẫn còn vương đọng trong tâm tư tôi suốt cả buổi trời sau đó.

Chúng tôi lầy huây thu dọn rồi chụp ảnh thì anh Vi Phát phóng viên thứ thiệt (còn tôi là phóng viên giả hiệu, tạm thời, kém chất lượng) vào báo có thầy Huyền Diệu đến tham dự, đồng thời cô Rachael cũng vừa bước chân vào phòng. Chúng tôi làm vài bộ hình rồi nhanh chân rời khỏi phòng.

Theo thầy Huyền Diệu có bao điều màu nhiệm xảy ra trên thế gian này, nhưng nếu đúng cơ duyên thì ta mới gặp được nó. Vậy thì cơ duyên nào đưa đẩy cho đoàn chúng tôi đây? Một ngạc nhiên đầy thú vị là Ngài Samdhong, vị Thủ Tướng của đức Đạt Lai Lạt Ma đang đứng trước cửa phòng chờ quý thầy chúng tôi. Một cuộc chào hỏi sơ khởi và cuộc gặp gỡ bỏ túi được diễn ra trong bầu không khí thân mật trước phòng giảng số 218. Anh Vi Phát và tôi làm mấy bộ hình rất lịch sử này.

Chưa bao giờ tôi thấy sự hòa hợp cao đẹp giữa thầy Huyền Diệu, thầy Phước Tấn và thầy Phước Hoan như lúc này. Từng cử chỉ, từng lời nói cho ta cảm giác của sự san sẻ, sự lắng nghe như lời Đức Phật dạy. Ở đây ta có thể xem như một tăng đoàn gồm ba người: thầy Huyền Diệu, thầy Phước Tấn và thầy Phước Hoan đã đạt được lục hòa rồi còn gì nữa. Tôi nguyện thầm, sự hòa hợp này luôn có trong lòng tăng chúng khắp mọi nơi trên thế giới và như vậy không lo gì chuyện Phật giáo có phát

triển và trường tồn hay không nữa.

Người nói người nghe, câu chuyện càng ngày càng trở nên đậm đà thú vị, tôi học được nhiều điều từ quý thầy. Tôi học được một Mật pháp của thầy Huyền Diệu mà tôi cho là rất lý thú. Thầy dạy: “ Nếu chị biết ai đã ganh ghét, đố kỵ với chị, rắp tâm hại chị, chị không cách nào hóa giải được thì chị hãy cố gắng tìm cho được tám hình thật đẹp của họ, mỗi ngày ra vào chị lạy họ ít nhất ba lạy, tôi bảo đảm chừng khoảng thời gian ngắn họ sẽ thân thiện với chị ngay.” Tôi tìm ra bài pháp giản dị, hóa giải sự đố kỵ của người khác bằng cách lễ lạy họ. Đó cũng là cách tập cho mình tính khiêm cung trong cách xử thế hàng ngày.

Câu chuyện đạo đời được kết thúc bằng buổi ăn buffet trưa do thầy Phước Tấn khoản đãi tại nhà hàng nằm trong trung tâm trưng bày triển lãm của các tôn giáo. Thực khách gồm thầy Huyền Diệu, thầy Pháp Khâm, Sư cô Trung Chính cùng với ba sư cô nữa mà tôi không biết tên. Nhóm tăng thân Trúc xanh gồm vợ chồng chị Hậu Ngọc và anh Thắng. Bên phe ta có thầy Phước Hoan, anh Vi Phát, Rachael và tôi. Sau phần ăn trưa, tưởng theo dấu chân thầy luôn, nào ngờ khi đến cửa vào giảng đường dự lễ bế mạc, vì tôi mang bảng hiệu phóng viên nên bị người gác cổng chặn lại để đưa vào lối khác. Cái mặt khờ khờ của tôi mà ngày đó được sắp ngồi ngay hàng ghế đầu để được lấy tin tức và thu hình Đức Đạt Lai Lạt Ma thật là chuyện khó tin nhưng có thật.

Thôi thì mọi thứ đều là nhân duyên cả, lẽ ra tôi phải ở cho tới giờ cuối cùng của buổi lễ bế mạc, nhưng khốn khổ thầy Phước Tấn cho tôi ăn nhiều quá. Nói đúng ra thì tại con mắt tôi to hơn cái bụng nên tôi cảm thấy không an vì thế tôi về sớm hơn dự định. Tuy nhiên tôi cũng nghe được hết bài pháp của Đức Đạt Lai Lạt Ma và những diễn giả quan trọng trong ngày. Điều mà Đức Đạt Lai Lạt Ma đòi thứ 14 và các diễn giả có mặt ngày hôm nay muốn là: giữ được bầu trời trong sáng, giữ được màu xanh tươi đẹp của hành tinh xanh mà chúng ta đang sinh sống và giữ luôn cả sự an lành, bình yên cùng thanh tịnh giữa tình người và người./.

Nhận rõ về chân tướng của mạng sống

Ý nghĩa mạng sống thật sự là gì? Con người sinh ra từ đâu đến? Chết rồi về đâu? Đây là vấn đề rất hiện thực. Người thế gian thường phê bình người xuất gia là trốn tránh cuộc sống hiện thực. Hiện thực đối với người thế gian tức là “tiền”, tiền càng nhiều thành tựu càng cao, đây mới là đối diện với hiện thực. Thực sự có phải như vậy không? Không, đạo Phật nói hiện thực có nghĩa là trong những kinh nghiệm cuộc sống thực tế này mà từ trước đến nay chúng ta chưa tư duy đến, chưa hoàn toàn giác ngộ nó.

Phật giảng chân tướng của hiện thực thế gian là gì?

- Thứ nhất : “cuộc đời vô thường” mạng sống con người kết thúc bất kỳ lúc nào, tai nạn xe cộ, nổ phi cơ, hỏa hoạn, ngập lụt, bệnh tật bất thường...
- Thứ hai: Tâm của con người thường xuyên thay đổi. Sáng sớm thấy vui vẻ, trưa thì buồn bã, phiền não, tối nay cảm thấy mọi chuyện đều tốt đẹp, mai sáng thì thay đổi khác, năm nay quyết định công chuyện, sang năm thì quên khuấy đi, đó đúng là “Nhân tâm vô thường”, sự thật của thế gian này là “Thế gian vô thường”. Thế gian này không có gì là vĩnh hằng cả.

Ông Taylor đã từng nói: “Bề trên đã ban cho ta một mạng sống, nếu anh không dâng hiến mạng sống, anh sẽ không được mạng sống này”. Điều này có nghĩa là bề trên đã cho ta một sinh mạng, nhưng chúng ta không hiểu được sinh mạng là gì? Cuộc đời lúc nào cũng nghĩ đến danh và lợi nếu con người khi được sinh ra, bắt đầu học nói, học đi, sau đó mỗi ngày đi học, mỗi ngày đều đến sở làm, sau đó nói đến yêu đương, kết hôn. Sau khi kết hôn, sanh con đẻ cái, rồi mài miệt kiếm tiền cho cuộc sống! Mài miệt cực nhọc trong đời sống hơn hai, ba mươi năm, rồi cũng giống như mọi người, thành ông nội, bà ngoại, nhưng khi đó tuổi đời đã chồng chất. Về hưu

**Tâm
Hòa**



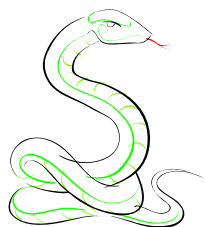
rảnh rồi thì dẫn chó đi dạo công viên, tán gẫu. Rồi một ngày nào đột nhiên không thấy ông bạn già thường ngồi dưới cây mát của công viên nữa ? Thêm được vài hôm thì được tin một người bạn khác bị stroke phải nằm bệnh viện! Khi đó mình mới bắt đầu lo ngại cho cá nhân mình . Sau đó không lâu, thì có người phát giác ra mình không còn đi dạo công viên nữa rồi ? Thì ra mình cũng đã sức yếu phải nằm trên giường nghỉ ngơi... sau đó các con cháu đầy hiếu thảo chuẩn bị cho mình một cỗ quan tài, đặt mình vào trong đó, đóng lại, đem đến chôn dưới lòng đất lạnh hoặc hỏa thiêu. Bất luận anh có rất nhiều tiền, danh tiếng ai cũng biết, rất anh hùng, hoặc người rất hấp dẫn, đẹp đẽ... đều cũng không tránh được những bước cuộc đời như vậy. Như nhà Thiền gói ghém :”Uyển như quá nhãn vân yên. Thập tự xuân mộng vô lạng” Đó mới chính là cuộc đời của mình ư!?

Phật Đà đã từng dạy: Trong cuộc đời mệnh mạng vô tận, con người không biết từ đâu sinh ra? Chết cũng không biết đi về đâu? Hồ đồ sống trọn cuộc đời, rồi họ còn huênh hoang tự đại.

Nhà Phật nhìn thấu và hiểu rõ trong cuộc đời hư vọng này không có cái tự tánh. “ Không có tự tánh” có nghĩa là “không có cái vĩnh hằng”. Chúng ta phải nhìn thấu rõ chân lý này, đồng thời cũng phải bỏ đi quan niệm sai lầm, buông xuống cái tự ngã đầy quan niệm chủ quan và chấp nhận quan niệm của người khác, sau đó chúng ta mới thực sự được một cuộc sống đúng đắn như lời Phật dạy./.

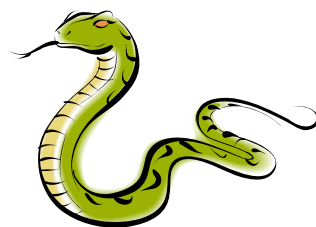
Sưu tầm.





Cặp rắn tu ở Chùa Trà Am (Huế)

Lý Trường Trân



Năm 1940 là năm mà Việt Nam và toàn cõi Đông dương bắt đầu nếm mùi khói lửa cuộc chiến tranh Mỹ Nhật tại Thái Bình Dương lan rộng, và năm ấy tôi đang học tại trường Khải Định Huế.

Con nhà nghèo xứ Quảng ra chôn Thân kinh để học một trường lớn có danh tiếng là một may mắn nhất của thời ấy.

Được vậy là nhờ sự cố gắng vượt mức của bản thân, và nhờ sự giúp đỡ của một người anh bà con về mặt tài chánh. Ông này thỉnh thoảng từ Quảng Nam ra Huế để thăm viếng một người bà con đang xuất gia và đang tu tập tại Chùa Trà Am Huế.

Chùa Trà Am sau đổi tên Mật Sơn Tự, là một ngôi chùa nhỏ, nằm sau lưng núi Ngự Bình.

Muốn đến chùa phải đi theo con đường đất đỏ, chạy sau lưng núi từ phía An Cựu, rẽ qua trái, băng qua một dòng suối, đi ngang trước nghĩa trang của gia đình họ Nguyễn Khoa, nép theo các hàng tre xanh dẫn đến cổng chùa.

Ngôi chùa này cũng như bao ngôi chùa ở Huế, có vườn mít, chuối, chè xanh, có một hàng trúc cao bao bọc. Chùa này thuộc loại chùa nghèo, vách xây, mái lợp ngói âm dương, sân chùa lát gạch, bên trong chánh điện lát xi măng, cách xa phía sau chùa khoảng 100 m, có ba ngôi tháp mộ của các vị trụ trì đã viên tịch.

Mỗi lần anh tôi ra thăm người bà con tại chùa là mỗi lần tôi tháp tùng anh tôi để viếng chùa, lễ Phật, và nếu gặp dịp nghỉ lễ vài ngày, thì tôi ở lại chùa với anh tôi trước khi trở về đất Quảng.

Điểm sâu đậm đặc biệt ám ảnh mãi trong tôi, mỗi khi nhớ Huế là nhớ đến cặp rắn tu ở chùa này.

Trong chuyến viếng chùa lần đầu tiên, khi sương chiều buông xuống sau sườn núi Ngự Bình và sau khi tiếng chuông công phu chiều vừa chấm dứt thì người bà con của anh tôi cho biết là trong chùa này có cặp rắn khổng lồ dưới đất của các ngôi tháp, vào đợt công phu lúc 3 giờ sáng thường hay bò vào chánh điện để nghe kinh, và xong thời kinh thì bò lại về hang xuống tháp.

Theo lời của người ấy cho biết thì cặp rắn này ở chùa này đã lâu, rất hiền, không nguy hiểm, không đáng sợ, vì trong mấy năm tu ở đây, ông ta chưa bao giờ thấy hay nghe nói cặp mãng xà này làm hại ai cả, mặc dù ngoại hình dễ làm cho người nào gặp lần đầu cũng phải khiếp đảm vì sự to lớn của thân hình bởi những khoang rắn ri màu vàng và đen sọc trên các vảy dày sấp lớp trên mình.

Chúng tôi đang nghe kể lại về chuyện cặp rắn tu thì Thượng tọa Viện chủ chùa bước đến. Với nụ cười hồn nhiên và đôn hậu của một vị chân tu, ông ta nói thêm rằng đừng sợ sệt hay lo lắng chi cả, những lúc đầu chưa quen thì cứ ngồi yên trên giường, rút chân lên, để xem cặp rắn bò vào nghe kinh.

Với sự ngạc nhiên pha lẫn niềm lo sợ, tôi đánh bạo hỏi T.T Viện chủ sao không đuổi cặp rắn ấy vào núi, mà để gần chùa như vậy, có thể làm hại đến tánh mạng các vị tu hành, hay các Phật tử hành hương.

T.T trả lời rằng: "Chùa chiền là nơi thanh tịnh để chúng sinh tìm đến tu tập, nay chúng sinh đã đến đây tu hành nghe kinh thánh pháp, mà đuổi họ (chỉ cặp rắn) đi thì không hợp đạo lý, hơn nữa họ không làm gì hại đến ai cả, và chẳng muốn đuổi họ đi, thì không ai có đủ sức đuổi họ, hãy chờ thời công phu sáng thì quý vị sẽ thấy họ và chứng kiến sự hiền hòa của họ."

Nghe T.T Viện chủ giải thích như trên, chúng

tôi cũng tạm yên tâm song chưa hết thắc mắc, nằm trên giường nghĩ miên man, mà ngủ hồi nào không hay, đến khi nghe các tiếng chuông của đại hồng chung ngân vang, chúng tôi mới thức giấc, bèn ngồi xôm dậy, xem đồng hồ thì đã 3g30 sáng, và buổi công phu sáng bắt đầu.

Tiếng chuông đại hồng kèm theo tiếng niệm danh hiệu các vị Phật của chú tiểu sa di vừa chấm dứt, các đèn dầu và nến được thắp sáng thì T.T Viện chủ, đắp y hậu chỉnh tề, bước lên chánh điện để niệm hương thỉnh Phật .

Xong phần này, T.T ngồi trên tọa cụ, một tay chuông, một tay mõ, bắt đầu tụng kinh.

Độ 5 phút sau, khi chúng tôi còn ngồi xôm trên giường tre, thì bỗng nghe những tiếng đập bạch bạch dưới nền chánh điện, và qua ánh đèn dầu và đèn nến, chúng tôi thấy rõ ràng một con rắn to, dài độ 1m50, thân hình tròn, óng ánh xanh như một ống tre luồng cỡ bằng trái chân người, trên đầu có một cái mòng đỏ như mòng gà trống, nhưng mòng không đứng thẳng, mà lại ngã sang một bên, giống như đội mũ ca-lô trên đầu.

Tiếng đập bạch bạch dưới đất là do cái đuôi rắn đập xuống nền khi di chuyển, vì hình như có phần cuối của đuôi bị cụt .

Tiếp theo sau là một con rắn khác thân hình đen nhánh, vẩy từng khoang, dài độ 2m50 nhưng cái mòng đỏ trên đầu thì nhỏ hơn và đứng thẳng, đang bò vào, nhẹ nhàng, ít tiếng động hơn.

Bò qua cửa xong, thì hai con chia làm hai hướng, bò thẳng về phía bàn thờ, leo lên bàn thờ, và quán tròn mỗi con một bên, gác đầu lên mình, nằm nghe kinh.

Đứng xa ngó vào bàn thờ, người ta có cảm tưởng như hai chồng vỏ xe hơi sắp lên nhau, thấy mà lạnh gáy.

Sau này, khi hỏi tại sao một cặp rắn mà con ngắn con dài, hai mòng trên đầu lại khác nhau, thì người bà con tu trong chùa giải thích rất trịnh trọng, bằng cách gọi hai con rắn ấy là

"ông dài" và "ông cụt".

Ông cụt là con rắn đực, có mòng lớn, ông dài là con cái, có mòng ngắn.

Cách đây mấy năm, cặp rắn này có thân hình bằng nhau, sau vắng bóng một thời gian mấy tháng, khi trở về lại đây, thì con rắn đực bị cụt đuôi, có lẽ qua một cuộc hành trình nguy hiểm trong rừng sâu, hay sau một cuộc chiến đấu sinh tử với một con thú khác trong rừng, nên bị trọng thương, mình mẩy bị đầy thương tích, phải dưỡng thương trong hang dưới tháp mộ mấy tháng.

Và trong lúc ấy chỉ có con cái vào chánh điện mỗi buổi sáng nghe kinh mà thôi. Ông ta cho biết thêm, ban đêm vào khoảng khuya, lúc 12 giờ đến 1 giờ sáng, trong chùa nghe những tiếng gáy của gà tre, thì đó là tiếng gáy của ông cụt, nhất là trong những đêm trăng sáng, còn ông dài thì không bao giờ nghe gáy cả.

Buổi kinh mai tụng vừa xong, chuông được một hồi, mõ chấm dứt, trong khi T.T Viện chủ quỳ lạy để rút lui, thì cặp rắn từ từ bò xuống, và trườn ra khỏi cửa như khi mới vào, và tiếng động của ông cụt mỗi lúc xa dần về hướng các tháp mộ.

Trong tuần trà buổi sáng, khi gặp lại Thượng tọa Viện chủ, ngài mỉm cười hỏi chúng tôi đã thấy cặp rắn ấy chưa, và giảng thêm:

“Trong các kinh Phật, quý vị thường nghe nói đến bốn chữ Thiên Long Bát Bộ. Là tám loại chúng sanh nguyện phát tâm bảo vệ chánh pháp, hộ trì Tam Bảo, mà rắn là một bộ trong bát bộ, vì họ cũng biết nghe kinh, thính pháp, tu tập hành trì, nên tâm linh của họ thăng tiến.

Và qua một thời kỳ tu tập lâu dài vài nghìn năm, cũng có thể tiến hóa từ ngoại vật, súc sanh đến quả vị loài người, và từ cõi người lên các cõi chư thiên, hay các vị giác ngộ và thành Phật.

Quý vị còn nhớ, ngày trước, khi đức Thích Ca đang tu khổ hạnh, ngồi dưới cội Bồ Đề, trong dãy Tuyết Sơn, có nhiều ngày bị mưa lũ hoành

hành các thần rắn đến quán quanh mình Ngài, dùng bảy đầu xoè ra che cho Phật khỏi bị ướt.

Cũng như trong các chuyện Tàu, các mỹ nữ Thanh Xà, Bạch Xà cũng là các con rắn tu lâu năm, Đắc Kỷ hay Nguyệt Cô đều do những con hồ ly tu lâu năm thành người v.v...

Được hỏi về các lối sống của cặp rắn tu, thì T.T Viện chủ cho biết họ không ăn thịt, chỉ ăn bó hoa tàn cúng thả ra, các vỏ bầu bí, dưa, mướp đặt dưới chân các tháp mộ.

Từ ấy đến nay, sau khi người bà con chuyển tu đến một chùa khác, chúng tôi không có dịp trở lại chùa Trà Am nữa, cho đến 30 năm sau, có dịp đến chùa Già Lam ở Gò Vấp Sài Gòn, để vấn an Hòa thượng Trí Thủ, vì lúc trước HT có một thời gian tu tại chùa Trà Am, khi nhắc đến cặp rắn tu ở chùa này, thì HT cho biết là sau ngày rằm tháng 7 năm 1945, trong mùa thu, người trong chùa không còn thấy cặp rắn vào nghe kinh ở chùa Trà Am nữa.

Về các cặp rắn tu, tôi có duyên hội kiến với T.T Thiền Tâm tu ở ngôi chùa sau lưng Vĩnh Minh Thiền Viện ở xã Đại Ninh, thuộc huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Ngài cho biết có làm lễ quy y cho mấy cặp vợ chồng rắn trong rừng Bảo Lộc, ra quỳ xin ngài quy y dưới dạng hình người, và nhiều cặp rắn khổng lồ đã vào khoanh tròn trên giường trong thiền thất của Ngài, mặc dù Ngài đã khóa cửa rất kỹ, và khi Ngài ngồi thiền, nhiều cặp rắn đã nằm sát sau lưng Ngài.

Các đệ tử của ngài kể lại, trong tang lễ của Ngài khi kim quan của Ngài sắp đưa nhập tháp, kim quan được quàng lộ thiên để các đệ tử đến đánh lễ, thì một cặp rắn, toàn thân màu vàng, có tỏa ánh sáng, bò đến trước kim quan ngẩng đầu bái ba bái, và sau đó biến lẹ vào rừng cây xanh ngắt.

Trong đời tôi, thấy rắn và nghe chuyện rắn cũng nhiều, như hang rắn tu ở trong núi Sập trong dãy Thất Sơn, con rắn khổng lồ Buông Ay Riên, giữa huyện Cống Sơn, giáp ranh tỉnh Phú Yên và Darlac ở Rừng Lào về, nhưng không có hình ảnh nào khiếp đảm và sống

động bằng cặp rắn tu ở Chùa Trà Am, mà đã 50 năm qua, hình ảnh cặp rắn ấy không bao giờ phai lợt, và câu nói nhẹ nhàng của T.T Viện chủ Chùa Trà Am vẫn còn văng vẳng bên tai:

“Phật dạy: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, bốn loài : bò, bay, máy, cựa đều có Phật tánh cả, nếu biết tu hành, không chóng thì chày, đều sẽ đạt Phật tánh ấy?”.

(Trích: Tuyển Tập Nhớ Huế 2000)

Ngay Vui

Một sáng bình minh tôi ngắm trông
Đất trời cao rộng quá mênh mông
Cảnh nhà mái ngói nằm san sát
Bên cạnh dòng sông Maribyrnong.

Quang Minh cảnh đẹp rất nên thơ
Sớm tối kệ kinh rửa bụi nhơ
Nào phiền cầu nhiễm trần sa kiếp
Tĩnh giác hồi đầu dứt lụy tơ.

Trời chiều gió mát mây lững trôi
Chánh niệm bước đi giữa khung trời
Không gian tĩnh mịch niềm mơ ước
Ước về Tịnh độ dứt khổ đời.

Kiểm đồ báo hiệu giờ công phu
Se lạnh đêm khuya cảnh trời thu
Áo lam thanh thoát trong đêm vắng
Thọ bát ngày vui đại chúng tu.

Trai đường tiêu thực buổi sáng nay
Thoáng đó qua đi hết một ngày
Đạm bặt cháo rau lòng thanh thoát
Gắng chí tu hành hết khổ ngay.

Một ngày thọ bát đã trôi qua
Đại chúng đồng đăng bảo điện tòa
Chỉ thành đánh lễ ngôi Tam bảo
Cầu xin xả giới trở về nhà.

Quang Minh thọ bát chớ bỏ qua
Thứ bảy về tu kết duyên mà!
Duyên trần ràng buộc từ bao kiếp
Tĩnh thức hồi đầu nguyện thoát ra.

Thanh Trì



1. Vật liệu:

- 2 củ sắn độ 300g. - 100g cà rốt.
- 100g su su. - 150g nấm rơm búp.
- 100g đậu phộng. - 1 miếng tàu hũ ky.
- 1 cây mì căn. - 100g dừa nạo sẵn
- Bánh tráng. - Xà lách, tương ớt, tương ngọt, muối, đường, bột ngọt, dầu ăn.
- 50g củ kiệu băm nhỏ.

2. Cách làm:

* Chuẩn bị

- Củ sắn, cà rốt, trái su: gọt vỏ, rửa sạch, bào mỏng, xắt sợi.
- Nấm rơm rửa sạch xắt mỏng.
- Bắc chảo dầu nóng, cho kiệu tươi băm nhỏ vào cho thơm, cho nấm rơm vào xào, nêm chút nước tương, đường, bột ngọt cho vừa ăn.
- Tàu hũ ky: Rửa sơ nước lạnh, chiên với dầu ăn đã khử chút kiệu tươi băm nhỏ cho vàng, dùng kéo cắt chiều ngang độ 5 ly, chiều dài độ 5cm.
- Đậu phộng rang vàng, giã hơi nát.
- Mì căn : xắt sợi, phi dầu với kiệu băm nhỏ cho thơm, cho mì căn vào chiên vàng đều, nêm chút nước tương, đường, bột ngọt cho vừa ăn.

- Xà lách: rửa sạch, để ráo nước, xắt độ 1cm.
- Tương ngọt: Bắc chảo dầu nóng, cho chút kiệu tươi băm nhỏ vào cho thơm, cho tương vào chế thêm chút nước sôi, nêm đường, bột ngọt cho vừa ăn.

* Cách xào và cuốn:

- Bắc chảo dầu nóng, cho kiệu tươi băm nhỏ vào cho thơm, cho củ sắn, cà rốt, trái su vào, xào cho chín, nêm chút muối, bột ngọt cho vừa ăn, nhắc xuống để nguội.
- Thoa sơ nước lạnh lên bánh tráng, để độ 2 phút cho bánh dẻo đều, để bánh tráng lên đĩa to, cho xà lách, củ sắn, cà rốt, trái su, nấm rơm, mì căn, tàu hũ ky, dừa, một nhúm đậu phộng để phía ngoài, tương ngọt và tương ớt, cuốn lại cho thật chặt, dùng liền rất ngon./.

Tâm Hòa soạn.



TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

BAN HỘ NIỆM

THÔNG BÁO

Ban Hộ Niệm Tổ Đình Phước Huệ được thành lập đã hơn 10 năm nhằm mục đích tương thân tương trợ giữa các Hội viên. Những sinh hoạt Ban hộ niệm gồm có:

- Thăm viếng và cầu an cho các Hội viên bệnh nặng
- Tổ chức sinh nhật tập thể hàng tháng, cầu an cho các Hội viên có ngày sinh trong tháng đó và nhân dịp này, cầu siêu cho các Hội viên quá vãng.
- Phúng viếng và hộ niệm cho các Hội viên quá vãng.

Hội viên Ban Hộ Niệm còn được hưởng các quyền lợi:

- Được hướng dẫn niệm Phật, trợ niệm và hộ niệm cho chính mình và tha nhân.
- Dự sinh nhật tập thể miễn phí;
- Khi mãn phần, được phúng viếng một tràng hoa và được ký linh (gởi hình để thờ) miễn phí tại Tổ Đình Phước Huệ.
- Hội viên mãn phần khi đủ thâm niên 6 tháng, kể từ ngày gia nhập sẽ được hưởng quyền lợi tương trợ.

Muốn biết thêm chi tiết về điều kiện gia nhập Ban Hộ Niệm xin liên lạc văn phòng Tổ Đình Phước Huệ điện thoại số 02 9725 2324.

Nay kính thông báo

Ban Hộ Niệm Tổ Đình Phước Huệ



Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Phật Đản này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách Quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho báo mừng Phật Đản năm 2010

Thầy Phước Độ	50 USD	Tâm Hậu	50	Đông Nga	200
Scô Phước Lượng	50 USD	Ông Bà Trần Trọng Khoái	50	Minh Châu & Thái Minh	100
Quảng Diệu	20 USD	Phan Văn Thê pd Nhuận Trí	20	Quảng Thành	50
Diệu Minh	20 USD	Châu Thanh Thúy	50	Hoàng Thị Trúc pd Viên Trục	50
Diệu Chân	20 USD	Bác Vực pd Diệu Hạnh 1	60	Quincy Trí Việt	30
Diệu Đào	20 USD	Bác Thắng	20	Thầy Phước Nghĩa	30
Minh Phúc & Chúc Lượng	20 USD	Huỳnh Thanh pd Thanh Trí	50	SC Huệ Mãnh	50
Chánh Năng	50 USD	Nguyễn Ngọc Hiền pd Diệu Ánh	30	Chư Tăng Ni Tổ đình PH.	730
Ng T. Hằng pd Viên Minh	50 USD	Sơn Thu	50		

Danh sách Quý Phật tử ủng hộ cúng hoa quả, ấn tống CD-DVD Đại Lễ Phật Đản 2634

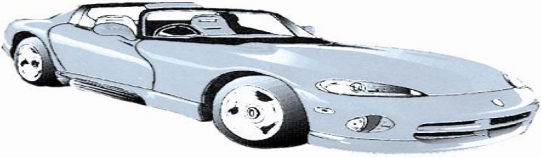
Cúng hoa quả		Minh Châu	20	Lâm Kim Phụng Michelle	50
Tử Kim Quang	30	Thái Minh	20	Đạo hữu Nga	25
Gđ. Ng. Tuấn Hải	30	Cô Linh	50	Ấn tống CD-DVD	
Diệu Huy	20	Đh. Vực pd Diệu Hạnh	30	Gđ Diệu Thanh	200
Diệu Thời	20	Chân Huyền Hiền	100	Ấn danh	300
Huỳnh Ái Cúc	20	Ấn danh	50	Sư cô Phước Thông	200
Ngành Hà	20	Ngụy Thượng Cương	20	Ngọc Thiện	100
Gđ. Võ Văn Hai	30	Ngụy Thượng Văn	10	Ấn danh	10
Gđ. Phát + Hoa	20	Ngụy Thượng Đức	20	3 Phật tử ấn danh	200
Gđ cô Phi	20	Mỹ Dung	20	Phó Tổ Lan và bạn	100
Javis Wei	10	Mỹ Vân	20	Diệu Ngọc	50
Daryl Wei	10	Mỹ Linh	20	Ấn danh	200
Lương Hiền Tài	10	Lean	10	Nhường	50
Ngọc Tín	20	Liều	20	Nguyễn Thị Ánh Hồng	20

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo

- Tiệm vàng Mỹ Tín
- Tran's Aquarium
- Huyện Motor Repair
- Tiệm vàng Hưng Thành
- Nhà quán Trường An
- Nha sĩ Ng. Thị Phương Thảo
- Tiệm thuốc tây Mai
- Tiệm thuốc tây Mỹ Đức
- Nhà quán Vạn Thọ
- Nhà quán Chung Wah
- Gạo thơm Hoàng Gia
- All - Villa Print

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

HUYEN MOTOR REPAIR



PARRAMATTA ← → VILLAWOOD, HUME HWY

WOODVILLE RD.

FAIRFIELD ST. LISBON ST. SEVILLE ST. MANDARIN ST. MALTA ST.

CROWN ST.

HUYEN MOTOR REPAIRS

VAN HUYEN
(02) 9755 0761

OPEN 6 DAYS
Unit 2, 92 Seville Street
Fairfield East NSW 2165

Mob: 0407 567 673

- * Sửa chữa tất cả các loại xe máy và điện
- * Elect Tune Up-Fuel Inject Cleaner
- * Wheel Alignment * Bơm ga máy lạnh xe
- * Cân bằng bánh xe. Thay vỏ ruột
- * Check xe đóng thuế lưu hành (Pink Slip)
- * Thay thắng, Clutch, Auto, Manual Transmission
- * Có xe cho quý vị mượn tạm